

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

Số tín chỉ: 05

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dùng chung cho các ngành

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

2. Mã học phần: CTRI 101

3. Số tín chỉ: 5 (5, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bố thời gian:

- Lý thuyết: 75 tiết

- Tự học: 150 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Không.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	0384.080136	Honghoa_dhsd@yahoo.com
2	TS. Phạm Văn Dự	0976.181.949	Phamvandu84@gmail.com
3	ThS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	yenduc linh@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0974.588.423	Nhungkienlinhchi@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972.579.236	nguyenhienhp25@gmail.com
6	ThS. Đỗ Thị Thuý	0936.503.703	thuydhsd@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	0904476146	Nguyenmanhtuong10@gmail.com
8	ThS. Vũ Văn Đông	0985.412.618	Duydongvu82@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ngoài chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, học phần còn được cấu trúc thành 3 phần với 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát về những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; Phần thứ hai có 3 chương trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Phần thứ ba có 3 chương, trong đó có hai chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Thông qua học phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, xác định thái độ và cách thức hoạt động, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa Mác – Lênin; Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học.	2	[1.2.1.1.a]
MT1.2	Hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng.	3	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	- Phân tích các nội dung của triết học Mác - Lênin, lấy ví dụ, liên hệ thực tiễn để làm rõ. - Phân tích và hiểu rõ được học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. - Phân tích được lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	- Vận dụng kiến thức Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin để đánh giá các vấn đề tự nhiên, xã hội và tư duy, vận dụng giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực định hướng, đánh giá và đưa ra kết luận.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Hiểu được những kiến thức cơ bản: - Khái quát sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin - Các nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. - Các nội dung của phép biện chứng duy vật: Các nguyên lý, các cặp phạm trù, các quy luật, lý luận nhận thức. - Các nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử: Sản xuất vật chất, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, nhà nước và dân tộc, giai cấp và cách mạng xã hội, tồn tại xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	2	[2.1.1]
CDR1.2	Hiểu được học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: Học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	2	
CDR1.3	Hiểu được lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.	2	
CDR1.4	Có thể giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng.	3	
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Vận dụng các nội dung của Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy ví dụ, liên hệ thực tiễn để làm rõ.	3	[2.2.5]
CDR2.2	Vận dụng kiến thức của Chủ nghĩa Mác - Lênin để đánh giá các vấn đề tự nhiên, xã hội và tư duy; vận dụng giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	3	[2.2.6]
CDR3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	4	[2.3.1]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR3.2	Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân.	4	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	Chương mở đầu: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành 2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển của Chủ nghĩa Mác - Lênin. a. Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời Chủ nghĩa Mác. b. Giai đoạn hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác c. Giai đoạn bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác. d. Chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới. II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin. 1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu 2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu.	x			x	x		x	
2	Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng- hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật. II. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. 1. Vật chất a. Phạm trù vật chất	x			x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	b. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất c. Tính thống nhất vật chất của thế giới 2. Ý thức a. Nguồn gốc của ý thức b. Bản chất và kết cấu của ý thức 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức								
3	Chương II: Phép biện chứng duy vật I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng a. Khái niệm biện chứng. Phép biện chứng b. Các hình thức cơ bản của phép biện chứng 2. Phép biện chứng duy vật II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến 2. Nguyên lý về sự phát triển III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 1. Cái riêng và cái chung. 2. Bản chất và hiện tượng 3. Tất nhiên và ngẫu nhiên 4. Nguyên nhân và kết quả 5. Nội dung và hình thức 6. Khả năng và hiện thực IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 1. Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại a. Khái niệm chất, lượng b. Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng c. Ý nghĩa phương pháp luận 2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập a. Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn b. Quá trình vận động của mâu thuẫn c. Ý nghĩa phương pháp luận 3. Quy luật phủ định của phủ định V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức a. Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn	x			x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	b. Nhận thức và các trình độ nhận thức c. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý a. Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó b. Phủ định của phủ định c. Ý nghĩa phương pháp luận. V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức a. Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn b. Nhận thức và các trình độ nhận thức c. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý								
4	Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó 2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất a. Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất b. Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội a. Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng b. Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng. III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội a. Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức	x			x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	xã hội b. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội 2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội IV. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội 1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội 2. Quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp a. Khái niệm giai cấp, tầng lớp xã hội b. Nguồn gốc giai cấp c. Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp VI. Quan điểm của Chủ nghĩa nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân. 1. Con người và bản chất của con người a. Khái niệm con người b. Bản chất con người 2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân								
5	Chương IV: Học thuyết giá trị I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá. 1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá. 2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá II. Hàng hoá 1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá 2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá. 3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân		X		X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	tổ ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá III. Tiền tệ 1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ. 2. Các chức năng của tiền tệ IV. Quy luật giá trị 1. Nội dung của quy luật giá trị. 2. Tác động của quy luật giá trị								
6	Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư I. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản 1. Công thức chung của tư bản 2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản. 3. Hàng hoá sức lao động II. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản. 1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. 2. Bản chất của chủ nghĩa tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến 3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư. 4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch. 5. Sản xuất giá trị thặng dư - Quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản III. Sự chuyển hoá giá trị thặng dư thành tư bản - Tích lũy tư bản 1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản 2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản 3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản IV. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư 1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản 2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội 3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản V. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư 1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận 2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất. 3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa		X		X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản								
7	Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền 1. Nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ cạnh tranh tự do sang độc quyền. 2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền 3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước III. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại 1. Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất 2. Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức. 3. Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp. 4. Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn 5. Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường. 6. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế TBCN, là lực lượng chủ yếu 7. Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường IV. Đánh giá chung về vai trò, hạn chế và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản 1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội		x		x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản 3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản								
8	Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. 1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó. a. Khái niệm giai cấp công nhân. b. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. 2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. a. Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa. b. Đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân. 3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. a. Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính Đảng của giai cấp công nhân. b. Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân. II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa. 1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó. a. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa. b. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa. 2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa. 3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. a. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân. b. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân. III. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa. 1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa.			X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	2. các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa. a. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. b. Chủ nghĩa xã hội. c. Giai đoạn cao của xã hội Cộng sản chủ nghĩa								
9	Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. 1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. a. Quan niệm về dân chủ và nền dân chủ. b. Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. c. Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa. 2. Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. a. Khái niệm "nhà nước xã hội chủ nghĩa". b. Đặc trưng, chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. c. Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa. II. Xây dựng nền văn hoá Xã hội chủ nghĩa. 1. Khái niệm nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. a. Khái niệm văn hoá và nền văn hoá. b. Khái niệm nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. c. Đặc trưng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. 2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. a. Những nội dung cơ bản của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. b. Phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo. 1. Vấn đề dân tộc và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. a. Khái niệm dân tộc b. Hai xu hướng phát triển của dân tộc			x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	và vấn đề dân tộc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. c. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. 2. Tôn giáo và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. a. Khái niệm tôn giáo. b. Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. c. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.								
10	Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực. 1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới. 2. Sự ra đời hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó. a. Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. b. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết và nguyên nhân của nó. 1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết. 2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết. a. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết. b. Nguyên nhân chủ yếu, trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của mô hình CNHXô viết. III. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội. 1. Chủ nghĩa tư bản - không phải là tương lai của xã hội loài người. 2. Chủ nghĩa xã hội- tương lai của xã hội loài người. a. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội. b. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, đổi mới và ngày càng đạt được những thành tựu to lớn.			X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	c. Đã xuất hiện những nhân tố mới của xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở một số quốc gia trong thế giới đương đại.								

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà.
CDR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CDR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên...	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 bài	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 bài	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên thông qua tỉ lệ hiện diện của sinh viên trên lớp, ý thức tự học, ý thức tham gia xây dựng bài, thực hiện các nhiệm vụ về nhà và hoạt động nhóm.

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi sinh viên học được nửa chương trình, đánh giá theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 50 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

- Thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

12. Phương pháp dạy và học

Giảng viên giới thiệu học phần, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học. Giới thiệu nội dung cốt lõi của học phần, của từng chương, sau mỗi chương có tổng kết. Sử dụng bài giảng điện tử và các dụng cụ khác giảng dạy, phản hồi đầy đủ và kịp thời kết quả thảo luận, kết quả kiểm tra, thi.

Các phương pháp giảng dạy có thể áp dụng: thuyết trình, thảo luận nhóm, trực quan, đàm thoại, dự án... để làm rõ các khái niệm, nguyên lý; lấy ví dụ và liên hệ thực tiễn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học.

Sinh viên lắng nghe, ghi chép, chủ động nắm bắt kiến thức và vận dụng nội dung kiến thức bài học để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà giảng viên giao cho.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc giáo trình trước khi đến lớp, đọc thêm các tài liệu liên quan về chủ nghĩa Mác - Lênin, lịch sử triết học, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi đến lớp. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giảng viên phân công. Ghi chép và tích cực thảo luận, xây dựng bài trên lớp.

- Yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ về nhà: Sinh viên thực hiện nghiêm túc các nội dung tự học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên, hoàn thành tất cả bài tập và nhiệm vụ giảng viên giao.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo quy chế.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Trường Đại học Sao Đỏ 2011, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, in lưu hành nội bộ.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Đại học Quốc gia Hà Nội 2008, *Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, tập I. NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

[3]. Đại học Quốc gia Hà Nội 2008, *Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, tập II. NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

[4]. Đại học Quốc gia Hà Nội 2008, *Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, tập III. NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng Sản Việt Nam 2011, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng Sản Việt Nam 2016, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	Chương mở đầu: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin Mục tiêu chương: Trình bày được khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin như khái niệm chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành, quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin. Liên hệ sự vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin của Đảng ta ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành 2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển của Chủ nghĩa Mác - Lênin. a. Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời Chủ nghĩa Mác. b. Giai đoạn hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác c. Giai đoạn bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác. d. Chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới. II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin. 1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu 2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu. Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác - Lênin Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng Mục tiêu chương: Trình bày được nội dung của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng như vấn đề cơ bản của	5		[1] [2] [5] [6]	- SV đọc trước bài ở nhà các nội dung: Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin ; đối tượng và phương pháp học môn học ; nội dung của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng. - Đọc tài liệu số [1] từ tr 9 – 34 ; [2] từ tr 7 – 54 ; [5] từ tr 5 – tr 12 ; [6] từ tr5-tr54. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. - Liên hệ thực tiễn sự vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	triết học, vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Vận dụng được lý luận khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân. Nội dung cụ thể: I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng- hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật. II. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. 1. Vật chất a. Phạm trù vật chất b. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất c. Tính thống nhất vật chất của thế giới 2. Ý thức a. Nguồn gốc của ý thức b. Bản chất và kết cấu của ý thức 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức				
2	Chương II: Phép biện chứng duy vật Mục tiêu chương: Trình bày được các nội dung về phép biện chứng và phép biện chứng duy vật như các nguyên lý, các cặp phạm trù, các quy luật, lý luận nhận thức của phép biện chứng. Vận dụng những ý nghĩa khoa học của phép biện chứng vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân. Liên hệ để đánh giá những vấn đề trong đời sống xã hội hiện nay. Nội dung cụ thể:	5		[1] [2]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Các nguyên lý, các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật. - Đọc tài liệu số [1] từ tr61 – tr89; [2] từ tr46 – 83. - Chuẩn bị nội dung thảo luận

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng a. Khái niệm biện chứng. Phép biện chứng b. Các hình thức cơ bản của phép biện chứng 2. Phép biện chứng duy vật II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến 2. Nguyên lý về sự phát triển III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 1. Cái riêng và cái chung. 2. Bản chất và hiện tượng 3. Tất nhiên và ngẫu nhiên 4. Nguyên nhân và kết quả 5. Nội dung và hình thức 6. Khả năng và hiện thực				theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần II; III.
3	IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 1. Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại a. Khái niệm chất, lượng b. Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng c. Ý nghĩa phương pháp luận 2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập a. Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn b. Quá trình vận động của mâu thuẫn c. Ý nghĩa phương pháp luận 3. Quy luật phủ định của phủ định a. Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó b. Phủ định của phủ định c. Ý nghĩa phương pháp luận.	5		[1] [2]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật. - Đọc tài liệu số [1] từ tr87 – tr105; [2] từ tr84 94. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần IV.
4	V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức a. Thực tiễn và các hình thức cơ bản của	5		[1] [2]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Lý luận nhận thức

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	thực tiễn b. Nhận thức và các trình độ nhận thức c. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử Mục tiêu chương: Trình bày được nội dung vai trò của sản xuất vật chất, nội dung quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, tồn tại xã hội, ý thức xã hội, hình thái kinh tế - xã hội. Lấy ví dụ và liên hệ thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó 2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất a. Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất b. Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội a. Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng b. Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng.				duy vật biện chứng. - Đọc tài liệu số [1] từ tr105-tr142; [2] từ tr95-tr130; [5] từ tr - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần I/1,2.
5	III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội a. Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội b. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối	5		[1] [2]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	với ý thức xã hội 2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội IV. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội 1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội 2. Quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội				lập tương đối của ý thức xã hội; Hình thái kinh tế - xã hội. - Đọc tài liệu số [1] tr142 - tr170, [2] tr180- tr190. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần III, IV.
6	V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp a. Khái niệm giai cấp, tầng lớp xã hội b. Nguồn gốc giai cấp c. Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp VI. Quan điểm của Chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân. 1. Con người và bản chất của con người a. Khái niệm con người b. Bản chất con người 2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân	5		[1] [2]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về con người. - Đọc tài liệu số [1] từ tr152- tr182,[2] từ tr 191 – tr320. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần V, VI. - Viết tiểu luận từ 8 - 12 trang. <i>Vấn đề 1: Lý luận</i>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
					nhận thức duy vật biện chứng. <i>Vấn đề 2:</i> Vấn đề con người trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.
7	Phần thứ hai: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa Chương IV: Học thuyết giá trị Mục tiêu chương: Trình bày được điều kiện ra đời và ưu thế của sản xuất hàng hoá, nội dung của hàng hoá, nội dung về tiền tệ và nội dung quy luật giá trị. Lấy ví dụ và liên hệ học thuyết giá trị vào nền kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá. 1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá. 2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá II. Hàng hoá 1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá 2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá. 3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá	5		[1] [3]	- Đọc trước nội dung ở nhà: sản xuất hàng hoá, hàng hoá. - Đọc tài liệu số [1] từ tr183-tr204; [3] từ tr7-tr17. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần I, II. - Ôn thi giữa học phần.
8	III. Tiền tệ 1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ. 2. Các chức năng của tiền tệ IV. Quy luật giá trị 1. Nội dung của quy luật giá trị. 2. Tác động của quy luật giá trị	4LT 1KT		[1] [3]	- Đọc trước nội dung ở nhà: sản xuất hàng hoá, hàng hoá. - Đọc tài liệu số [1] từ tr 204-tr214; [3] tr22-tr32.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
					- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần IV. - Làm bài kiểm tra giữa học phần.
9	Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư Mục tiêu chương: Trình bày được công thức chung của tư bản, hàng hoá sức lao động, quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản, tích lũy tư bản, quá trình lưu thông của tư bản, các hình thái tư bản. Lấy ví dụ và liên hệ với thực tiễn nền kinh tế tư bản trên thế giới hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản 1. Công thức chung của tư bản 2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản. 3. Hàng hoá sức lao động II. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản. 1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. 2. Bản chất của chủ nghĩa tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến 3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư. 4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch. 5. Sản xuất giá trị thặng dư - Quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản III. Sự chuyển hoá giá trị thặng dư thành tư bản - Tích lũy tư bản	5		[1] [3]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Sự chuyển hoá tiền thành tư bản; quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản. - Đọc tài liệu số [1] từ tr219-tr252; [3] từ tr39-tr91. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần II.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản 2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản 3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản				
10	IV. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư 1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản 2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội 3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản V. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư 1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận 2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất. 3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản	5		[1] [3]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Tích lũy tư bản, quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư, các hình thái của tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. - Đọc tài liệu số [1] từ tr252 – tr308; [3] từ tr91-tr129. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần III, IV,V.
11	Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước Mục tiêu chương: Trình bày được những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa t□ bản hiện đại. Đánh giá chung về vai trò, hạn chế và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa t□ bản. Lấy ví dụ và liên hệ thực tiễn hiện nay về chủ nghĩa tư bản độc quyền và	5		[1] [3]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước những nét mới trong sự phát triển của chủ

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước trên thế giới. Nội dung cụ thể: I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền 1. Nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ cạnh tranh tự do sang độc quyền. 2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền 3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước III. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa t□ bản hiện đại 1. Sự phát triển nhảy vọt về lực l□ợng sản xuất 2. Nền kinh tế đang có xu h□ớng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức. 3. Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp. 4. Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn 5. Điều tiết vĩ mô của nhà n□ớc ngày càng đ□ợc tăng c□ờng. 6. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế TBCN, là lực l□ợng chủ yếu 7. Điều tiết và phối hợp quốc tế đ□ợc tăng c□ờng IV. Đánh giá chung về vai trò, hạn chế và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa t□ bản 1. Vai trò của chủ nghĩa t□ bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội 2. Hạn chế của chủ nghĩa t□ bản				chủ nghĩa t□ bản hiện đại. Đánh giá chung về vai trò, hạn chế và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa t□ bản. - Đọc tài liệu số [1] từ tr309- tr 350; [3] từ tr172- tr207. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần I,II.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
12	3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa t□ bản Phần thứ ba. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội. Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu chương: Trình bày được: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa. Liên hệ với thực tiễn sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Nội dung cụ thể: I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. 1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó. a. Khái niệm giai cấp công nhân. b. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. 2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. a. Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa. b. Đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân. 3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. a. Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính Đảng của giai cấp công nhân. b. Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân. II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa. 1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó. a. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa. b. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa. 2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa.	5		[1] [4] [5] [6]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, điều kiện quy định Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản. - Đọc tài liệu số [1] từ tr353-tr409; [4] từ tr7-tr62; [5] từ tr13-tr62; [6] từ tr132-tr181. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần I, II.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. a. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân. b. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân. III. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa. 1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa. 2. các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa. a. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. b. Chủ nghĩa xã hội. c. Giai đoạn cao của xã hội Cộng sản chủ nghĩa				
13	Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu chương: Trình bày được nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, các vấn đề về dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lấy ví dụ và liên hệ thực tiễn những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. 1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. a. Quan niệm về dân chủ và nền dân chủ. b. Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. c. Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa. 2. Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. a. Khái niệm "nhà nước xã hội chủ nghĩa".	5		[1] [4] [5] [6]	- Đọc trước nội dung ở nhà: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, - Đọc tài liệu số [1] từ tr410-tr433; [4] từ tr63 – tr111; [5] từ tr 63 - tr215; [6] từ tr423-tr444. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	b. Đặc trưng, chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. c. Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa. II. Xây dựng nền văn hoá Xã hội chủ nghĩa. 1. Khái niệm nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. a. Khái niệm văn hoá và nền văn hoá. b. Khái niệm nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. c. Đặc trưng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. 2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. a. Những nội dung cơ bản của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa. b. Phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.				tiền phần I, II.
14	III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo. 1. Vấn đề dân tộc và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. a. Khái niệm dân tộc b. Hai xu hướng phát triển của dân tộc và vấn đề dân tộc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. c. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. 2. Tôn giáo và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. a. Khái niệm tôn giáo. b. Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. c. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.	5		[1] [4]	- Đọc trước nội dung ở nhà: Vấn đề về dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. - Đọc tài liệu số [1] từ tr442-tr454;[4] từ tr175 - tr234. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần III.
15	Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Mục tiêu chương: Trình bày được chủ nghĩa xã hội hiện thực, sự khủng hoảng và	5		[1] [5]	- Đọc trước nội dung ở nhà: chủ nghĩa xã hội hiện

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội, triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Tin tưởng vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã lựa chọn. Nhận thức được vị trí, vai trò của bản thân trong quá trình đưa Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cụ thể: I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực. 1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới. 2. Sự ra đời hệ thống xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó. a. Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. b. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực II. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết và nguyên nhân của nó. 1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết. 2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết. a. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết. b. Nguyên nhân chủ yếu, trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của mô hình CNHXô viết. III. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội. 1. Chủ nghĩa tư bản - không phải là tương lai của xã hội loài người. 2. Chủ nghĩa xã hội- tương lai của xã hội loài người. a. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội. b. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, đổi mới và ngày càng đạt được những thành tựu to lớn.				thực, sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội, triển vọng của chủ nghĩa xã hội. - Đọc tài liệu số [1] từ tr455- tr480; [5] từ tr103- tr145. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn phần I, II,III. - Ôn tập thi hết học phần.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	c. Đã xuất hiện những nhân tố mới của xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở một số quốc gia trong thế giới đương đại.				
16	Ôn và thi kết thúc học phần				- Ôn tập theo hệ thống câu hỏi. - Ôn tập theo chương trình học.

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Phạm Thị Hồng Hoa

Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Các ngành

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Các ngành

1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

2. Mã học phần: CTRI 201

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 tiết

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	0984.851.368	nguyenhadhsd@gmail.com
2	Phạm Xuân Đức	0904.409.139	yenduclinh@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Tình	0984.327.750	Tinh261086@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	0904.476.146	nguyenmanhtuong10@gmail.com
5	ThS. Đặng Thị Dung	0357.158.987	dungdungdhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương, giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung, quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Hiểu và trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí	2	[1.2.1.1a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	Minh		
MT1.2	Hiểu được những được kiến thức cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích các cơ sở khách quan, chủ quan, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống quan điểm khoa học của Hồ Chí Minh; lấy ví dụ, liên hệ thực tiễn.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh để đánh giá, giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Đồng thời tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực định hướng, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra:

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Hiểu được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, kiến thức cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	[2.1.1]
CĐR1.2	Hiểu và trình bày được tư tưởng về vấn đề dân tộc	2	

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam; chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Nhà nước của dân do dân và vì dân; tư tưởng về đạo đức và xây dựng con người mới.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Phân tích các cơ sở khách quan, chủ quan, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống quan điểm khoa học của Hồ Chí Minh; lấy ví dụ, liên hệ thực tiễn để làm rõ.	4	[2.2.5]
CĐR2.2	Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh để đánh giá, giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Đồng thời tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.	4	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có năng lực định hướng, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.	4	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CĐR1		CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh I. Đối tượng nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên Chương I: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	x		x		x	

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CDR1		CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh						
2	Chương II: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc		X	X	X	X	X
3	Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		X	X	X	X	X
4	Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh		X	X	X	X	
5	Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế		X	X	X	X	X
6	Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân		X	X	X	X	
7	Chương VII: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới		X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
	phần.
CĐR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, bài tiểu luận, kiểm tra kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên...	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 bài	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 bài	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên thông qua tỉ lệ hiện diện của sinh viên trên lớp, ý thức tự học, ý thức tham gia xây dựng bài, thực hiện các nhiệm vụ về nhà và hoạt động nhóm...

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi sinh viên học được nửa chương trình, đánh giá theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 50 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

- Thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm:

- + Thời gian làm bài: 60 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu.

12. Phương pháp dạy và học

Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết giảng viên kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, dự án,... để làm rõ các khái niệm, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh; lấy ví dụ phân tích qua các tác phẩm của Hồ Chí Minh, câu chuyện về Hồ Chí Minh và liên hệ thực tiễn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi, vận dụng nội dung kiến thức bài học để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

- Đối với giờ thảo luận: Giảng viên đưa ra chủ đề; khích lệ sinh viên trình bày quan điểm cá nhân, thảo luận theo nhóm và trình bày ý kiến thống nhất của nhóm.

- Đối với bài tập, nhiệm vụ về nhà: Giảng viên giao bài tập cho cá nhân hoặc cho các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc giáo trình trước khi đến lớp, đọc thêm các tài liệu liên quan về chủ nghĩa Mác - Lênin, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi đến lớp. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giảng viên phân công. Ghi chép và tích cực thảo luận, xây dựng bài trên lớp.

- Yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ về nhà: Sinh viên thực hiện nghiêm túc các nội dung tự học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên, hoàn thành tất cả bài tập và nhiệm vụ giảng viên giao.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo quy chế.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Trường Đại học Sao Đỏ (2018), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, in lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh Mục tiêu chương: - Hiểu được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học	2		[1] [2] [3]	- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu bắt buộc và các dụng cụ học tập khác (bút, vở...) - Đọc trước tài liệu [1] tr 2-10, [2] tr 11-26, [3]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	tập tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. - Củng cố niềm tin khoa học, trau dồi tình cảm cách mạng, lòng yêu nước. - Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác. Nội dung cụ thể: Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh I. Đối tượng nghiên cứu 1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh a. Khái niệm tư tưởng b. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh a. Đối tượng nghiên cứu b. Nhiệm vụ nghiên cứu 3. Mối quan hệ môn học này với môn học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam a. Mối quan hệ với môn học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin b. Mối quan hệ với môn học Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam II. Phương pháp nghiên cứu 1. Cơ sở phương pháp luận (6 nguyên tắc phương pháp luận) 2. Các phương pháp cụ thể III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên 1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác				tr 11-17. - Sinh viên nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 3.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị				
2	Chương I: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh Mục tiêu chương: Làm rõ được cơ sở khoa học(khách quan, chủ quan) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại. Tích cực rèn luyện bản thân theo các phẩm chất đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nội dung cụ thể: Chương I: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Cơ sở khách quan a. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh b. Các tiền đề tư tưởng, lý luận 2. Nhân tố chủ quan => Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.	2		[1] [3]	- Ôn bài cũ. - Đọc trước tài liệu [1] tr.11-17, [3] tr 17-41. - Chuẩn bị những thắc mắc cần giải quyết. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. - Lấy ví dụ liên hệ ngành nghề phần 2.
3	II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước 2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc 3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng 5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện	2		[1] [2] [3] [4]	- Ôn bài cũ. - Đọc trước tài liệu [1] tr 17- 25, [3] tr 42-46, [4]tr 44-112. - Tìm và sưu tầm tư liệu về hoạt động của Hồ Chí Minh trong các thời kỳ.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc a. Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam b. Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới a. Phản ánh khát vọng thời đại b. Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người				
4	Chương II: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc Mục tiêu chương: - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. - Vận dụng sáng tạo giải quyết vấn đề dân tộc và xây dựng đất nước ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc 1. Vấn đề dân tộc thuộc địa a. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa b. Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa c. Chủ nghĩa dân tộc – một động lực lớn của đất nước 2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp a. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau b. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết, độc lập dân tộc gắn liền	2		[1] [2] [3]	- Ôn bài cũ. - Đọc trước tài liệu [1] tr 26- 30, [2] tr 29-40, [3]tr53-72. - Chuẩn bị những thắc mắc cần giải quyết. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên. - Lấy ví dụ liên hệ ngành nghề nội dung 1c, 2a,b,d.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	với chủ nghĩa xã hội c. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp d. Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc 1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc a. Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa b. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc				
5	2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản a. Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó b. Cách mạng tư sản là không triệt để c. Con đường giải phóng dân tộc 3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo a. Cách mạng trước hết phải có Đảng b. Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất 4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc a. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bị áp bức b. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc 5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc a. Cách mạng giải phóng dân tộc cần	2		[1] [3] [4]	- Ôn bài cũ. - Đọc trước tài liệu [1] tr 31 - 40, [3] tr72-89, [4] tr 237-242. - Tìm các câu trích dẫn cho các luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. - Chuẩn bị những thắc mắc cần giải quyết.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	được tiến hành chủ động, sáng tạo b. Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc 6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực a. Quan điểm về bạo lực cách mạng b. Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình c. Hình thái bạo lực cách mạng Kết luận				
6	Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Mục tiêu chương: Trình bày làm rõ được các định nghĩa của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vận dụng sáng tạo để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. a. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội b. Bản chất và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội. 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. a. Mục tiêu b. Động lực II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1. Con đường a. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ b. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ	2		[1] [3]	- Ôn bài cũ. - Đọc trước tài liệu [1] tr 41 – 52, [3]tr90-122. - Tự nghiên cứu phần 3. - Lấy ví dụ liên hệ ngành nghề nội dung 2, 3.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam c. Quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ				
7	Chương III (tiếp) Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam Mục tiêu chương: Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. Có niềm tin vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Tích cực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong giai đoạn hiện nay. Nội dung cụ thể: II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (tiếp) 2. Biện pháp a. Phương châm b. Biện pháp Kết luận Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.	2		[1] [4]	- Ôn bài cũ. - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. - Đọc trước tài liệu [1] tr 52- 69, [4] tr 212-220. - Tự nghiên cứu phần I.2. - Lấy ví dụ liên hệ với thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về biện pháp đi lên CNXH giai đoạn hiện nay.
8	3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. 4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền. a. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền trở thành Đảng cầm quyền. b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền	01 LT 01 KT		[1] [2] [3] [4]	Ôn thi giữa học phần (từ chương 1 đến chương 3)
9	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng	2	0	[1] [4]	- Đọc trước tài liệu [1] tr 52- 69, [4] tr 127-133. - Chuẩn bị nội dung

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam a. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận b. Xây dựng Đảng về chính trị c. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ d. Xây dựng Đảng về đạo đức Kết luận				phần 2d. - Liên hệ những mặt tích cực và hạn chế trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.
10	Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng a. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng 2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc a. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân b. Đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc; đồng thời, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người 3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc a. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất b. Một số nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất	2		[1] [3]	- Đọc trước tài liệu [1] tr 70- 79, [3] tr176-196. - Chuẩn bị những thắc mắc cần giải quyết. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên phần 2a. - Liên hệ ngành nghề nội dung 1a, 2.
11	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm	2		[1] [2]	- Đọc trước tài liệu [1] tr 79- 85, [2] tr. 237-242.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng b. Thực hiện đoàn kết quốc tế, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng 2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế a. Các lực lượng cần đoàn kết b. Hình thức đoàn kết 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường Kết luận				- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. - Lấy ví dụ liên hệ thực tiễn ngành nghề 2. - Làm tiểu luận theo sự hướng dẫn của giảng viên.
12	Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân Mục tiêu chương: Trình bày được tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhận thức đúng về khái niệm dân chủ và tích cực xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả. Nội dung cụ thể: Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ 2. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội 3. Thực hành dân chủ a. Xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ rộng rãi	2		[1] [3] [4]	- Ôn bài cũ. - Đọc trước tài liệu [1] tr 85- 91, [3] tr 256- 298, [4] tr 324 - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận phần 3. - Liên hệ thực tiễn ngành nghề phần I.2.3, II.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	b. Xây dựng các tổ chức Đảng, Nhà nước, mặt trận và các đoàn thể chính trị – xã hội vững mạnh để đảm bảo dân chủ trong xã hội II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân 1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân a. Nhà nước của dân b. Nhà nước do dân c. Nhà nước vì dân 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước a. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước b. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước 3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ a. Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến b. Hoạt động quản lý Nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ tài, đủ đức 4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả a. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước b. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với giáo dục đạo đức cách mạng Kết luận.				

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
13	Chương VII: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Mục tiêu chương: - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. - Tích cực học tập và làm theo các chuẩn mực đạo đức cách mạng. - Rèn luyện con người xã hội chủ nghĩa đáp ứng giai đoạn hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa 1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh. a. Định nghĩa văn hóa b. Quan điểm về xây dựng một nền văn hóa mới 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa a. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội b. Quan điểm về tính chất của nền văn hóa c. Quan điểm về chức năng của văn hóa 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa a. Văn hóa giáo dục b. Văn hóa, văn nghệ c. Văn hóa đời sống	2		[1] [3]	- Đọc trước tài liệu [1] tr 91-99, [3] tr332-341. - Lấy ví dụ liên hệ ngành nghề phần 2,3.
14	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. 1. Nội dung cơ bản của Hồ Chí Minh về đạo đức a. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng	2	0	[1] [3] [4]	- Ôn bài cũ. - Đọc trước tài liệu [1] tr 100-105, [4] tr178-232, [3] tr232-236. - Sưu tầm các câu chuyện kể về tấm

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	c. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới 2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh a. Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh b. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh				gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Chuẩn bị nội dung thảo luận phần 2.
15	III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người a. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể b. Con người cụ thể, lịch sử c. Bản chất con người mang tính xã hội 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người” a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “Trồng người” Kết luận	02		[2] [4]	- Đọc trước tài [1] tr.105-107, [4] tr123-137. - Chuẩn bị những thắc mắc cần giải quyết. - Lấy ví dụ liên hệ thực tiễn ngành nghề phần 1c, 2. - Sinh viên nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 2b.
16	Ôn và thi kết thúc học phần			[1] [2] [3] [4]	- Ôn tập theo hệ thống câu hỏi thi kết thúc học phần. - Ôn tập theo chương trình đã học.

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Phạm Thị Hồng Hoa

Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số tín chỉ: 03
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Dùng chung cho các ngành

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dùng chung cho các ngành

- 1. Tên học phần:** Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
- 2. Mã học phần:** CTRI 202
- 3. Số tín chỉ:** 3 (3, 0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ hai
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Tự học: 90 tiết
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Học xong học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. Nguyễn Thị Hải Hà	0984.851.368	nguyenhahsd@gmail.com
2.	Ths. Đặng Thị Dung	0357.158.987	dungdungdhsd@gmail.com
3.	Ths. Nguyễn Thị Tinh	0984.327.750	Tinh261086@gmail.com
4.	Ths. Nguyễn Mạnh Tường	0904.476.146	Nguyenmanhtuong10@gmail.com
5.	Vũ Văn Đông	0985412618	Duydongvu82@gmail.com
	Nguyễn Thị Hiền	0972597236	Nguyenhienhp25@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển đường lối của Đảng qua từng thời kỳ và vai trò lãnh đạo của Đảng qua mỗi thời kỳ lịch sử, đặc biệt thời kỳ đổi mới đất nước. Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận kiến thức Đường lối cách mạng của Đảng vào công tác thực tiễn trong quá trình học tập và công việc của bản thân. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Có kiến thức cơ bản về Đường lối cách	2	[1.2.1.1a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.		
MT1.2	Hình thành phương pháp tư duy khoa học, nâng cao niềm tự hào, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.	3	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích những nội dung cơ bản về Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, lên hệ thực tế để làm rõ.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng kiến thức đã học giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm trong công việc.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực định hướng, đánh giá và đưa ra kết luận	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Hiểu được sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và vai trò của Đảng trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng.	2	[2.1.1]
CĐR1.2	Hiểu được kiến thức cơ bản về sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong cuộc cách mạng Dân tộc dân chủ Nhân Dân và Cách mạng Xã hội chủ nghĩa.	2	
CĐR1.3	Hiểu được đường lối của Đảng trên các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, văn hóa và các vấn đề xã hội, đối ngoại.	2	
CĐR1.4	Có thể giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng.	3	
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Phân tích được các nội dung kiến thức Đường lối cách mạng của Đảng, ví dụ, liên hệ thực tiễn để	4	[2.2.5]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	làm rõ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.		
CĐR2.2	Vận dụng kiến thức Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào thực tiễn và ngành nghề đang học.	3	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có khả năng làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Tự định hướng đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân.	4	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CĐR1				CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	CHƯƠNG MỞ ĐẦU ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Nhiệm vụ nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học 1. Phương pháp nghiên cứu 2. Ý nghĩa của học tập môn học	x				x			
2	CHƯƠNG I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng cộng sản 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX 2. Hoàn cảnh trong nước II. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Hội nghị thành lập Đảng 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	x			x	x	x	x	

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
3	CHƯƠNG II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 – 1945) I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 1. Trong những năm 1930 – 1935 2. Trong những năm 1936 - 1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền		x		x	x	x	x	x
4	CHƯƠNG III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 – 1975) I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954) 1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946) 2. Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 – 1954) 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất tổ quốc (1954 – 1975) 1. Đường lối trong giai đoạn 1954 – 1964 2. Đường lối trong giai đoạn 1965 - 1975 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.		x		x	x	x	x	x
5	CHƯƠNG IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA I. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hóa 2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa 2. Mục tiêu, quan điểm Công nghiệp			x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	hóa, hiện đại hóa 3. Nội dung và định hướng Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân								
6	CHƯƠNG V; ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường 1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới 2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta 1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản 2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân			x	x	x	x	x	x
7	CHƯƠNG VI: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị trước thời kỳ đổi mới (1975 – 1986) 1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị 2. Đánh giá sự thực hiện đường lối II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị 2. Mục tiêu, quan điểm, và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị 3. Đánh giá sự thực hiện đường lối			x	x	x	x	x	x
8	CHƯƠNG VII: ĐƯỜNG LỐI, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá 1. Thời kỳ trước đổi mới 2. Trong thời kỳ đổi mới			x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần							
		CDR1				CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 1. Thời kỳ trước đổi mới 2. Trong thời kỳ đổi mới								
9	CHƯƠNG VIII: ĐƯỜNG LỐI ĐỔI NGOẠI I. Đường lối đối ngoại thời kỳ từ năm 1975 đến 1986 1. Hoàn cảnh lịch sử 2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới 1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối 2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế. 3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.			X	X	X	X	X	

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CDR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, bài tiểu luận, kiểm tra kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CDR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên...	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 bài	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 bài	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên thông qua tỉ lệ hiện diện của sinh viên trên lớp, ý thức tự học, ý thức tham gia xây dựng bài, thực hiện các nhiệm vụ về nhà và hoạt động nhóm...

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi sinh viên học được 1/2 chương trình, đánh giá theo hình thức tự luận:

+ Thời gian làm bài: 50 phút

+ Sinh viên không sử dụng tài liệu

- Thi kết thúc học phần theo hình thức thi trắc nghiệm:

+ Thời gian làm bài: 60 phút

+ Sinh viên không sử dụng tài liệu

12. Phương pháp dạy và học

Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết giảng viên kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, dự án,... để làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, lấy ví dụ phân tích sự lãnh đạo của Đảng qua các giai đoạn của cuộc cách mạng và liên hệ thực tiễn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi, vận dụng nội dung kiến thức bài học để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

- Đối với giờ thảo luận: Giảng viên đưa ra chủ đề; khích lệ sinh viên trình bày quan điểm cá nhân, thảo luận theo nhóm và trình bày ý kiến thống nhất của nhóm.

- Đối với bài tập, nhiệm vụ về nhà: Giảng viên giao bài tập cho cá nhân hoặc cho các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc giáo trình trước khi đến lớp, đọc thêm các tài liệu liên quan về Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam..

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi đến lớp. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giảng viên phân công. Ghi chép và tích cực thảo luận, xây dựng bài trên lớp.

- Yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ về nhà: Sinh viên thực hiện nghiêm túc các nội dung tự học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên, hoàn thành tất cả bài tập và nhiệm vụ giảng viên giao.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo quy chế.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

- Tài liệu bắt buộc

[1]. Trường Đại học Sao Đỏ (2009), *Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, in lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo.

[2]. Bộ GD&ĐT (2010), *Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Quốc gia, HN.

[3] Đảng cộng sản Việt Nam (2008) Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Văn kiện Đại hội Đảng XI (2011), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

[5] Văn kiện Đại hội Đảng XII (2016), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Mục tiêu của chương Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Củng cố niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng. Sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập môn học. Nội dung cụ thể I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1. Đối tượng nghiên cứu a. Khái niệm “đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam b. Đối tượng nghiên cứu của môn học	3		[1] [2]	- Đọc tài liệu [1] và các dụng cụ học tập khác (bút, vở...). - Đọc tài liệu [1], tr 3-6 - Đọc tài liệu [2].tr 9-20

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	2. Nhiệm vụ nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học 1. Phương pháp nghiên cứu a. Cơ sở phương pháp luận b. Phương pháp nghiên cứu 2. Ý nghĩa của học tập môn học CHƯƠNG I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG Mục tiêu chương Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và nội dung cơ bản giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng. Nội dung cụ thể I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng cộng sản 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX a. Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó b. Ảnh hưởng của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin c. Tác động của Cách mạng tháng mười Nga và Quốc tế Cộng sản				
2	2. Hoàn cảnh trong nước a. Xã hội Việt nam dưới sự thống trị của Thực dân Pháp	3		[1] [2]	- Đọc tài liệu [1], tr 6-15 - Đọc tài liệu

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng Phong kiến và Tư sản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng Vô sản II. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Hội nghị thành lập Đảng				[2], tr 21-40 - Sinh viên tự học tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần b - Tìm và sưu tầm tư liệu về hoạt động của Hồ Chí Minh trong các thời kỳ
3	2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. CHƯƠNG II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 – 1945) Mục tiêu chương Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lịch sử cơ bản về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1930-1945. Nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Liên hệ thực tế với bản thân trong học tập và cuộc sống. Nội dung cụ thể I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 1. Trong những năm 1930 – 1935 a. Luận Cương lĩnh chính trị tháng 10/1930 b. Chủ trương xây dựng tổ chức Đảng và phong trào cách mạng	3		[1] [2]	- Đọc tài liệu [1]tr 15-20 - Sinh viên tự học tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 2.1.1.2 - Đọc tài liệu [2]. tr 41-53
4	2. Trong những năm 1936 - 1939 a. Hoàn cảnh lịch sử	3		[1] [2]	- Đọc tài liệu [1] tr 20-27

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	b. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng a. Tình hình Thế giới và trong nước b. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược c. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược 2. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền a. Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần b. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm cuộc cách mạng tháng tám.				- Sinh viên tự học tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần c - Đọc tài liệu [2] tr 53-77
5	CHƯƠNG III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 – 1975) Mục tiêu chương: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng giai đoạn 1945-1975. Sinh viên phân tích được đường lối của Đảng trong cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền mới. Liên hệ thực tế bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Nội dung cụ thể. I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954) 1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính	3		[1] [2]	- Đọc tài liệu [1] tr 28-35 - Sinh viên tự học tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 3.1.1 - Đọc tài liệu [2], tr 78-95 - Sinh viên thảo luận theo sự hướng dẫn giảng viên.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	quyền cách mạng (1945 – 1946) a. Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau cách mạng tháng Tám. b. Chủ trương “Kháng chiến kiến quốc” của Đảng c. Kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm 2. Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 – 1954) a. Hoàn cảnh lịch sử b. Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến				
6	3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm a. Kết quả và ý nghĩa lịch sử b. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất tổ quốc (1954 – 1975) 1. Đường lối trong giai đoạn 1954 - 1964 a. Bối cảnh lịch sử của cách mạng Việt Nam sau tháng 7/1954 b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối. 2. Đường lối trong giai đoạn 1965 - 1975 a. Bối cảnh lịch sử b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm. a. Kết quả và ý nghĩa lịch sử b. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	3		[1] [2]	- Đọc tài liệu [1] tr 35-43 - Sinh viên tự học tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 3 - Đọc tài liệu [2], tr 95-117 - Sinh viên liên hệ bản thân trách nhiệm xây dựng và bảo vệ tổ quốc. - Sinh viên thảo luận theo sự hướng dẫn giảng viên

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
7	CHƯƠNG IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA Mục tiêu chương: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối công nghiệp hóa của Đảng trong xây dựng Xã hội chủ nghĩa. Sinh viên phân tích, so sánh đường lối công nghiệp hóa thời kỳ trước và sau đổi mới đất nước. Sinh viên liên hệ thực tế đối với ngành nghề theo học. Nội dung cụ thể: I. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hóa a. Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. b. Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới	3		[1] [2]	- Đọc tài liệu [1] tr 44 - Đọc tài liệu [2], tr 118-121
8	Thi giữa học phần 2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân a. Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa b. Hạn chế và nguyên nhân	3		[1]	Đọc tài liệu [1] tr 5-43 - Kiểm tra giữa học phần nghiêm túc
9	II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa. a. Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hóa thời kỳ 1960 – 1985 b. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa từ Đại hội VI đến Đại hội X 2. Mục tiêu, quan điểm Công nghiệp hóa, hiện đại hóa a. Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa	3		[1] [2] [3] [5]	- Đọc tài liệu [1] tr 45-48 - Sinh viên tự học tự nghiên cứu, thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 3 - Đọc tài liệu tham khảo [2] tr 122-137; [3]. Tr 117-135 [5]. Tr 89-96, 280-

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	b. Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa 3. Nội dung và định hướng Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức a. Nội dung b. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. <i>* Điểm mới về đường lối CNH, HĐH trong Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần XII</i>				298 - Sinh viên liên hệ bản thân về ngành nghề theo học.
10	4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân a. Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa b. Hạn chế và nguyên nhân CHƯƠNG V; ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Mục tiêu chương: Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa. Phân tích được chủ trương của Đảng về đường lối kinh tế thị trường. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. Nội dung cụ thể: I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường 1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới a. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp b. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế 2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh	3		[1] [2] [5]	- Đọc tài liệu [1] tr 48-51 - Đặt câu hỏi cho các nội dung chưa hiểu để giảng viên giải đáp liệu - Đọc tài liệu tham khảo [2] tr137-154 [5]. tr 102-110 - Sinh viên tự học 1 - Sinh viên liên hệ bản thân về ngành nghề theo học. - Sinh viên thảo luận theo sự hướng dẫn giảng viên.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	tế thị trường thời kỳ đổi mới a. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII b. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X <i>* Điểm mới về sự hình thành tư duy của Đảng về KTTT trong Đại hội lần XII của Đảng</i>				
11	II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta 1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản a. Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường b. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa c. Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. 2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN a. Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN b. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh c. Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường d. Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường đ. Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào	3		[1] [2] [3] [5]	- Đọc tài liệu [1] tr 51-58 - Đặt câu hỏi cho các nội dung chưa hiểu để giảng viên giải đáp - Đọc tài liệu tham khảo [2] tr155-176, [3] tr 524-530 [5]. Tr 111-112 - Sinh viên tự học phần 3 - Sinh viên liên hệ bản thân về ngành nghề theo học. - Sinh viên thảo luận theo sự hướng dẫn giảng viên

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	quá trình phát triển kinh tế - xã hội. <i>* Điểm mới về đường lối hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần XII</i> 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân a. Kết quả và ý nghĩa b. Hạn chế và nguyên nhân CHƯƠNG VI: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Mục tiêu chương: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối xây dựng hệ thống chính trị của Đảng. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. Liên hệ với trách nhiệm bản thân trong xây dựng hệ thống chính trị hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị trước thời kỳ đổi mới (1975 - 1986) 1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị a. Cơ sở hình thành hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta. b. Chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam				
12	2. Đánh giá sự thực hiện đường lối II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị 2. Mục tiêu, quan điểm, và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị a. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị	3		[1] [2] [3] [5]	- Đọc tài liệu [1] tr 58-63 - Đặt câu hỏi cho các nội dung chưa hiểu để giảng viên giải đáp - Đọc tài liệu tham khảo [2] tr 177-194;

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	b. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị <i>* Điểm mới xây dựng hệ thống chính trị trong Đại hội Đảng lần XII</i> 3. Đánh giá sự thực hiện đường lối CHƯƠNG VII: ĐƯỜNG LỐI, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI Mục tiêu chương: Sinh viên nắm được đường lối của Đảng trong xây dựng và phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội. Vận dụng kiến thức của bài liên hệ thực tế bản thân, địa phương, đất nước. Trách nhiệm của bản thân trước vấn đề trên. Nội dung cụ thể: I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá 1. Thời kỳ trước đổi mới a. Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới b. Đánh giá sự thực hiện đường lối				[3] tr 658-666 [5]. Tr 247-436 - Sinh viên tự học phần 1 chương VII - Sinh viên liên hệ bản thân về ngành nghề theo học. - Sinh viên thảo luận theo sự hướng dẫn giảng viên
13	2. Trong thời kỳ đổi mới a. Quá trình đổi tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá b. Quan điểm chỉ đạo và chủ trương về xây dựng và phát triển nền văn hoá <i>* Điểm mới của Đảng về quan điểm chỉ đạo xây dựng phát triển nền văn hoá trong Đại hội Đảng lần thứ XII</i> c. Đánh giá việc thực hiện đường lối II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 1. Thời kỳ trước đổi mới a. Chủ trương của Đảng về giải quyết các	3		[1] [2] [4] [5]	- Đọc tài liệu [1] tr 63-66 - Đặt câu hỏi cho các nội dung chưa hiểu để giảng viên giải đáp - Đọc tài liệu tham khảo [2] tr 195-214, [4] tr227-232 [5], tr 123-130 - Sinh viên tự học phần 1 (II)

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	vấn đề xã hội b. Kết quả, hạn chế và nguyên nhân				- Sinh viên liên hệ bản thân về ngành nghề theo học.
14	2. Trong thời kỳ đổi mới a. Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội b. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội c. Chủ trương về giải quyết các vấn đề xã hội d. Đánh giá sự thực hiện đường lối <i>* Điểm mới về chủ trương của Đảng giải quyết các vấn đề xã hội trong Đại hội Đảng lần XII</i> CHƯƠNG VIII: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI Mục tiêu chương: Sinh viên nắm được đường lối ngoại của Đảng sau khi đất nước thống nhất. Liên hệ thực tế về vai trò lãnh đạo của đảng trong hoạt động đối ngoại hiện nay ở nước ta. Nội dung cụ thể: I. Đường lối đối ngoại thời kỳ từ năm 1975 đến 1986 1. Hoàn cảnh lịch sử a. Tình hình thế giới b. Tình hình trong nước 2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng	3		[1] [2] [4] [5]	- Đọc tài liệu [1] tr 66-71 - Đặt câu hỏi cho các nội dung chưa hiểu để giảng viên giải đáp - Đọc tài liệu tham khảo [2] tr 215-228; [4] tr 91-98 [5]. Tr 132-145 - Sinh viên tự học phần 1 chương VIII - Sinh viên liên hệ bản thân về ngành nghề theo học. - Sinh viên thảo luận theo sự hướng dẫn giảng viên
15	3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân a. Kết quả và ý nghĩa b. Hạn chế và nguyên nhân II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới 1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối a. Hoàn cảnh lịch sử	3		[1] [2] [4] [5]	- Đọc tài liệu [1] tr 72-82 - Đặt câu hỏi cho các nội dung chưa hiểu để giảng viên giải đáp - Đọc tài liệu tham khảo [2] tr 228-252

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu Đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	b. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối 2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế. a. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo b. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế. <i>* Điểm mới chủ trương của Đảng về đường lối đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế trong Đại hội lần thứ XII của Đảng.</i> 3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.				[4] tr 155-157 [5]. Tr 115-156; 244-245 - Sinh viên tự học phần - Sinh viên liên hệ bản thân về ngành nghề theo học. - Sinh viên thảo luận theo sự hướng dẫn giảng viên
16	Ôn và thi kết thúc học phần			[1] [2] [3] [4] [5]	+ Ôn tập theo hệ thống câu hỏi. + Đọc tài liệu . [1], [2], [3], [4], [5]

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên


Phạm Thị Hồng Hoa


Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dùng chung cho các ngành

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Dùng chung cho các ngành

- 1. Tên học phần:** Pháp luật đại cương
- 2. Mã học phần:** KHXX 102
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2, 0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sau khi học xong học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	yenduc linh@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	0904.476.146	Nguyenmanhtuong10@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972.579.236	nguyenhienhp25@gmail.com
4.	ThS. Đỗ Thị Thuý	0936.503.703	thuydhsd@gmail.com
5.	ThS. Phạm Thị Mai	0978.370.438	phammaidhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung cũng như nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật lao động,... Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1.1	Có kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	[1.2.1.1a]
MT1.2	Nhận thức được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.	2	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích được nội dung của những ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phân tích được các tình huống pháp luật.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tế.	3	
MT3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có phẩm chất đạo đức tốt, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có lòng yêu nghề; có trách nhiệm công dân, chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng	2	[2.1.1]
CDR1.2	Hiểu được các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	
CDR1.3	Nhận thức được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.	2	
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Phân tích được nội dung của những ngành luật cơ bản	4	[2.2.5]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Lấy ví dụ liên hệ thực tiễn.		
CĐR2.2	Vận dụng kiến thức pháp luật để đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn.	3	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Tự định hướng, nghiêm túc đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1			CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT I. Những vấn đề cơ bản về nhà nước. 1. Nguồn gốc của nhà nước 2. Bản chất nhà nước 3. Các kiểu lịch sử của nhà nước 4. Chức năng của nhà nước. 5. Bộ máy nhà nước 6. Hình thức của nhà nước và chế độ chính trị. II. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1. Nguồn gốc của pháp luật 2. Bản chất của pháp luật 3. Chức năng của pháp luật 4. Thuộc tính của pháp luật. 5. Vai trò của pháp luật xã hội chủ nghĩa. 6. Các kiểu lịch sử của pháp luật.	x		x	x		x	
2	CHƯƠNG II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT I. Quy phạm pháp luật 1. Khái niệm quy phạm pháp luật 2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật II. Văn bản quy phạm pháp luật 1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật 2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 3. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật III. Quan hệ pháp luật 1. Khái niệm quan hệ pháp luật. 2. Đặc điểm quan hệ pháp luật.	x			x		x	

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CĐR1			CĐR2		CĐR3
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1 3.2
	3. Thành phần quan hệ pháp luật						
3	CHƯƠNG III. VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ, PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA I. Vi phạm pháp luật. 1. Vi phạm pháp luật. 2. Cấu thành của vi phạm pháp luật. 3. Các loại vi phạm pháp luật II. Trách nhiệm pháp lý 1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý . 2. Các loại trách nhiệm pháp lý III. Pháp chế xã hội chủ nghĩa 1. Khái niệm pháp chế XHCN 2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN 3. Vấn đề tăng cường pháp chế XHCN	x			x		x
4	CHƯƠNG IV. LUẬT NHÀ NƯỚC VIỆT NAM I. Khái niệm luật Nhà nước. 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Phương pháp điều chỉnh 4. Nguồn của luật nhà nước II. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 1. Chế độ chính trị 2. Chế độ kinh tế. 3. Chính sách văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ 4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 5. Tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.		x		x	x	x x
5	CHƯƠNG V. LUẬT HÀNH CHÍNH VIỆT NAM		x		x	x	x x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
	I. Khái niệm Luật hành chính. 1. Khái niệm luật hành chính và cơ quan hành chính nhà nước 2. Nguồn của luật hành chính Việt Nam II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính 1. Quan hệ pháp luật hành chính 2. Trách nhiệm hành chính 3. Vi phạm pháp luật hành chính. 4. Xử lý vi phạm hành chính. III. Cán bộ, công chức. 1. Khái niệm và các nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức 2. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ công chức. 3. Tuyển dụng công chức 4. Thôi việc đối với công chức 5. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức. IV. Toà án hành chính							
6	CHƯƠNG VI. LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ I. Khái niệm Luật hình sự. 1. Khái niệm luật hình sự. 2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3. Nguồn của luật hình sự. 4. Các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự. 5. Vai trò của luật hình sự II. Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự 1. Khái niệm tội phạm 2. Những dấu hiệu cơ bản của tội phạm. 3. Phân loại tội phạm 4. Cấu thành tội phạm		X		X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
	5. Trách nhiệm hình sự 6. Các chế định khác về Bộ luật hình sự. III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp 1. Khái niệm hình phạt 2. Hệ thống hình phạt. 3. Các biện pháp tư pháp. 4. Căn cứ quyết định hình phạt IV. Luật Tổ tụng hình sự 1. Khái niệm luật tố tụng hình sự 2. Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự. 3. Các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự.							
7	CHƯƠNG VII. LUẬT DÂN SỰ, LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ I. Khái niệm chung. 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Nguyên tắc cơ bản của luật dân sự II. Một số chế định cơ bản của Bộ Luật Dân sự 1. Cá nhân 2. Pháp nhân 3. Giao dịch dân sự 4. Đại diện 5. Tài sản và quyền sở hữu 6. Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự 7. Thừa kế. III. Luật Tố tụng dân sự 1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh 2. Những nguyên tắc cơ bản 3. Thẩm quyền của Tòa án		X		X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
8	CHƯƠNG VIII. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH I. Khái niệm chung 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Phương pháp điều chỉnh 4. Các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình. 5. Nguồn của luật hôn nhân và gia đình 6. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình II. Một số chế định cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình. 1. Kết hôn. 2. Quan hệ giữa vợ và chồng 3. Quan hệ giữa cha mẹ và con 4. Cấp dưỡng 5. Xác định cha mẹ con. 6. Con nuôi. 7. Ly hôn. 8. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 9. Xử lý vi phạm.		X		X	X	X	
9	CHƯƠNG IX. LUẬT LAO ĐỘNG I. Khái niệm Luật lao động 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Phương pháp điều chỉnh 4. Các nguyên tắc cơ bản của luật lao động 5. Quan hệ pháp luật lao động II. Các chế định cơ bản của Luật Lao động 1. Việc làm và học nghề 2. Hợp đồng lao động		X		X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
	3. Thỏa ước lao động tập thể 4. Tiền lương 5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 6. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất 7. Bảo hộ lao động 8. Bảo hiểm xã hội 9. Địa vị pháp lý của công đoàn 10. Tranh chấp lao động							
10	CHƯƠNG X. LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG I. Khái niệm tham nhũng. 1. Khái niệm tham nhũng. 2. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng. II. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng. 1. Nguyên nhân của tham nhũng. 2. Tác hại của tham nhũng. III. Ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng. 1. Phòng, chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng Nhà nước pháp quyền. 2. Phòng, chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân. 3. Phòng, chống tham nhũng góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội 4. Phòng, chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ và pháp luật IV. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng. 1. Trách nhiệm của công dân (bình thường) trong phòng, chống tham nhũng. 2. Trách nhiệm của công dân là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng		X		X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên...	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 bài	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 bài	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên thông qua tỉ lệ hiện diện của sinh viên trên lớp, ý thức tự học, ý thức tham gia xây dựng bài, thực hiện các nhiệm vụ về nhà và hoạt động nhóm...

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi sinh viên học được 1/2 chương trình, đánh giá theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 50 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

- Thi kết thúc học phần theo hình thi trắc nghiệm trên máy:

- + Thời gian làm bài: 60 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

12. Phương pháp dạy và học

Giảng viên giới thiệu học phần, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học. Giới thiệu nội dung cốt lõi của học phần, của từng chương, sau mỗi chương có tổng kết. Sử dụng bài giảng điện tử và các dụng cụ khác giảng dạy, phản hồi đầy đủ và kịp thời kết quả thảo luận, kết quả kiểm tra, thi.

Các phương pháp giảng dạy có thể áp dụng: thuyết trình, thảo luận nhóm, trực quan, đàm thoại, dự án... để làm rõ các khái niệm, các chế định, quy phạm pháp luật;

lấy ví dụ và liên hệ thực tiễn; Tích cực nêu vấn đề, đưa ra các tình huống pháp luật để kích thích tính tích cực của sinh viên.

Sinh viên lắng nghe, ghi chép, chủ động nắm bắt kiến thức và vận dụng nội dung kiến thức bài học để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà giảng viên giao cho.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc giáo trình trước khi đến lớp, đọc thêm Hiến pháp 2013, các bộ luật.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi đến lớp. Thực hiện tốt nhiệm vụ được giảng viên phân công. Ghi chép và tích cực thảo luận, xây dựng bài trên lớp.

- Yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ về nhà: Sinh viên thực hiện nghiêm túc các nội dung tự học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên, hoàn thành tất cả bài tập và nhiệm vụ giảng viên giao.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo quy chế.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trường Đại học Sao Đỏ năm 2014, *Giáo trình Pháp luật đại cương*, in lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Động (2009), *Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật*, NXB Giáo dục, Hà Nội

[3] . *Hiến pháp năm 2013*

[4] . *Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017*

[5] . *Bộ luật Dân sự 2014*

[6] . *Luật Phòng chống tham nhũng 2018*

[7] . Trần Minh Hương (2009), Trường Đại học Luật, Hà Nội, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT Mục tiêu chương: Trình bày được nguồn	2		[1] [2]	+ Chuẩn bị trước giáo trình và các dụng cụ học tập

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	gốc, bản chất, chức năng, bộ máy nhà nước của nhà nước và nguồn gốc, bản chất, chức năng, thuộc tính và vai của pháp luật. Liên hệ với nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam Nội dung cụ thể: I. Những vấn đề cơ bản về nhà nước. 1. Nguồn gốc của nhà nước 2. Bản chất nhà nước 3. Các kiểu lịch sử của nhà nước 4. Chức năng của nhà nước. 5. Bộ máy nhà nước 6. Hình thức của nhà nước và chế độ chính trị. II. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1. Nguồn gốc của pháp luật 2. Bản chất của pháp luật				+ Đọc Chương I (Phần I, mục 1,2 Phần II) tài liệu bắt buộc [1]. Tr.1-15, [2] tr.9-32. + Học bài ở nhà nội dung ý nghĩa của môn học.
2	3. Chức năng của pháp luật 4. Thuộc tính của pháp luật. 5. Vai trò của pháp luật xã hội chủ nghĩa. 6. Các kiểu lịch sử của pháp luật. CHƯƠNG II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT Mục tiêu chương: Trình bày khái niệm quy phạm pháp luật, cấu trúc của quy phạm pháp luật và vận dụng vào thực tiễn các tình huống pháp luật cụ thể Nội dung cụ thể: I. Quy phạm pháp luật 1. Khái niệm quy phạm pháp luật 2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật	2		[1] [2]	+ Đọc và nghiên cứu trước mục 3,4,5,6 phần II Chương I và phần I chương II), tài liệu [1]. tr.17-26, [2] tr. 214-249. + Đọc lại phần kiến thức đã học + Chuẩn bị bài tập Chương I
3	II. Văn bản quy phạm pháp luật 1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật 2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 3. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật III. Quan hệ pháp luật 1. Khái niệm quan hệ pháp luật. 2. Đặc điểm quan hệ pháp luật. 3. Thành phần quan hệ pháp luật	2		[1] [2]	+ Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1]. tr. 26-30. [2] tr. 251-258. + Chuẩn bị nội dung chương III
4	CHƯƠNG III. VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ, PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	2		[1] [2]	+ Đọc trước nội dung bài học phần I Chương III, tài liệu bắt buộc. [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Mục tiêu chương: Trình bày được vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế XHCN liên hệ với thực tế hiện nay ở nước ta trong công tác tăng cường pháp chế XHCN Nội dung cụ thể: I. Vi phạm pháp luật. 1. Vi phạm pháp luật. 2. Cấu thành của vi phạm pháp luật. 3. Các loại vi phạm pháp luật				tr. 35-37, [2] tr. 297-301. + Chuẩn bị nội dung làm bài tập. + Lấy ví dụ về hành vi vi phạm pháp luật..
5	II. Trách nhiệm pháp lý 1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý . 2. Các loại trách nhiệm pháp lý III. Pháp chế xã hội chủ nghĩa 1. Khái niệm pháp chế XHCN 2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN 3. Vấn đề tăng cường pháp chế XHCN	2		[1] [2]	+ Đọc trước nội dung bài học phần II, III Chương III, tài liệu [1]. tr 37-42, [2] tr. 301.315. + Giải quyết tình huống GV ra. + Đọc lại kiến thức đã học.
6	CHƯƠNG IV. LUẬT NHÀ NƯỚC VIỆT NAM Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm luật nhà nước, một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013. Liên hệ thực tế trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp 2013. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm luật Nhà nước. 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Phương pháp điều chỉnh 4. Nguồn của luật nhà nước II. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 1. Chế độ chính trị 2. Chế độ kinh tế. 3. Chính sách văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ	2		[1] [3]	+ Đọc trước nội dung bài học phần I, II Chương IV, tài liệu [1]. tr.44-46. [3] tr.3-9. + Chuẩn bị nội dung làm bài tập.
7	4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 5. Tổ chức bộ máy bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. CHƯƠNG V. LUẬT HÀNH CHÍNH	2		[1] [7]	+ Đọc tài liệu [1] tr.47-56. [7] tr. 15-45. + Chuẩn bị nội dung + Làm bài tập về nhà chủ đề quyền và nghĩa vụ của công dân theo

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	VIỆT NAM Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm luật hành chính và các cơ quan hành chính nhà nước, quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính, Cán bộ, công chức, toà án hành chính Nội dung cụ thể: I. Khái niệm Luật hành chính. 1. Khái niệm luật hành chính và cơ quan hành chính nhà nước 2. Nguồn của luật hành chính Việt Nam II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính 1. Quan hệ pháp luật hành chính				Hiến pháp năm 2013.
8	2.Trách nhiệm hành chính 3.Vi phạm pháp luật hành chính. 4. Xử lý vi phạm hành chính. III. Cán bộ, công chức. 1. Khái niệm và các nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức 2. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ công chức. 3.Tuyên dụng công chức 4.Thôi việc đối với công chức 5. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức. IV. Toà án hành chính	2		[1] [7]	+ Đọc lại kiến thức đã học. + Đọc tài liệu [1] tr. 56-65. [7] tr. 273-283. + Lấy ví dụ về hành vi vi phạm hành chính. + Viết tiểu luận Phần III.
9	CHƯƠNG VI. LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ Mục tiêu chương: Trình bày được Khái niệm Luật hình sự, tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp, luật Tổ tụng hình sự. Liên hệ thực tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm Luật hình sự. 1. Khái niệm luật hình sự. 2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3. Nguồn của luật hình sự. 4. Các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự. 5. Vai trò của luật hình sự	2		[1] [4]	+ Đọc tài liệu [1]. tr 67-69. [4] tr. 5-8. + Đọc lại kiến thức đã học. + Lấy ví dụ về một số loại tội phạm và xác định các dấu hiệu tội phạm. + Làm bài tập tình huống về tội phạm

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	II. Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự 1. Khái niệm tội phạm 2. Những dấu hiệu cơ bản của tội phạm. 3. Phân loại tội phạm 4. Cấu thành tội phạm				
10	5. Trách nhiệm hình sự 6. Các chế định khác về Bộ luật hình sự. III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp 1. Khái niệm hình phạt 2. Hệ thống hình phạt. 3. Các biện pháp tư pháp. 4. Căn cứ quyết định hình phạt IV. Luật Tổ tụng hình sự 1. Khái niệm luật tố tụng hình sự 2. Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự. 3. Các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự.	2		[1] [4]	+ Đọc tài liệu bắt buộc [1]tr.69-74, [4]. tr.12-18. + Xác định các trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự. + Chuẩn bị câu hỏi, bài tập tình huống về tố tụng hình sự.
11	CHƯƠNG VII. LUẬT DÂN SỰ, LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ Mục tiêu chương: Trình bày được luật dân sự và luật tố tụng dân sự, một số chế định cơ bản của Bộ Luật Dân sự, luật Tố tụng dân sự. Liên hệ thực tế trong việc tuân thủ về pháp luật dân sự ở nước ta hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm chung. 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Nguyên tắc cơ bản của luật dân sự II. Một số chế định cơ bản của Bộ Luật Dân sự 1. Cá nhân 2. Pháp nhân 3. Giao dịch dân sự 4. Đại diện 5. Tài sản và quyền sở hữu 6. Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự 7. Thừa kế. III. Luật Tố tụng dân sự 1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh 2. Những nguyên tắc cơ bản 3. Thẩm quyền của Tòa án	2		[1] [5]	+ Đọc tài liệu bắt buộc [1].tr.69-74,[4].tr.12-18. + Xác định các trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự. + Chuẩn bị câu hỏi, bài tập tình huống về tố tụng hình sự.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
12	CHƯƠNG VIII. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm Luật hôn nhân và gia đình, một số chế định cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình. Liên hệ thực tế việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc hiệnj Luật Hôn nhân và gia đình. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm chung 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Phương pháp điều chỉnh 4. Các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình. 5. Nguồn của luật hôn nhân và gia đình 6. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình II. Một số chế định cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình. 1. Kết hôn. 2. Quan hệ giữa vợ và chồng 3. Quan hệ giữa cha mẹ và con 4. Cấp dưỡng 5. Xác định cha mẹ con. 6. Con nuôi. 7. Ly hôn. 8. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 9. Xử lý vi phạm.	2		[1] [5]	+ Đọc tài liệu [1] tr.109-122. [5] 13-18. + Chuẩn bị câu hỏi theo hướng dẫn. + Làm các bài tập tình huống về luật Hôn nhân và gia đình. + Thảo luận theo chủ đề GV giao.
13	CHƯƠNG IX. LUẬT LAO ĐỘNG Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm Luật lao động, các chế định cơ bản của Luật lao động. Liên hệ thực tế trong việc chấp hành pháp luật lao động hiện nay ở nước ta. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm Luật lao động 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Phương pháp điều chỉnh 4. Các nguyên tắc cơ bản của luật lao động 5. Quan hệ pháp luật lao động II. Các chế định cơ bản của Luật Lao động	2		[1] [5]	+ Đọc tài liệu [1] tr.124-149. [5] tr. 68-72. + Đọc lại kiến thức đã học + Đọc trước giáo trình và đặt câu hỏi + Làm bài tập tình huống về luật lao động + Thảo luận theo chủ đề GV giao.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1. Việc làm và học nghề 2. Hợp đồng lao động 3. Thỏa ước lao động tập thể 4. Tiền lương 5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi				
14	6. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất 7. Bảo hộ lao động 8. Bảo hiểm xã hội 9. Địa vị pháp lý của công đoàn 10. Tranh chấp lao động CHƯƠNG X. LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm Luật phòng chống tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng. Liên hệ thực trạng trong việc tuyên truyền pháp luật về phòng chống tham nhũng của công dân. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm tham nhũng. 1. Khái niệm tham nhũng. 2. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng. II. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng. 1. Nguyên nhân của tham nhũng. 2. Tác hại của tham nhũng.	2		[1] [6]	+ Đọc lại kiến thức đã học + Đọc tài liệu [1] tr.154-182. [6] tr. 2-15. + Làm bài tập tình huống về luật lao động + Làm bài tập tình huống về tham nhũng. + Làm việc theo nhóm, thảo luận chủ đề GV giao.
15	III. Ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng. 1. Phòng, chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng Nhà nước pháp quyền. 2. Phòng, chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân. 3. Phòng, chống tham nhũng góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội 4. Phòng, chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ	2		[1] [6]	+ Đọc lại kiến thức đã học + Đọc trước Chương X, tài liệu [1]tr. 169-182, [6]tr.3-10. + Thảo luận chủ đề GV giao.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	và pháp luật. IV. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng. 1. Trách nhiệm của công dân (bình thường) trong phòng, chống tham nhũng. 2. Trách nhiệm của công dân là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng				
16	Ôn và thi kết thúc học phần			[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	+ Ôn tập theo hệ thống câu hỏi. + Ôn tập theo chương trình học phần. + Hệ thống lại kiến thức đã học trong tài liệu bắt buộc số [1].

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

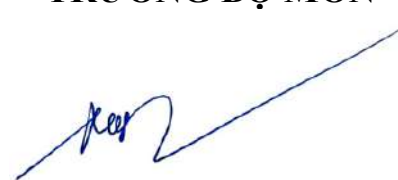
KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Phạm Thị Hồng Hoa



Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(TÊN HỌC PHẦN)

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành **đào tạo**: Các ngành

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Các ngành

1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học

2. Mã học phần: KHXH 361

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Hằng	0984.696.418	TTHang@saodo.edu.vn
2	ThS. Ngô Thị Luyện	0977.336.889	NTLuyen@saodo.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	0916.143.388	NTNMai@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Có kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập số liệu và xử	2	[1.2.1.1.a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	lý thông tin.		
MT1.2	Phân tích được phương pháp thu thập và xử lý thông tin; trình bày luận điểm khoa học và tổ chức thực hiện đề tài.	4	[1.2.1.1.a]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Có khả năng xây dựng luận điểm khoa học và cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	6	[1.2.2.3]
MT2.2	Có kỹ năng thu thập dữ liệu và lựa chọn phương pháp xử lý thông tin phù hợp.	4	
MT2.3	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp để trình bày luận điểm khoa học và tổ chức thực hiện đề tài.	5	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối quản lý, hướng dẫn, giám sát các thành viên, đánh giá và đưa ra kết luận trong nghiên cứu khoa học.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Phân tích được khái niệm, đặc điểm và các loại hình nghiên cứu khoa học.	4	[2.1.6]
CĐR1.2	Phân tích được trình tự của nghiên cứu khoa học.	4	
CĐR1.3	Vận dụng được các phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin.	3	
CĐR1.4	Phân tích được các bộ cục trình bày luận điểm khoa học.	4	
CĐR1.5	Lập kế hoạch các bước chuẩn bị đề tài.	4	

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Xác định được loại hình nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và xây dựng luận điểm khoa học, cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	3	[2.2.5]
CĐR2.2	Áp dụng phương pháp thu thập dữ liệu phù hợp cho đề tài nghiên cứu. Từ đó lựa chọn phương pháp xử lý thông tin định lượng và thông tin định tính phù hợp, hiệu quả.	4	
CĐR2.3	Xác định được các modun của bài báo khoa học. Tổng hợp và lập kế hoạch chi tiết theo trình tự chuẩn bị luận văn khoa học.	5	
CĐR2.4	Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu thực hiện đề tài.	5	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, có ý thức chịu trách nhiệm và tư duy phản biện khoa học.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, đánh giá chất lượng công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	5	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần										
		CDR1					CDR2				CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 3.1	CDR 3.2
1	Chương 1. Đại cương khoa học và nghiên cứu khoa học 1.1. Khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 1.4. Phân loại nghiên cứu khoa học 1.5. Sản phẩm của nghiên cứu khoa học	x					x					
2	Chương 2. Trình tự logic của nghiên cứu khoa học 2.1. Khái niệm chung 2.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài 2.3. Xây dựng luận điểm khoa học 2.4. Cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học		x				x					
3	Chương 3. Phương pháp thu thập số liệu và xử lý thông tin 3.1. Khái niệm 3.2. Đại cương về thu thập thông tin 3.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 3.4. Phương pháp khảo sát thực địa 3.5. Phỏng vấn 3.6. Hội nghị khoa học 3.7. Điều tra bằng bảng hỏi 3.8. Phương pháp thực nghiệm 3.9. Trắc nghiệm xã hội 3.10. Phương pháp xử lý thông tin			x				x				
4	Chương 4. Trình bày luận điểm khoa học 4.1. Bài báo khoa học 4.2. Thông báo và tổng luận khoa học 4.3. Công trình khoa học 4.4. Khóa luận tốt nghiệp 4.5. Thuyết trình khoa học 4.6. Ngôn ngữ khoa học 4.7. Trích dẫn khoa học				x				x		x	
5	Chương 5. Tổ chức thực hiện đề tài 5.1. Khái niệm đề tài 5.2. Các bước tổ chức thực hiện đề tài					x				x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập áp dụng, điểm thường xuyên, thảo luận nhóm.
CDR2	Bài tập áp dụng, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CDR3	Bài tập áp dụng, điểm thường xuyên, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức; điểm thái độ thảo luận; điểm chuyên cần,...	01 điểm	20%	Điểm trung bình các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên, được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, thái độ thảo luận, hoạt động nhóm và tinh thần thực hiện nhiệm vụ tự học.

- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (thời gian 90 phút).

- Thi kết thúc học: Tự luận (thời gian 90 phút).

12. Phương pháp dạy và học

- Phương pháp động não.
- Dạy học dựa trên vấn đề.
- Tổ chức học theo nhóm.
- Tổ chức cho sinh viên tranh luận.

13. Yêu cầu học phần

- Ý thức, thái độ học tập: Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ, không bỏ tiết, nghỉ học có phép, có thái độ tích cực trong giờ học, có đóng góp ý kiến xây dựng bài, có tinh thần tự học, hỗ trợ bạn cùng lớp trong học tập, tổ chức học nhóm.

- Về nghiên cứu tài liệu: Sinh viên đọc trước tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

- Kiểm tra đánh giá: Sinh viên phải hoàn thành các bài tập được giao, đạt chất lượng theo yêu cầu của giảng viên; tham gia đầy đủ, đạt chất lượng các bài kiểm tra trên lớp và thi kết thúc học phần.

14. Tài liệu phục vụ học phần:**- Tài liệu bắt buộc:**

[1] Trường Đại học Sao Đỏ (2018), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Hải Dương.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Vũ Cao Đàm (2009), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB giáo dục.

15. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1. Đại cương khoa học và nghiên cứu khoa học Mục tiêu chương: Trình bày được khái lược về khoa học và nghiên cứu khoa học. Phân tích các đặc điểm nghiên cứu khoa học. Phân biệt được các loại hình nghiên cứu khoa học và chỉ rõ sản phẩm của nghiên cứu khoa học. Nội dung cụ thể: 1.1. Khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học <i>1.3.1. Tính mới</i> <i>1.3.2. Tính tin cậy</i> <i>1.3.3. Tính thông tin</i> <i>1.3.4. Tính khách quan</i>	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 1, mục 1.1; 1.2; 1.3. - Nghiên cứu tài liệu [2]- chương 1 mục 1.1, 1.2 tr12-21.
2	1.4. Phân loại nghiên cứu khoa học <i>1.4.1. Phân loại theo chức năng nghiên cứu</i> <i>1.4.2. Phân loại theo các giai đoạn của nghiên cứu</i> 1.5. Sản phẩm của nghiên cứu khoa học <i>1.5.1. Đặc điểm của sản phẩm nghiên cứu khoa học</i> <i>1.5.2. Vật mang thông tin</i> <i>1.5.3. Một số sản phẩm đặc biệt của nghiên cứu khoa học</i>	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 1, mục 1.4, 1.5. - Nghiên cứu tài liệu [2]- chương 2 mục 2.1, 2.2 tr35-38.

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
3	Chương 2. Trình tự logic của nghiên cứu khoa học Mục tiêu chương: Trình bày được trình tự logic và kiểm tra lỗi logic của nghiên cứu khoa học. Phân biệt các loại hình nghiên cứu khoa học và chỉ rõ sản phẩm của nghiên cứu khoa học. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài nghiên cứu. Xây dựng luận điểm khoa học và cấu trúc phương pháp luận cho đề tài nghiên cứu đã lựa chọn. Nội dung cụ thể: 2.1. Khái niệm chung 2.1.1. Trình tự logic 2.1.2. Kiểm tra lỗi logic của người nghiên cứu 2.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài 2.2.1. Lựa chọn sự kiện khoa học 2.2.2. Nhận dạng nhiệm vụ nghiên cứu 2.2.3. Xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu 2.2.4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu 2.2.5. Đặt tên đề tài 2.2.6. Một số điểm cần tránh khi đặt tên đề tài	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 2, mục 2.1, 2.2. - Nghiên cứu tài liệu [2]- chương 3 mục 3.1, 3.2 tr47-56.
4	Chương 2 (tiếp) 2.3. Xây dựng luận điểm khoa học 2.3.1. Bản chất của quan sát 2.3.2. “Vấn đề” nghiên cứu khoa học 2.3.3. Giả thuyết nghiên cứu	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 2, mục 2.3. - Đọc tài liệu tham khảo [2] - chương 3 mục 3.3 tr56-62.
5	Chương 2 (tiếp) 2.4. Cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2.4.1. Luận điểm 2.4.2. Luận cứ	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 2, mục 2.4. - Đọc tài liệu tham khảo [2] -

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<i>2.4.3. Luận chứng</i>			chương 3 mục 3.4 tr62-66.
6	Chương 3. Phương pháp thu thập số liệu và xử lý thông tin Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm và đại cương về thu thập thông tin. Xác định và lựa chọn phương pháp thu thập số liệu và xử lý thông tin phù hợp cho đề tài nghiên cứu khoa học. Nội dung cụ thể: 3.1. Khái niệm 3.2. Đại cương về thu thập thông tin 3.2.1. <i>Chọn mẫu khảo sát</i> 3.2.2. <i>Chọn phương pháp tiếp cận khảo sát</i> 3.2.3. <i>Đặt giả thuyết nghiên cứu</i>	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 3, mục 3.1, 3.2. - Đọc tài liệu tham khảo [2] – chương 4 mục 4.2 tr67-77.
7	Chương 3 (tiếp) 3.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 3.3.1. <i>Mục đích nghiên cứu tài liệu</i> 3.3.2. <i>Phân tích các nguồn tài liệu</i> 3.3.3. <i>Tổng hợp tài liệu</i> 3.4. Phương pháp khảo sát thực địa 3.5. Phỏng vấn	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1] - chương 3, mục 3.3, 3.4, 3.5. - Đọc tài liệu tham khảo [2] – chương 4 mục 4.3, 4.4, 4.5 tr77-84. - Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.
8	Kiểm tra giữa học phần	2	[1] [2]	Làm bài kiểm tra giữa học phần
9	Chương 3 (tiếp) 3.6. Hội nghị khoa học 3.6.1. <i>Các loại hội nghị</i> 3.6.2. <i>Kỹ yếu khoa học</i> 3.7. Điều tra bằng bảng hỏi 3.8. Phương pháp thực nghiệm	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 3, mục 3.6, 3.7, 3.8. - Đọc tài liệu tham khảo [2] – chương 4

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	3.8.1. Khái niệm chung 3.8.2. Phân loại thực nghiệm 3.8.3. Các loại thực nghiệm			mục 4.6, 4.7, 4.8 tr85-98.
10	Chương 3 (tiếp) 3.9. Trắc nghiệm xã hội 3.10. Phương pháp xử lý thông tin 3.10.1. Xử lý thông tin định lượng 3.10.2. Xử lý các thông tin định tính 3.10.3. Sai số quan sát 3.10.4. Phương pháp trình bày độ chính xác của số liệu 3.10.5. Biện luận kết quả nghiên cứu	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 3, mục 3.9, 3.10. - Đọc tài liệu tham khảo [2] – chương 4 mục 4.9, 4.10 tr98-106.
11	Chương 4. Trình bày luận điểm khoa học Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm bài báo khoa học. Phân tích được nội dung chủ yếu của thông báo khoa học, tổng luận khoa học, công trình khoa học. Phân tích được bố cục của khóa luận tốt nghiệp và cách thức trình bày thuyết trình khoa học, ngôn ngữ khoa học và trích dẫn khoa học trong khóa luận tốt nghiệp. Nội dung cụ thể: 4.1. Bài báo khoa học 4.2. Thông báo và tổng luận khoa học 4.2.1. Thông báo khoa học 4.2.2. Tổng luận khoa học 4.3. Công trình khoa học 4.3.1. Chuyên khảo khoa học 4.3.2. Tác phẩm khoa học	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3. - Đọc tài liệu tham khảo [2] - chương 5 mục 5.1, 5.2, 5.3 tr106-110.
12	Chương 4 (tiếp) 4.4. Khóa luận tốt nghiệp 4.4.1. Bố cục chung của khóa luận 4.4.2. Cách đánh số chương mục của khóa luận	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 4, mục 4.4. - Đọc tài liệu tham khảo [2] - chương

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
				5 mục 5.4 tr110-115.
13	Chương 4 (tiếp) 4.5. Thuyết trình khoa học 4.5.1. Vấn đề thuyết trình 4.5.2. Luận điểm thuyết trình 4.5.3. Luận cứ của thuyết trình 4.5.4. Phương pháp thuyết trình	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 4, mục 4.5. - Đọc tài liệu tham khảo [2] - chương 5 mục 5.5 tr115-119.
14	Chương 4 (tiếp) 4.6. Ngôn ngữ khoa học 4.6.1. Văn phong khoa học 4.6.2. Ngôn ngữ toán học 4.6.3. Sơ đồ 4.6.4. Hình vẽ và ảnh 4.7. Trích dẫn khoa học 4.7.1. Công dụng của trích dẫn 4.7.2. Nguyên tắc trích dẫn 4.7.3. Ý nghĩa của trích dẫn 4.7.4. Nơi trích dẫn 4.7.5. Mẫu ghi trích dẫn 4.7.6. Vài điểm lưu ý khi ghi trích dẫn	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 4, mục 4.6, 4.7. - Đọc tài liệu tham khảo [2] - chương 5 mục 5.6, 5.7 tr119-124.
15	Chương 5. Tổ chức thực hiện đề tài Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm đề tài. Phân tích được nội dung các bước tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. Nội dung cụ thể: 5.1. Khái niệm đề tài 5.2. Các bước tổ chức thực hiện đề tài 5.2.1. Lựa chọn đề tài 5.2.2. Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu 5.2.3. Tổ chức nhóm nghiên cứu	2	[1] [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- chương 5, mục 5.1, 5.2. - Đọc tài liệu tham khảo [2] - chương 6 tr127-132.

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	5.2.4. Thu thập và xử lý thông tin 5.2.5. Viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu 5.2.6. Đánh giá và nghiệm thu đề tài 5.2.7. Công bố kết quả nghiên cứu			

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Thị Chuyên



Nguyễn Thị Ngọc Mai

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRUYỀN THÔNG GIAO TIẾP

Số tín chỉ: 2

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

1. Tên học phần: Truyền thông giao tiếp

2. Mã học phần: KHXH 321

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Hoàng Thị An	0984420897	anhoangthi87@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	0985547630	nguyenbichngoc1990@gmail.com
3	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	0969803788	hoangdiepdtth@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Truyền thông giao tiếp là môn học trình bày những phương tiện giao tiếp: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, những kỹ thuật giao tiếp cơ bản trong các lĩnh vực: giao tiếp trực tiếp, giao tiếp qua điện thoại, thương lượng, giao tiếp qua thư tín...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp, ứng xử theo truyền thống dân tộc và theo thông lệ quốc tế phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.	2	[1.2.1.1a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1.2	Hiểu được tầm quan trọng, tính ứng dụng của các kiến thức cơ bản về giao tiếp.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích, đánh giá các quan hệ giao tiếp một cách hợp lý, trên cơ sở đó hoàn thiện hoạt động giao tiếp của bản thân.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng kiến thức để củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống, trong học tập và trong tương lai. Vận dụng có hiệu quả các phương tiện giao tiếp bao gồm phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có thái độ làm việc tích cực khi làm việc độc lập và kết hợp nhóm, có sự cẩn thận và thẩm mỹ.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có ý thức trách nhiệm, ý thức tự học, tư duy, sáng tạo, nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.	4	[1.2.3.1]
MT3.3	Có ý thức vươn lên, tự hoàn thiện, tự định hướng, thích nghi với các yêu cầu khác nhau đặt ra trong thực tế. Luôn tư duy sáng tạo tìm phương pháp ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về giao tiếp để phục vụ cuộc sống, hoàn thiện bản thân theo hướng tích cực. Truyền đạt kinh nghiệm của bản thân đến với mọi người giúp cuộc sống ngày càng tốt đẹp, văn minh.	3	[2.1.6]
CĐR1.2	Nhớ các chú ý quan trọng trong giao tiếp. Tránh mắc phải những sai lầm trong giao tiếp.	1	[2.1.6]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Phân tích, đánh giá các quan hệ giao tiếp một cách hợp lý, trên cơ sở đó hoàn thiện hoạt động giao tiếp của bản thân.	4	[2.2.7]
CĐR2.2	Vận dụng có hiệu quả các phương tiện giao tiếp bao gồm phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.	3	[2.2.7]
CĐR2.3	Đánh giá, phát triển và củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống, học tập và trong tương lai.	5	[2.2.7]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Đánh giá bài toán thực tế, áp dụng công nghệ thông tin vào giải quyết.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2			CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	Chương I. Khái quát chung về giao tiếp 1.1. Khái niệm giao tiếp	x	x				x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2			CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 3.1	CĐR 3.2
	1.2. Chức năng của giao tiếp 1.3. Phân loại giao tiếp							
2	Chương II. Cấu trúc của giao tiếp 2.1. Truyền thông trong giao tiếp 2.2. Nhận thức trong giao tiếp 2.3. Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp	x	x	x	x		x	x
3	Chương III. Các phương tiện giao tiếp 3.1. Ngôn ngữ 3.2. Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	x	x	x	x		x	x
4	Chương IV. Phong cách giao tiếp 4.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 4.2. Các loại phong cách giao tiếp	x	x	x	x		x	x
5	Chương V. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản 5.1. Kỹ năng lắng nghe 5.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 5.3. Kỹ năng thuyết phục 5.4. Kỹ năng thuyết trình 5.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 5.6. Kỹ năng viết	x	x	x	x	x	x	x
6	Chương VI. Giao tiếp trực tiếp 6.1. Chào hỏi, bắt tay,	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2			CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 3.1	CĐR 3.2
	giới thiệu, trao danh thiếp 6.2. Khen, phê bình, từ chối 6.3. Trò chuyện, kể chuyện 6.4. Tiếp khách, yến tiệc							
7	Chương VII. Thương lượng 7.1. Khái niệm về thương lượng 7.2. Đặc điểm và vấn đề đánh giá thương lượng 7.3. Các kiểu thương lượng 7.4. Quá trình thương lượng	x	x	x	x	x	x	x
8	Chương VIII. Giao tiếp qua điện thoại 8.1. Tầm quan trọng của điện thoại 8.2. Sử dụng điện thoại	x	x	x	x	x	x	x
9	Chương IX. Giao tiếp qua thư tín 9.1. Khái niệm, phân loại và kết cấu của thư tín 9.2. Nguyên tắc và cách viết thư tín 9.3. Viết một số loại thư cụ thể	x	x	x	x	x	x	x
10	Chương X. Giao tiếp văn phòng 10.1. Các loại hình giao tiếp văn phòng 10.2. Nguyên tắc giao	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2			CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 3.1	CĐR 3.2
	tiếp văn phòng							
11	Chương XI. Văn hóa giao tiếp với người nước ngoài 11.1. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam 11.2. Văn hóa giao tiếp của người nước ngoài	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên; điểm chuyên cần; điểm thực hành;...	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá chuyên cần: Phát vấn, tỷ lệ hiện diện trên lớp, làm bài tập.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (90 phút).

12. Phương pháp dạy và học

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm, trực quan, nêu vấn đề và đàm thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc các tài liệu về truyền thông giao tiếp.
- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập được giao.
- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Ghi chép và tích cực làm bài tập lớn và các chủ đề tự học, tự nghiên cứu.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự tối thiểu 80% thời lượng của học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo kế hoạch tiến độ, quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- *Tài liệu bắt buộc*

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ, *Giáo trình Truyền thông giao tiếp*.

- *Tài liệu tham khảo*

[2] - Larry King, *Những bí quyết giao tiếp tốt*, NXB trẻ 2003.

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương I. Khái quát chung về giao tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản trong giao tiếp. Nêu được vai trò của giao tiếp trong cuộc sống. - Trình bày được chức năng xã hội và chức năng tâm lý của giao tiếp. - Nhận biết các loại giao tiếp theo tính chất, quy cách, vị thế, số lượng. Nội dung cụ thể: 1.1. Khái niệm giao tiếp 1.1.1. Giao tiếp là gì 1.1.2. Vai trò của giao tiếp 1.2. Chức năng của giao tiếp 1.2.1. Nhóm chức năng xã hội 1.2.2. Nhóm chức năng tâm lý 1.3. Phân loại giao tiếp 1.3.1. Phân loại giao tiếp theo tính chất tiếp xúc 1.3.2. Phân loại giao tiếp theo quy cách của giao tiếp 1.3.3. Phân loại giao tiếp theo vị thế 1.3.4. Phân loại giao tiếp theo số lượng	2		[1] [2]	1. Nghiên cứu đề cương chi tiết môn học 2. Chuẩn bị các học liệu cần thiết phục vụ học tập 3. Đọc [1], mục 1.1, 1.2, 1.3. 4. Đọc [2]
2	Chương II. Cấu trúc của giao tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được khái niệm truyền thông, quá	2		[1] [2]	1. Đọc [1], mục 2.1, 2.2

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	trình truyền thông giữa hai cá nhân và truyền thông trong tổ chức. - Trình bày được các kiến thức thực tế giúp người học tăng cường nhận thức, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp. - Nhận biết ảnh hưởng tác động qua lại của lây lan cảm xúc, ám thị, áp lực nhóm, bắt trước trong giao tiếp. Nội dung cụ thể: 2.1. Truyền thông trong giao tiếp 2.1.1. Khái niệm truyền thông 2.1.2. Quá trình truyền thông giữa hai cá nhân 2.1.3. Truyền thông trong tổ chức				2. Đọc [2]
3	2.2. Nhận thức trong giao tiếp 2.2.1. Nhận thức đối tượng giao tiếp 2.2.2. Tự nhận thức trong giao tiếp 2.2.3. Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp 2.3. Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp 2.3.1. Lây lan cảm xúc 2.3.2. Ám thị 2.3.3. Áp lực nhóm 2.3.4. Bắt chước	2		[1] [2]	1. Đọc [1], mục 2.3 2. Đọc [2]
4	Chương III. Các phương tiện giao tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản của ngôn ngữ trong giao tiếp. Nêu được vai trò của phát âm, giọng nói, tốc độ nói và phong cách ngôn ngữ. - Trình bày được tầm quan trọng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Nêu rõ các chú ý quan trọng trọng trong giao tiếp khi sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Nội dung cụ thể:	2		[1] [2]	1. Đọc [1], mục 3.1, 3.2 2. Đọc [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	3.1. Ngôn ngữ 3.1.1. Nội dung của ngôn ngữ 3.1.2. Phát âm, giọng nói, tốc độ nói 3.1.3. Phong cách ngôn ngữ 3.2. Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ 3.2.1. Ánh mắt, nét mặt và nụ cười 3.2.2. Ăn mặc, trang điểm và trang sức 3.2.3. Tư thế và động tác 3.2.4. Khoảng cách, vị trí và kiểu bàn ghế 3.2.5. Quà tặng				
5	Chương IV. Phong cách giao tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được khái niệm phong cách giao tiếp. Các đặc trưng của từng phong cách giao tiếp. - Nhận biết các loại phong cách giao tiếp như dân chủ, độc đoán, tự do. Nội dung cụ thể: 4.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 4.1.1. Định nghĩa 4.1.2. Đặc trưng của phong cách giao tiếp 4.2. Các loại phong cách giao tiếp 4.2.1. Phong cách giao tiếp dân chủ 4.2.2. Phong cách giao tiếp độc đoán 4.2.3. Phong cách giao tiếp tự do	2		[1] [2]	1. Đọc [1], mục 4.1, 4.2 2. Đọc [2]
6	Chương V. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản, kỹ năng viết. Nội dung cụ thể: 5.1. Kỹ năng lắng nghe 5.1.1. Lợi ích của lắng nghe	2		[1] [2]	1. Đọc [1], mục 5.1, 5.2 2. Đọc [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	5.1.2. Những yếu tố cản trở việc lắng nghe có hiệu quả 5.1.3. Các mức độ lắng nghe và kỹ năng lắng nghe có hiệu quả 5.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 5.2.1. Dùng câu hỏi để thu thập thông tin 5.2.2. Dùng câu hỏi với các mục đích khác				
7	5.3. Kỹ năng thuyết phục 5.3.1. Thuyết phục là gì 5.3.2. Những điểm cần lưu ý khi thuyết phục người khác 5.3.3. Quy trình thuyết phục 5.4. Kỹ năng thuyết trình 5.4.1. Thuyết trình là gì 5.4.2. Các bước thuyết trình	2		[1] [2]	1. Đọc [1], mục 5.3, 5.4 2. Đọc [2]
8	5.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 5.5.1. Kỹ năng đọc 5.5.2. Kỹ năng tóm tắt văn bản 5.6. Kỹ năng viết 5.6.1. Giai đoạn chuẩn bị 5.6.2. Giai đoạn viết Kiểm tra giữa học phần	1LT 1KT		[1] [2]	Sinh viên kiểm tra giữa học phần
9	Chương VI. Giao tiếp trực tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản, các lưu ý trong chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, trao danh thiếp. - Trình bày được các kiến thức, các lưu ý khi khen, phê bình, từ chối trong giao tiếp. - Trình bày được các kiến thức, các lưu ý khi trò chuyện, kể chuyện, tiếp khách, yến tiệc. Nội dung cụ thể: 6.1. Chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, trao danh thiếp 6.1.1. Chào hỏi	2		[1] [2]	1. Đọc [1], mục 6.1 ÷ 6.4 2. Đọc [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	6.1.2. Bắt tay 6.1.3. Giới thiệu 6.1.4. Trao danh thiếp 6.2. Khen, phê bình, từ chối 6.2.1. Khen 6.2.2. Phê bình 6.2.3. Từ chối 6.3. Trò chuyện, kể chuyện 6.3.1. Trò chuyện 6.3.2. Kể chuyện 6.4. Tiếp khách, yến tiệc 6.4.1. Tiếp khách 6.4.2. Đãi khách bằng tiệc				
10	Chương VII. Thương lượng Mục tiêu chương: - Trình bày được khái niệm thương lượng, nguyên nhân xảy ra thương lượng và các loại thương lượng cơ bản. - Trình bày được các đặc điểm và vấn đề đánh giá thương lượng. - Nhận biết các kiểu thương lượng trong giao tiếp. Quá trình giúp có được một cuộc thương lượng thành công. Nội dung cụ thể: 7.1. Khái niệm về thương lượng 7.1.1. Định nghĩa thương lượng 7.1.2. Nguyên nhân của thương lượng 7.1.3. Phân loại thương lượng 7.2. Đặc điểm và vấn đề đánh giá thương lượng 7.2.1. Đặc điểm của thương lượng 7.2.2. Đánh giá cuộc thương lượng 7.3. Các kiểu thương lượng 7.3.1. Thương lượng kiểu mềm 7.3.2. Thương lượng kiểu cứng 7.3.3. Thương lượng dựa trên nguyên tắc	2		[1] [2]	1. Đọc [1], 7.1 ÷ 7.3 2. Đọc [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	khách quan				
11	7.4. Quá trình thương lượng 7.4.1. Giao đoạn chuẩn bị 7.4.2. Giao đoạn tiếp xúc 7.4.3. Giai đoạn tiến hành thương lượng 7.4.4. Thỏa thuận và ký hợp đồng	2		[1] [2]	1. Đọc mục [1], 7.4. 2. Đọc [2]
12	Chương VIII. Giao tiếp qua điện thoại Mục tiêu chương: - Trình bày được tầm quan trọng của điện thoại trong cuộc sống. - Trình bày được các kiến thức khi gọi điện và nhận điện thoại. Những chú ý khi sử dụng điện thoại. Nội dung cụ thể: 8.1. Tầm quan trọng của điện thoại 8.2. Sử dụng điện thoại 8.2.1. Gọi điện thoại 8.2.2. Nhận điện thoại 8.2.3. Những điều cần chú ý khi sử dụng điện thoại	2		[1] [2]	1. Đọc mục [1], 8.2 2. Đọc [2]
13	Chương IX. Giao tiếp qua thư tín Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản trong kỹ năng viết thư tín, cụ thể là viết thư đặt hàng, khiếu nại, thư từ xã giao. - Trình bày được nguyên tắc cơ bản khi viết thư tín. Nội dung cụ thể: 9.1. Khái niệm, phân loại và kết cấu của thư tín 9.1.1. Khái niệm thư tín 9.1.2. Phân loại thư tín 9.1.3. Kết cấu của thư tín 9.2. Nguyên tắc và cách viết thư tín 9.2.1. Nguyên tắc viết thư tín 9.2.2. Cách viết thư	2		[1]	1. Đọc mục [1], 9.1, 9.2, 9.3

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	9.3. Viết một số loại thư cụ thể 9.3.1. Cách viết thư về đặt hàng 9.3.2. Thư khiếu nại 9.3.3. Các loại thư từ xã giao				
14	Chương X. Giao tiếp văn phòng Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản trong giao tiếp văn phòng, các nguyên tắc trong giao tiếp văn phòng. Nội dung cụ thể: 10.1. Các loại hình giao tiếp văn phòng 10.2. Nguyên tắc giao tiếp văn phòng	2		[1]	1. Đọc [1], mục 10.1, 10.2
15	Chương XI. Văn hóa giao tiếp với người nước ngoài Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam và một số nước trong khu vực. Nội dung cụ thể: 11.1. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam 11.2. Văn hóa giao tiếp của người nước ngoài	2		[1] [2]	1. Đọc [1], mục 11.1, 11.2. 2. Đọc [2]

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

Trần Duy Khánh

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Văn Kiên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHỞI NGHIỆP KINH DOANH

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

- 1. Tên học phần:** Khởi nghiệp kinh doanh
- 2. Mã học phần:** QTRI 112
- 3. Số tín chỉ:** 2(2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Không có
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Huế	0984152429	nguyenthihue85dhsd@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Hương	0977244097	huongvudhsd20102014@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thủy	0978936919	Nguyenthuy1216@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hằng	0984696418	tranhang.k48neu@gmail.com
5	ThS. Ngô Thị Luyện	0977336889	ngothiluyendhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về	1	[1.2.1.1a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	khởi nghiệp kinh doanh, vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công.		
MT1.2	Hiểu được phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh, những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.	2	[1.2.1.1a]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích được môi trường kinh doanh, tư duy, suy luận logic, hợp lý và khoa học để chỉ ra những rủi ro có thể xảy ra trong kinh doanh. Có tư duy và khát vọng của doanh nhân và có định hướng nghề nghiệp trong tương lai.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng được lý thuyết để xử lý và giải quyết bài tập tình huống gặp phải trong kinh doanh.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Vận dụng được các kiến thức đã học về khởi nghiệp kinh doanh để có thể làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và có ý thức chịu trách nhiệm trong công việc.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Phân tích mọi vấn đề xoay quanh doanh nghiệp để định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận cho các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp một cách chính xác, minh bạch.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
---------------------	--------------	-----------------------	--

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được đặc trưng của nghề kinh doanh, những vấn đề cơ bản về doanh nhân và chuẩn bị để trở thành chủ doanh nghiệp.	1	[2.1.6]
CĐR1.2	Phân biệt được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, xác định được cầu thị trường, xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, mô tả bước đầu hoạt động kinh doanh.	2	
CĐR1.3	Trình bày được những vấn đề cơ bản về kế hoạch kinh doanh, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh và một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh.	1	[2.1.6]
CĐR1.4	Trình bày được nội dung tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động kinh doanh.	1	
CĐR1.5	Trình bày được nội dung tái lập doanh nghiệp và phân tích các kỹ năng tái lập doanh nghiệp.	1	
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, cầu thị trường và ý tưởng kinh doanh.	4	[2.2.4]
CĐR2.2	Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng được nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh và hình thành kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh.	3	
CĐR2.3	Phân tích được nội dung tạo lập doanh nghiệp và tiến hành triển khai hoạt động kinh doanh.	4	
CĐR2.4	Phân tích được nội dung tái lập doanh nghiệp và triển khai kỹ năng tái lập doanh nghiệp.	4	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Vận dụng kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp kinh doanh đã học để làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.	3	[2.3.1] [2.3.2] [2.3.3]
CĐR3.2	Phân tích nội dung công việc trong kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh để hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.	4	
CĐR3.3	Phân tích định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ ý	4	

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	tưởng khởi nghiệp kinh doanh.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần											
		CDR1					CDR2				CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Chương 1: Nghề kinh doanh và doanh nhân trong nền kinh tế thị trường 1.1. Đặc trưng của nghề kinh doanh 1.2. Những vấn đề cơ bản về doanh nhân 1.3. Chuẩn bị trở thành chủ doanh nghiệp	x									x	x	x
2	Chương 2: Hình thành ý tưởng kinh doanh 2.1. Đánh giá mạnh, yếu của bản thân 2.2. Xác định cầu thị trường 2.3. Xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh 2.4. Mô tả bước đầu hoạt động kinh doanh		x				x			x	x	x	x
3	Chương 3: Soạn thảo kế hoạch kinh doanh 3.1. Những vấn đề cơ bản 3.2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh 3.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh			x				x		x	x	x	x
4	Chương 4: Phát triển hoạt động kinh doanh 4.1. Tạo lập doanh nghiệp 4.2. Triển khai hoạt động kinh doanh				x				x		x	x	x
5	Chương 5: Kỹ năng cơ bản tái lập doanh nghiệp 5.1. Vì sao cần tái lập doanh nghiệp 5.2. Từ thay đổi từng phần đến tái lập doanh nghiệp 5.3. Các kỹ năng cần thiết khi tái lập doanh nghiệp					x				x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ, chuyên cần của sinh viên.	01 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức; điểm thái độ; điểm chuyên cần được đánh giá theo phương pháp quan sát.

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi học xong nội dung 3.2 chương 3, được đánh giá theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

- Thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

12. Phương pháp dạy và học

- Các phương pháp giảng dạy có thể áp dụng: Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp mô phỏng; Phương pháp minh họa; Phương pháp miêu tả, làm mẫu.

- Sinh viên chuẩn bị bài từng chương, làm bài tập đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận. Tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc các tài liệu về Khởi nghiệp kinh doanh.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập áp dụng và các chủ đề tự học theo nhóm.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Ghi chép và tích cực làm các chủ đề tự học, tự nghiên cứu.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự tối thiểu 80% thời lượng của học phần.
- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo kế hoạch tiến độ, quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1]- *Giáo trình Khởi nghiệp kinh doanh*, Đại học Sao Đỏ, 2018.

- Tài liệu tham khảo:

[2]- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (2011), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3]- Đinh Việt Hòa (2012), *Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1: Nghề kinh doanh và doanh nhân trong nền kinh tế thị trường Mục tiêu chương: Trình bày được đặc trưng của nghề kinh doanh, những vấn đề cơ bản về doanh nhân, các điều kiện chuẩn bị để trở thành chủ doanh nghiệp. Nội dung cụ thể: 1.1. Đặc trưng của nghề kinh doanh 1.1.1. Nghề kinh doanh – một nghề cần trí tuệ 1.1.2. Nghề kinh doanh – một nghề cần nghệ thuật 1.1.3. Nghề kinh doanh – một nghề cần có một chút “may mắn” 1.2. Những vấn đề cơ bản về doanh nhân 1.2.1. Tư chất của một nhà kinh doanh sẽ thành đạt 1.2.2. Những vấn đề cơ bản về doanh nhân	2		[1] [2] [3]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 1 mục 1.1.1 – 1.2.2. - [2] chương 1, trang 11-36; - [3] chương 1, trang 20-32; - Trả lời câu hỏi 1, 2, 3 chương 1 [1]
2	1.3. Chuẩn bị trở thành chủ doanh nghiệp 1.3.1. Chuẩn bị các tố chất cần thiết 1.3.2. Chuẩn bị các kiến thức cần thiết Chương 2: Hình thành ý tưởng kinh	2		[1] [2] [3]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 1 mục 1.3, chương 2 mục 2.2. - [2] chương 1, trang 36-39; chương 2, trang 49-52.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	doanh Mục tiêu chương: Trình bày được điểm mạnh, yếu của bản thân, xác định và lựa chọn các ý tưởng kinh doanh và mô tả được bước đầu hoạt động kinh doanh. Nội dung cụ thể: 2.1. Đánh giá mạnh, yếu của bản thân 2.1.1. Nội dung cần đánh giá 2.1.2. Phương pháp tiến hành				- [3] chương 3, trang 122-148; - Trả lời câu hỏi 4, 5, 6, 7 chương 1 [1]
3	2.2. Xác định cầu thị trường 2.2.1. Cách làm 2.2.2. Nội dung chủ yếu 2.3. Xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh 2.3.1. Viễn cảnh tương lai cuộc sống bản thân 2.3.2. Mô tả ý tưởng kinh doanh Bài tập: Hình thành ý tưởng kinh doanh và đánh giá ý tưởng kinh doanh đó.	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 2 mục 2.2 - 2.3.2. - [2] chương 2, trang 53-74; - Trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4 chương 2 [1] - Nghiên cứu thị trường hình thành ý tưởng kinh doanh theo hướng dẫn.
4	2.4. Mô tả bước đầu hoạt động kinh doanh 2.4.1. Ngành kinh doanh 2.4.2. Công ty Chương 3: Soạn thảo kế hoạch kinh doanh Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm, mục đích và kết cấu điển hình của một bản kế hoạch kinh doanh. Xác định được nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh. Nội dung cụ thể: 3.1. Những vấn đề cơ bản 3.1.1. Khái niệm và phân loại kế hoạch kinh doanh 3.1.2. Mục đích của việc soạn thảo kế hoạch kinh doanh 3.1.3. Kết cấu điển hình của một bản kế hoạch kinh doanh	2		[1] [2] [3]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 2, 3 mục 2.4 – 3.1.3 - [2] chương 2, trang 74-89; chương 3 trang 89-94; - [3] chương 4, trang 177-203; - Trả lời câu hỏi 5, 6 chương 2; 1,2 chương 3 [1].
5	3.2. Nội dung cơ bản của kế hoạch	2			Nghiên cứu tài liệu:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	kinh doanh 3.2.1. Trang bìa ngoài 3.2.2. Mục lục 3.2.3. Tóm tắt 3.2.4. Quy trình kế hoạch hóa doanh nghiệp và các bước soạn lập kế hoạch 3.2.5. Phân tích ngành, khách hàng và đối thủ cạnh tranh 3.2.6. Mô tả công ty và sản phẩm 3.2.7. Kế hoạch marketing			[1] [2]	- [1] chương 3 mục 3.2 – 3.2.7. - [2] chương 3, trang 95-117; - Trả lời câu hỏi 3 chương 3 [1]
6	3.2.8. Kế hoạch sản xuất/ tác nghiệp 3.2.9. Kế hoạch phát triển doanh nghiệp 3.2.10. Nhóm đồng sáng lập và điều hành doanh nghiệp 3.2.11. Các rủi ro chủ yếu và biện pháp đối phó	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 3/Mục 3.2.8-3.2.11. - [2] chương 3, trang 117-126; - Trả lời câu hỏi 4 chương 3 [1]
7	3.2.12. Kế hoạch nhân sự 3.2.13. Kế hoạch tài chính	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 3 mục 3.2.12 đến 3.2.13. - [2] chương 3, trang 129-132; - Trả lời câu hỏi 5 chương 3 [1] - Ôn tập nội dung kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 7 chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.
8	Kiểm tra giữa học phần 3.2.14. Các phụ lục 3.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh 3.3.1. Lưu ý về nội dung kế hoạch kinh doanh	2		[1] [2]	Làm bài kiểm tra giữa học phần Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 3 mục 3.2.14 đến 3.3.1 - [2] chương 3, trang 132;
9	3.3.2. Lưu ý về hình thức trình bày văn bản kế hoạch kinh doanh 3.3.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh Bài tập: Lập kế hoạch kinh doanh sản phẩm cụ thể.	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 3 mục 3.3.2 đến 3.3.3 - [2] chương 3, trang 132-134; - Trả lời câu hỏi 6

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
					chương 3, câu hỏi 1 chương 4 [1]. - Nghiên cứu thị trường lựa chọn sản phẩm để lập kế hoạch kinh doanh.
10	Chương 4: Phát triển hoạt động kinh doanh Mục tiêu chương: Trình bày được cách thức tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động kinh doanh. Nội dung cụ thể: 4.1. Tạo lập doanh nghiệp 4.1.1. Lập kế hoạch hành động tạo lập doanh nghiệp 4.1.2. Lựa chọn hình thức tạo lập doanh nghiệp 4.1.3. Tạo lập doanh nghiệp theo hình thức lựa chọn 4.1.4. Mua lại công ty đang hoạt động 4.1.5. Nhượng quyền kinh doanh	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 4/mục 4.1. - [2] chương 4, trang 149-183; - Trả lời câu hỏi 2, 3, 4 chương 4 [1].
11	Bài tập: Lập hồ sơ đăng ký kinh doanh theo loại hình doanh nghiệp tự chọn. 4.2. Triển khai hoạt động kinh doanh 4.2.1. Tổ chức bộ máy quản trị nhân sự 4.2.2. Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị văn phòng	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 4 mục 4.2.1, 4.2.2 - [2] chương 4, trang 183-193; - Trả lời câu hỏi 5 chương 4 [1].
12	4.2.3. Thiết lập các mối quan hệ bạn hàng 4.2.4. Quản trị hoạt động kế toán và chi phí	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 4 mục 4.2.3, 4.2.4. - [2] chương 4, trang 193-195; - Trả lời câu hỏi 6 chương 4 [1].
13	Chương 5: Kỹ năng cơ bản tái lập doanh nghiệp Mục tiêu chương: Trình bày được lý do cần tái lập doanh nghiệp. Xác định được các kỹ năng cần thiết khi tái lập doanh nghiệp.	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 5 mục 5.1-5.2.1. - [2] chương 5, trang 211-223; - Trả lời câu hỏi 1 chương 5 [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Nội dung cụ thể: 5.1. Vì sao cần tái lập doanh nghiệp 5.2. Từ thay đổi từng phần đến tái lập doanh nghiệp 5.2.1. Thay đổi từng phần hoạt động ở các doanh nghiệp				
14	5.2.2. Các đặc trưng cơ bản của tái lập doanh nghiệp	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 5 mục 5.2.2. - [2] chương 5, trang 226-228; - Trả lời câu hỏi 2, 3, 4 chương 5 [1]
15	5.3. Các kỹ năng cần thiết khi tái lập doanh nghiệp 5.3.1. Xác định trường hợp tái lập doanh nghiệp 5.3.2. Biết tránh sai lầm để đưa tái lập tới thành công 5.3.3. Xác định, lựa chọn những người có trách nhiệm tái lập	2		[1] [2]	Nghiên cứu tài liệu: - [1] chương 5 mục 5.3 - [2] chương 5, trang 241-242; - Trả lời câu hỏi 5, 6 chương 5 [1]

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Thị Chuyên



Nguyễn Thị Ngọc Mai

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 1

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

- 1. Tên học phần:** Tiếng Anh 1
- 2. Mã học phần:** TANH 201
- 3. Số tín chỉ:** 02 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học tiếng Anh ở bậc trung học phổ thông.
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	<u>Trang.phamhuyen88@gmail.com</u>
5	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	<u>phuongdhds@gmail.com</u>
9	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	<u>Dangthanhhd79@gmail.com</u>

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,... Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học và cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: can, have got, there is/are, like,... và một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng, cấu trúc diễn tả các chủ điểm: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về con người, các hoạt động hàng ngày, giới thiệu về gia đình, đồ vật, địa điểm, nghề nghiệp, công việc thường ngày, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt các cấu trúc tiếng Anh trình độ cơ bản (Elementary): Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định; thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, động từ khuyết thiếu. Phân biệt danh từ đếm được và danh từ không đếm được.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, hội thoại về các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về bản thân và người khác, miêu tả thói quen hàng ngày, các hoạt động giải trí, hội thoại được về cách hỏi đường, thời gian và gọi đồ ăn trong nhà hàng.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Nghe hiểu về các chủ điểm giao tiếp thông thường. Đọc hiểu các đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm giao tiếp như đoạn văn miêu tả bạn thân, bưu thiếp, đoạn văn miêu tả người, nơi chốn, bản đồ, sơ đồ đơn giản, tờ quảng cáo bán hàng, bài báo ngắn hoặc tiểu sử.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Viết đoạn văn 100-120 từ về các chủ điểm: Miêu tả người, miêu tả nơi	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	chốn, sự kiện, viết đoạn văn so sánh, miêu tả nơi ở, kể lại một ngày làm việc, thói quen, viết đoạn văn về dự định, kế hoạch trong tương lai.		
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được các từ vựng diễn đạt các hoạt động giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về con người, các hoạt động hàng ngày, giới thiệu về gia đình, đồ vật, địa điểm, nghề nghiệp, công việc thường ngày, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo.	1	[2.2.8]
CDR1.2	Giải thích được các cấu trúc câu tiếng Anh trình độ sơ cấp (Elementary): Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, động từ khuyết thiếu. Phân	2	

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	biệt danh từ đếm được và danh từ không đếm được.		
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Giới thiệu bản thân và những người khác, hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng.	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Starter 1 1. Grammar: to be; Possessive Adjectives; Subject pronouns 2. Vocabulary: The Alphabets; nationalities; months	x	x	x	x	x		x
2	Starter 2 1. Grammar: Nouns; this, that, these, those 2. Vocabulary: School equipment; Number; Telling the time	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 1: It's my life 1.1. Vocabulary &	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	Grammar: my things 1.2. Grammar focus: have got 1.3. Vocabulary & Listening: my family 1.4. Grammar focus: possessive 's 1.5. Grammar focus: There is/are; possessive pronouns 1.6. Listening & Writing 1.7. Real time							
4	Unit 2: Your day 2.1.Vocabulary & Reading: School life 2.2.Grammar focus: present simple affirmative; time expressions 2.3.Vocabulary & Reading: Routines 2.4.Grammar focus: Present simple negative; object pronouns 2.5.Grammar focus: present simple questions 2.6.Vocabulary & Speaking: free time 2.7. Active study 1	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 3: Urban life 3.1.Vocabulary & Listening: Shopping 3.2.Grammar focus:	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	Countable & uncountable nouns; some/any 3.3.Vocabulary & Listening: My home 3.4.Grammar focus: Much/ many/ a lot of 3.5.Reading & Vocabulary 3.6.Vocabulary & Listening: in town 3.7. Speaking & Writing 3.8.Real time							
6	Unit 4: Keep fit 4.1.Vocabulary & Speaking: Sport 4.2.Grammar focus: Can 4.3.Vocabulary & Reading: Health 4.4.Grammar focus: Adverbs; Imperatives 4.5.Vocabulary & Reading: Extreme Sport 4.6.Listening & Speaking 4.7. Active Study 2	x	x	x	x	x	x	x
7	Unit 5: Eat well 5.1.Vocabulary & Listening: Food 5.2.Grammar focus: Like/ love/ hate + ing 5.3.Grammar focus: articles	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	5.4.Vocabulary & Writing: cooking 5.5.Speaking & Vocabulary 5.6. Reading & Listening 5.7. Real time							
8	Unit 6: My time 6.1.Grammar focus: present continuous 6.2.Listening & Speaking 6.3.Vocabulary & Reading: Clothes 6.4. Reading & Speaking 6.5.Listening & Speaking 6.6. Active study 3	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá	1 điểm	20%	

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
	nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên			
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 2 câu hỏi: Giới thiệu bản thân và bốc thăm 1/10 chủ đề nói cho trước.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TTKT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trực tiếp trên máy tính. Nội dung thi kết thúc học phần gồm 2 phần chính: Nghe và đọc hiểu.

- Nghe: có 3 nội dung:

- + Nghe chọn đáp án cho câu hỏi
- + Nghe 1 đoạn hội thoại và ghép câu hỏi và câu trả lời
- + Nghe 1 bài thuyết trình và chọn đáp án cho các câu hỏi

- Đọc hiểu: Gồm 4 nội dung

- + Đọc bảng thông báo và chọn đáp án phù hợp
- + Đọc đoạn văn và chọn từ điền vào chỗ trống
- + Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi
- + Chọn từ điền vào chỗ trống

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập

vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh trình độ sơ cấp.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học tập:

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. Marty Hobbs Julia Starr Keddle, *Real life – Elementary – Students’ book*, , Pearson Longman.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Starter 1 Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ quốc gia, các tháng trong năm, bảng chữ cái - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ to be, tính từ sở hữu và các đại từ nhân xưng. - Hội thoại giới thiệu bản thân.	2		[1] [2]	- Tìm hiểu cách chia động từ to be , phân biệt đại từ nhân xưng và tính từ sở hữu tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập 1-8 trang 1-3 phần bài tập tài liệu [1] - Liệt kê tên gọi của các quốc gia trên thế giới.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Nội dung cụ thể: 1. Grammar: to be; Possessive Adjectives; Subject pronouns 2. Vocabulary: The Alphabets; nationalities; months				
2	Starter 2 Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các dụng cụ học tập, số đếm và cách nói thời gian - Hiểu và biến đổi các danh từ và đại từ bất định. - Hội thoại giới thiệu bản thân và người khác. Nội dung cụ thể: 1. Grammar: Nouns; this, that, these, those 2. Vocabulary: School equipment; Number; Telling the time	2		[1] [2]	- Liệt kê được các từ vựng chỉ dụng cụ học tập. - Tìm hiểu và phân biệt danh từ số ít và danh từ số nhiều trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 4.-5 phần bài tập tài liệu [1]. - Lập hội thoại hỏi giờ.
3	Unit 1: It's my life Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng cá nhân, từ chỉ các thành viên trong gia đình. - Hiểu và cấu tạo động từ Have got và sở hữu cách. - Hội thoại giới thiệu về gia đình. Nội dung cụ thể: 1.1. Vocabulary & Grammar: my things 1.2. Grammar focus:	2		[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng chỉ đồ vật trong nhà, từ vựng chỉ thành viên trong gia đình. - Tìm hiểu cách sử dụng động từ Have got và sở hữu cách trong tiếng Anh trong tài liệu [2]. - Lập hội thoại hỏi đáp về các thành viên trong gia đình. - Hoàn thành bài tập trang 6-9 phần bài tập tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	have got 1.3. Vocabulary & Listening: my family 1.4. Grammar focus: possessive 's				
4	Unit 1: It's my life (cont) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng cá nhân, từ chỉ các thành viên trong gia đình. - Hiểu và sử dụng cấu trúc There is/are và đại từ sở hữu. - Nghe, hội thoại và email cho gia đình. Nội dung cụ thể: 1.5. Grammar focus: There is/are; possessive pronouns 1.6. Listening & Writing 1.7. Real time	2		[1] [2]	- Tìm hiểu cách sử dụng cấu trúc There is/are tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trang 10-13 phần bài tập tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại làm quen, giới thiệu bản thân.
5	Unit 2: Your day Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các môn học ở trường, từ vựng chỉ thói quen hàng ngày. - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì hiện tại đơn và các cụm từ diễn đạt thời gian. - Nói về 1 ngày của mình. Nội dung cụ thể: 2.1.Vocabulary &	2		[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng chỉ môn học, thói quen hàng ngày. - Tìm hiểu cách chia động từ thì hiện tại đơn ở câu khẳng định trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 14-17 phần bài tập tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Reading: School life 2.2.Grammar focus: present simple affirmative; time expressions 2.3.Vocabulary & Reading: Routines 2.4.Grammar focus: Present simple negative; object pronouns				
6	Unit 2: Your day (cont) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các hoạt động giải trí. - Hiểu và đặt câu hỏi với thì hiện tại đơn. - Hội thoại nói về các hoạt động rảnh rỗi trong ngày. Nội dung cụ thể: 2.5.Grammar focus: present simple questions 2.6.Vocabulary & Speaking: free time 2.7. Active study 1	2		[1] [2]	- Tìm hiểu cách thành lập câu hỏi ở thì hiện tại đơn tổng tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 18-21 phần workbook tài liệu [1] - Hoàn thành các bài tập trong phần Activestudy tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại làm quen.
7	Unit 3: Urban life Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng thường mua sắm và các đồ đạc trong gia đình. - Hiểu và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được. - Hội thoại miêu tả các phòng trong gia đình. Nội dung cụ thể:	2		[1] [2]	- Tra từ mới phần bài đọc trang 24 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 22-25 phần workbook tài liệu [1] - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được và cách sử dụng từ some/ any trong tài liệu [2].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	3.1.Vocabulary & Listening: Shopping 3.2.Grammar focus: Countable & uncountable nouns; some/any 3.3.Vocabulary & Listening: My home 3.4.Grammar focus: Much/ many/ a lot of				
8	Kiểm tra giữa học phần	2		[1] [2]	- Ôn tập các nội dung từ unit 1 đến unit 3 - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.
9	Unit 3: Urban life (cont) Mục tiêu: - Trình bày các tính từ miêu tả nơi chốn, các danh từ chỉ địa điểm công cộng. - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu miêu tả phương hướng. - Viết đoạn văn miêu tả 1 địa điểm. Nội dung cụ thể: 3.5.Reading & Vocabulary 3.6.Vocabulary & Listening: in town 3.7. Speaking & Writing 3.8.Real time	2		[1] [2]	- Tra từ điển phần bài đọc trang 28 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 26-29 phần workbook tài liệu [1]. - Viết đoạn văn miêu tả 1 thị trấn.
10	Unit 4: Keep fit Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về thể thao, sức khỏe.	2		[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến chủ đề thể thao, các từ chỉ bộ phận trên cơ thể người.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Hiểu và sử dụng động từ Can và mệnh lệnh thức. - Hội thoại về các hoạt động thể thao. Nội dung cụ thể: 4.1.Vocabulary & Speaking: Sport 4.2.Grammar focus: Can 4.3.Vocabulary & Reading: Health 4.4.Grammar focus: Adverbs; Imperatives				- Tìm hiểu cách sử dụng động từ Can và trạng từ trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 30-33 phần workbook tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại đưa ra lời khuyên.
11	Unit 4: Keep fit (cont) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các môn thể thao mạo hiểm - Đọc hiểu và nói về các môn thể thao yêu thích. Nội dung cụ thể: 4.5.Vocabulary & Reading: Extreme Sport 4.6.Listening & Speaking 4.7. Active Study 2	2		[1]	- Tra từ mới phần bài đọc trang 36 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập tr.34-39 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập phần Activestudy trang 38-39 tài liệu [1].
12	Unit 5: Eat well Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các món ăn. - Hiểu và cấu tạo động từ Like/love/hate và các mạo từ - Trình bày cách nấu 1 món ăn. Nội dung cụ thể: 5.1.Vocabulary &	2		[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng về chủ đề thức ăn. - Tìm hiểu cách diễn đạt sở thích và cách dùng mạo từ trong tài liệu [2]. - Hoàn thành các bài tập trang 40-43 phần workbook tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Listening: Food 5.2.Grammar focus: Like/ love/ hate + ing 5.3.Grammar focus: articles 5.4.Vocabulary & Writing: cooking				
13	Unit 5: Eat well (cont) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng món ăn. - Đọc hiểu và hội thoại gọi đồ ăn khi vào nhà hàng. Nội dung cụ thể: 5.5.Speaking & Vocabulary 5.6. Reading & Listening 5.7. Real time	2		[1] [2]	- Đọc, tra từ điển bài đọc trang 45 tài liệu [1]. - Viết 1 bưu thiếp gửi cho bạn. - Hoàn thành các bài tập trang 44-47 phần workbook tài liệu [1].
14	Unit 6: My time Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ trang phục. - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì hiện tại tiếp diễn. - Hội thoại giới thiệu phong cách thời trang các nhân. Nội dung cụ thể: 6.1.Grammar focus: present continuous 6.2.Listening & Speaking 6.3.Vocabulary & Reading: Clothes	2		[1] [2]	- Đọc tìm hiểu về thì hiện tại tiếp diễn trong tài liệu [2]. - Liệt kê các từ vựng chỉ trang phục. - Phân biệt sự khác nhau giữa 2 thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Hoàn thành các bài tập trang 48-51 phần workbook tài liệu [1].
15	Unit 6: My time (cont) Mục tiêu:	2		[1]	- Tra từ mới phần bài đọc trang 52 tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Miêu tả 1 bức tranh. Nội dung cụ thể: 6.4. Reading & Speaking 6.5. Listening & Speaking 6.6. Active study 3				- Hoàn thành các bài tập trang 52-55 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập phần bài đọc từ trang 61 đến 64 - Viết 1 đoạn văn miêu tả 1 bức tranh.
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1 đến unit 6. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 2

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 2

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh 2

2. Mã học phần: TANH 202

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 1.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	phuongdhsd@gmail.com
9	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	Dangthanhhhd79@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Lễ hội, khoa học, công nghệ, công việc, văn hóa, âm nhạc, phát minh, thời tiết, kì nghỉ, phương tiện giao thông, hoạt động, kĩ năng, thói quen văn hóa, chính trị,... Ngoài ra, học phần còn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học và cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về động từ to be và động từ thường trong quá khứ, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và thì hiện tại hoàn thành.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng thuộc các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Lễ hội, công nghệ, môi trường, công việc, nơi làm việc, thể giới.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt các thời động từ: Quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, cấu trúc câu so sánh.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, hội thoại, thuyết minh được về các chủ điểm giao tiếp thông thường gắn liền với chủ đề của bài học (lễ hội của địa phương, của thế giới, công việc của bản thân, của người khác, phát minh hoặc thành tựu khoa học)	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Nghe hiểu về các chủ điểm giao tiếp thông thường gắn liền với chủ đề của bài học. Đọc hiểu và tóm tắt các đoạn văn về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn miêu tả lễ hội, môi trường, công việc của mình hoặc của người khác, nơi làm việc.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Viết đoạn văn 150-180 từ về các chủ điểm như viết về một lễ hội, một phát minh, một ứng dụng công nghệ, hoặc vấn đề môi trường tự nhiên hiện nay.	4	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc	3	[1.2.3.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được các từ vựng theo các chủ điểm: lễ hội, công nghệ, môi trường, công việc, nơi làm việc, thể giới.	1	[2.2.8]
CĐR1.2	Diễn giải cách sử dụng các cấu trúc câu đơn giản: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, cấu trúc câu so sánh.	2	
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Giới thiệu về một lễ hội ở địa phương mình ở hoặc trên thế giới, thuyết minh về một phát minh, một sản phẩm công nghệ, trình bày về công việc của bản thân hoặc của người khác...	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Giao tiếp một cách rõ ràng, lưu loát về các chủ điểm đã được thực hành trên lớp.	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 7- Festival fever 7.1. Vocabulary: Reading: music 7.2. Grammar: Past simple: to be 7.3. Vocabulary: Reading: festivals 7.4. Grammar focus: Past simple affirmative 7.5. Reading and speaking 7.6. Listening 7.7. Real time	x	x	x	x	x	x	x
2	Unit 8- Weird science 8.1. Vocabulary & Reading: everyday technology 8.2. Grammar focus: past simple negative and questions 8.3. Vocabulary & Reading: modern science 8.4. Grammar focus: past simple and question words	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 9 – Go green 9.1. Vocabulary & listening: green lifestyle 9.2. Grammar focus: comparative Adjectives 9.3. Vocabulary & reading: our planet	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	9.4. Grammar focus: will for predictions 9.5. Vocabulary & listening: weather 9.6. Reading and Speaking 9.7. Listening and writing 9.8. Real time							
4	Active study 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 10 – Getting away 10.1. Grammar focus: superlative Adjectives 10.2. Reading and speaking 10.3. Vocabulary and speaking: summer holidays 10.4. Grammar focus: be going to 10.5. Vocabulary and reading: transport 10.6. Listening and speaking	x	x	x	x	x	x	x
6	Unit 11 – Nice work? 11.1. Vocabulary & Reading: jobs 11.2. Grammar focus: have to 11.3. Listening & Reading	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	11.4. Grammar focus: prepositions 11.5. Vocabulary & speaking: personal qualities 11.6. Vocabulary & Reading: jobs 11.7. Listening & Reading 11.8. Real time							
7	Unit 12 – Our world 12.1. Reading & Speaking 12.2. Grammar focus: If - imperative 12.3. Vocabulary & Reading: politics 12.4. Grammar focus: Present perfect 12.5. Reading & Vocabulary 12.6. Listening & Speaking	x	x	x	x	x	x	x
8	Active study 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần

CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo hai nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 theo chương trình học phần, trong quá trình thi nói sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung thi giữa học phần gồm các chủ đề đã học từ bài số 7-9 với các yêu cầu:

- + Phát âm chuẩn, lưu loát
- + Bố cục bài nói cụ thể, rõ ràng
- + Nội dung bài nói đảm bảo thời gian (7 phút)
- + Trả lời được câu hỏi của giáo viên về chủ đề nói

Điểm chấm bài kiểm tra giữa học phần được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần diễn sau khi kết thúc học phần 1 tuần (theo kế hoạch của phòng Đào tạo), trước khi thi sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi. Đề thi được trưởng bộ môn và phòng TT, KT&ĐBCL chọn một cách ngẫu nhiên và được đồng bộ trên phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kết thúc học phần gồm 2 phần (Thi Nghe và Đọc hiểu) với các yêu cầu:

Thi Nghe:

- + Part 1: Nghe và chọn tranh phù hợp

+ Part 2: Nghe và chọn đáp án đúng

+ Part 3: Nghe và chọn đáp án đúng

Thi Đọc hiểu:

+ Part 1: Chọn biểu hiệu phù hợp

+ Part 2: Đọc đoạn văn và lựa chọn đáp án đúng

+ Part 3: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

+ Part 4: Tìm từ khác loại

+ Part 5: Điền từ vào chỗ trống

+ Part 6: Tìm câu thứ 2 nghĩa không thay đổi so với câu đã cho

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thảo luận để hiểu các nội dung chính bài học được đề cập dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học tập:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Marty Hobbs Julia Starr Keddle, *Real life – Elementary – Students' book*, Pearson Longman.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press

15 . Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	Unit 7- Festival fever Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng lễ hội - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá khứ đơn (thể khẳng định) - Hội thoại về những việc đã làm trong lễ hội. Nội dung cụ thể: 7.1. Vocabulary: Reading: music 7.2. Grammar: Past simple: to be 7.3. Vocabulary: Reading: festivals 7.4. Grammar focus: Past simple affirmative	2	[1] [2]	- Tìm hiểu cách chia động từ to be ở quá khứ tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập 1-8 trang 56-57 phần bài tập tài liệu [1] - Liệt kê các từ vựng có liên quan đến âm nhạc.
2	Unit 7- Festival fever (cont) Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng lễ hội - Đọc hiểu và nói lại thành thạo những gì đã xảy ra trong quá khứ sử dụng động từ thường chia ở thì quá khứ đơn - Nghe hiểu về những việc đã làm trong lễ hội. Nội dung cụ thể: 7.5. Reading and speaking 7.6. Listening 7.7. Real time	2	[1] [2]	- Liệt kê được các từ vựng liên quan đến lễ hội. - Tìm hiểu cách sử dụng động từ thường ở thời quá khứ đơn trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 58-63 phần bài tập tài liệu [1].
3	Unit 8- Weird science Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến công nghệ và sáng tạo - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá	2	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến công nghệ và khoa học. - Tìm hiểu cách thành lập câu hỏi với thì quá khứ đơn trong tài liệu [2].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	khứ đơn (thể phủ định và nghi vấn) - Hội thoại về những việc đã làm trong quá khứ Nội dung cụ thể: 8.1. Vocabulary & Reading: everyday technology 8.2. Grammar focus: past simple negative and questions 8.3. Vocabulary & Reading: modern science 8.4. Grammar focus: past simple and question words			- Lập hội thoại hỏi đáp về các hoạt động cuối tuần. - Hoàn thành bài tập trang 64-67 phần bài tập tài liệu [1]
4	Unit 8- Weird science (cont) Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng về công nghệ, phát minh - Nghe hiểu và nhắc lại các động từ thường chia ở thì quá khứ đơn - Hội thoại về những phát minh, công nghệ trong quá khứ. Nội dung cụ thể: 8.5. Listening and speaking 8.6. Vocabulary & Reading: inventions 8.7. Listening and speaking	2	[1]	- Hoàn thành các bài tập trang 1-9 trang 68-71 phần bài tập tài liệu [1]. - Tra từ mới bài đọc trang 69 tài liệu [1].
5	Active study 4 Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng về lễ hội, công nghệ, phát minh - Trình bày được cấu trúc động từ ở thì quá khứ đơn - Hội thoại về lễ hội, phát minh, công nghệ trong quá khứ. Nội dung cụ thể: 1. Vocabulary 2. Grammar	2	[1] [2]	- Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 7-Unit 8 - Hoàn thành bài tập trang 70-71 tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading trang 71 tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills			
6	Unit 9 – Go green Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc so sánh của tính từ, cách nói phỏng đoán, thời tiết - Hội thoại về thời tiết Nội dung cụ thể: 9.1. Vocabulary & listening: green lifestyle 9.2. Grammar focus: comparative Adjectives 9.3. Vocabulary & reading: our planet 9.4. Grammar focus: will for predictions 9.5. Vocabulary & listening: weather	2	[1] [2]	- Tìm hiểu cấu trúc so sánh hơn của tính từ, cách dùng Will chỉ sự phỏng đoán trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 74-77 phần workbook tài liệu [1] - Thiết lập đoạn hội thoại về thời tiết. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến phong cách, thời tiết.
7	Unit 9 – Go green (cont) Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường - Nghe và nhắc lại về chủ đề môi trường - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai Nội dung cụ thể: 9.6. Reading and Speaking 9.7. Listening and writing 9.8. Real time	2	[1]	- Tra từ mới phần bài đọc trang 76 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập tr.78-81 phần workbook tài liệu [1] - Thiết lập đoạn hội thoại mua sắm quần áo trong cửa hàng.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
8	Kiểm tra giữa học phần	2	[1] [2]	- Ôn tập các nội dung từ unit 7 đến unit 9 - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.
9	Unit 10 – Getting away Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè - Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai Nội dung cụ thể: 10.1. Grammar focus: superlative Adjectives 10.2. Reading and speaking 10.3. Vocabulary and speaking: summer holidays	2	[1] [2]	- Tìm hiểu cách dùng cấu trúc câu so sánh nhất trong tài liệu [2]. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè. - Hoàn thành các bài tập trang 82-85 phần workbook tài liệu [1].
10	Unit 10 – Getting away (cont) Mục tiêu: - Trình bày từ vựng liên quan đến chủ đề giao thông vận tải - Trình bày cấu trúc nói về kế hoạch trong tương lai - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề giao thông Nội dung cụ thể: 10.4. Grammar focus: be going to 10.5. Vocabulary and reading: transport 10.6. Listening and speaking	2	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến chủ đề giao thông vận tải. - Tra từ mới phần bài đọc trang 84 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 86-87 phần workbook tài liệu [1].
11	Active study 5 Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến môi trường, giao thông			- Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 9-Unit 10 - Hoàn thành bài tập trang

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ, nói về kế hoạch tương lai, phỏng đoán... - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai Nội dung cụ thể: 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	2	[1]	88-89 tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading trang 87 tài liệu [1].
12	Unit 11 – Nice work? Mục tiêu: - Nhớ được các từ vựng liên quan đến công việc - Trình bày cấu trúc nói về trách nhiệm, sử dụng được đúng các giới từ cơ bản - Trình bày quan điểm của bản thân về phẩm chất của con người Nội dung cụ thể: 11.1. Vocabulary & Reading: jobs 11.2. Grammar focus: have to 11.3. Listening & Reading 11.4. Grammar focus: prepositions 11.5. Vocabulary & speaking: personal qualities	2	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng về chủ đề công việc. - Tìm hiểu cách dùng động từ have to trong tài liệu [2]. - Hoàn thành các bài tập trang 90-93 phần workbook tài liệu [1].
13	Unit 11 – Nice work? (cont) Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến công việc - Trình bày và lấy ví dụ với cấu trúc chỉ trách nhiệm, với các	2	[1] [2]	- Đọc, tra từ điển bài đọc trang 92 tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại phỏng vấn xin việc. - Hoàn thành các bài tập trang 94-97 phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	giới từ - Đọc hiểu và đưa ra quan điểm của bản thân về vấn đề công việc hiện nay Nội dung cụ thể: 11.6. Vocabulary & Reading: jobs 11.7. Listening & Reading 11.8. Real time			workbook tài liệu [1]
14	Unit 12 – Our world Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị - Trình bày cấu mệnh lệnh thức, hiện tại hoàn thành - Thực hành nói về chủ đề chính trị Nội dung cụ thể: 12.1. Reading & Speaking 12.2. Grammar focus: If - imperative 12.3. Vocabulary & Reading: politics 12.4. Grammar focus: Present perfect	2	[1] [2]	- Đọc tìm hiểu về mệnh lệnh thức với If trong tài liệu [2]. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến chính trị. - Tìm hiểu cấu trúc, cách sử dụng thì hiện tại hoàn thành. - Hoàn thành các bài tập trang 98-101 phần workbook tài liệu [1].
15	Unit 12 – Our world (cont) Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị - Trình bày cấu trúc, lấy ví dụ cho thì hiện tại hoàn thành và mệnh lệnh thức - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề chính trị của một nước Đông Nam Á Nội dung cụ thể: 12.5. Reading & Vocabulary	2	[1] [2]	- Tra từ mới phần bài đọc trang 100 tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập trang 102-105 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập trang 102-109 tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	12.6. Listening & Speaking Active study 6 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills			
16	Ôn thi kết thúc học phần		[1] [2]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 7 đến unit 12. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 3

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh 3

2. Mã học phần: TANH 303

3. Số tín chỉ: 02 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sau khi sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 2.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	phuongdhsd@gmail.com
9	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	Dangthanhh79@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp về nhóm từ cùng chủ đề, cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể. Mỗi bài học trong học phần gồm 4 phần: Phần I tổng hợp chung về 1 chủ điểm ngữ pháp, bài tập luyện tập củng cố, phần II luyện các kỹ năng nghe mô tả tranh, nghe câu hỏi và cách đáp lại câu hỏi, nghe các đoạn hội thoại ngắn, phần III luyện kỹ năng đọc hiểu, hoàn thành câu, đọc các đoạn văn về chủ điểm cuộc sống đời thường, đọc các lá thư giao dịch thương mại, phần 4 luyện kỹ năng nói, giới thiệu bản thân, trả lời câu hỏi phỏng vấn và nói về một chủ đề nhất định.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày từ vựng, ngữ pháp về các vấn đề có liên quan đến cuộc sống, giao tiếp, công việc hàng ngày.	2	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt sự khác nhau giữa các nhóm từ cùng chủ đề, từ đồng nghĩa, cách sử dụng của các loại động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì, các loại câu điều kiện, so sánh của tính từ, đại từ quan hệ, mệnh đề quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể.	2	[1.2.1.1b]
MT 2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, hội thoại về các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Miêu tả bản thân, nói về kì nghỉ, sở thích, sự kiện trong quá khứ, quan điểm về học ngoại ngữ, tầm quan trọng của ngoại ngữ, vai trò của truyền thông, bảo vệ môi trường.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Nghe hiểu để trả lời được các câu hỏi Ai? Đang ở đâu? Đang làm gì?, Trông như thế nào?, nghe hiểu để nhận biết về thời gian, ý kiến, nghe hiểu thông tin để xác định được sự lựa chọn, lời gợi ý, lý do và nơi chốn.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	- Đọc hiểu thông tin trong các văn bản sử dụng trong giao dịch về các chủ điểm trong cuộc sống, sinh hoạt, giao tiếp và trong công việc hàng ngày. - Đọc hiểu những bản tin quảng cáo, lá thư giao dịch, biểu đồ, thông báo, báo cáo, bài báo. - Trả lời được các câu hỏi tìm ý chính, tìm thông tin chi tiết, tìm thông tin có liên quan	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học	4	[1.2.3.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.		
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được từ vựng theo các chủ đề: Giáo dục, văn hóa, du lịch, thể thao, kinh tế, giải trí, y tế, xã hội.	2	[2.2.8]
CDR1.2	Diễn giải cách sử dụng các hiện tượng ngữ pháp: Thì của động từ, mệnh đề quan hệ, trợ động từ, phân biệt danh động từ và động từ nguyên thể, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, phân biệt danh từ và đại từ.	2	
CDR2	Kĩ năng		
CDR2.1	Đọc được các văn bản thông thường, các lá thư giao dịch trong công việc, các bài quảng cáo, các thông báo và trả lời được các câu hỏi liên quan đến các bài đọc hiểu. Nghe các đoạn hội thoại và trả lời các câu hỏi liên quan đến hội thoại.	3	[2.2.8]
CDR2.2	Giới thiệu bản thân, nói về các chủ đề như hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, môn thể thao yêu thích nhất, quê hương mình, cuộc sống ở thành phố hay kể về kỳ nghỉ đáng nhớ, nói về dự định tương lai. Trả lời các câu hỏi phỏng vấn bằng Tiếng Anh khi đi	3	[2.2.8]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	xin việc.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 1 - Present tense 1.1. Grammar focus: 1.1.1. Present tense 1.1.2. Preposition: At 1.1.3. Grammar exercise 1.2. Listening: 1.2.1. Part 1 Picture description 1.2.2. Part 2 Questions and Response 1.2.3. Part 3 Short conversation 1.3. Reading: 1.3.1. Part 5 Incomplete sentences 1.3.2. Part 6 Incomplete texts 1.3.3. Part 7 Reading comprehension 1.4. Speaking:	x	x	x	x	x		x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	Introduce yourself							
2	Unit 2 - Past tense 2.1. Grammar focus: 2.1.1. Vocabulary 2.1.2. Past tense 2.1.3. Grammar exercise 2.2. Listening: 2.2.1. Part 1 Picture description 2.2.2. Part 2 Questions and Response 2.2.3. Part 3 Short conversation 2.3. Reading: 2.3.1. Part 5 Incomplete sentences 2.3.2. Part 6 Incomplete texts 2.3.3. Part 7 Reading comprehension 2.4. Speaking: Your last holiday	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 3 - Gerunds/Infinitives 3.1. Grammar focus: 3.1.1. Vocabulary 3.1.2. Gerunds / Infinitives 3.1.3. Grammar exercise 3.2. Listening: 3.2.1. Part 1 Picture description 3.2.2. Part 2 Questions and Response	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	3.2.3. Part 3 Short conversation 3.3. Reading: 3.3.1. Part 5 Incomplete sentences 3.3.2. Part 6 Incomplete texts 3.3.3. Part 7 Reading comprehension 3.4. Speaking: Tell about your free time							
4	Unit 4 – Subject - Verb Agreement 4.1. Grammar focus: 4.1.1. Vocabulary 4.1.2. Gerunds / Infinitives 4.1.3. Grammar exercise 4.2. Listening: 4.2.1. Part 1 Picture description 4.2.2. Part 2 Questions and Response 4.2.3. Part 3 Short conversation 4.3. Reading: 4.3.1. Part 5 Incomplete sentences 4.3.2. Part 6 Incomplete texts 4.3.3. Part 7 Reading comprehension 4.4. Speaking: Tell about the	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	life in the city							
5	Unit 5 – Auxiliaries 5.1. Grammar focus: 5.1.1. Vocabulary 5.1.2. Auxiliaries 5.1.3. Grammar exercise 5.2. Listening: 5.2.1. Part 1 Picture description 5.2.2. Part 2 Questions and Response 5.2.3. Part 3 Short conversation 5.3. Reading: 5.3.1. Part 5 Incomplete sentences 5.3.2. Part 6 Incomplete texts 5.3.3. Part 7 Reading comprehension 5.4. Speaking: What is your plan in the future	x	x	x	x	x	x	x
6	Unit 6 – Relative Pronouns 6.1. Grammar focus: 6.1.1. Vocabulary 6.1.2. Relative pronouns 6.1.3. Grammar exercise 6.2. Listening: 6.2.1. Part 1 Picture description 6.2.2. Part 2 Questions	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	and Response 6.2.3. Part 3 Short conversation 6.3. Reading: 6.3.1. Part 5 Incomplete sentences 6.3.2. Part 6 Incomplete texts 6.3.3. Part 7 Reading comprehension 6.4. Speaking: The importance of learning English							
7	Unit 7 – Nouns / Pronouns 7.1. Grammar focus: 7.1.1. Vocabulary 7.1.2. Nouns / Pronouns 7.1.3. Grammar exercise 7.2. Listening: 7.2.1. Part 1 Picture description 7.2.2. Part 2 Questions and Response 7.2.3. Part 3 Short conversation 7.3. Reading: 7.3.1. Part 5 Incomplete sentences 7.3.2. Part 6 Incomplete texts 7.3.3. Part 7 Reading comprehension 7.4. Speaking:	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	Talk about favorite sport							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành
CĐR2	Bài tập thực hành, kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành đọc hiểu và nghe, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Kiểm tra thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	Hình thức kiểm tra: vấn đáp Thời gian: 10 phút / 1 sinh viên	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức: thi trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 theo chương trình học phần. Kiểm tra nói. Yêu cầu sinh viên giới thiệu được bản thân và bốc thăm trả lời 1 trong các chủ đề nói sau: kể về hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, kể về kỳ nghỉ đáng nhớ nhất, nói về đồ ăn đồ uống, môn thể thao yêu thích nhất, kể về một người bạn thân, nói về dự định tương lai. Điểm đánh giá bài kiểm tra giữa học phần được đánh giá theo các tiêu chí về yêu cầu của bài nói như nội dung rõ ràng, phát âm chuẩn, sử dụng ngữ pháp, từ vựng đúng, tác phong giao tiếp tốt.

- Thi kết thúc học phần diễn ra theo kế hoạch của phòng Đào tạo, trước khi thi sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi. Đề thi được trưởng bộ môn và phòng TT, KT&ĐBCL chọn một cách ngẫu nhiên và được đồng bộ trên phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kết thúc học phần gồm 2 phần (Thi Nghe và Đọc hiểu).

- Nghe: có 3 nội dung:

- + Quan sát tranh, nghe và chọn đáp án miêu tả bức tranh đúng nhất.
- + Nghe câu hỏi và các câu trả lời, chọn câu trả lời đúng nhất .
- + Nghe hội thoại, nghe câu hỏi và các câu trả lời, chọn đáp án đúng nhất.

- Đọc hiểu:

- + Mỗi câu có 1 chỗ trống, chọn đáp án đúng nhất điền vào chỗ trống.
- + Chọn đáp án điền vào chỗ trống trong đoạn văn.
- + Đọc đoạn văn, trả lời các câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng nhất.

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học, giảng viên giải thích các khái niệm, phương pháp thực hiện và nguyên tắc cơ bản; đặt ra các vấn đề, hướng dẫn và kích thích sinh viên giải quyết; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích và các tình huống có thể xảy ra trong thực tế nghề nghiệp để sinh viên hiểu rõ vấn đề đang học. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thảo luận để hiểu các chủ đề được đề cập dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của học sinh liên quan đến bài học.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu bằng tiếng Anh theo dạng bài thi Toeic.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập thực hành nghe, đọc trong quá trình học và các bài tập giáo viên giao thêm, tham gia phát biểu xây dựng bài

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập, hoàn thành các nhiệm vụ giáo viên giao về nhà làm trước khi đến lớp. Tích cực, chủ động học tập, hăng hái tham gia các hoạt động trên lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

- *Tài liệu bắt buộc*

[1] Anne Taylor Garrett Byrne, *Very Easy TOEIC, second edition*, Compass Publishing.

- **Tài liệu tham khảo**

[2]. Kim Soyeong - Park Won, *Big Step TOEIC 1*, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	Unit 1 - Present tense Mục tiêu: - Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành. - Hiểu được cách sử dụng giới từ “ at” - Làm được bài tập ngữ pháp về các thì. - Biết cách làm bài tập nghe. Nội dung cụ thể: 1.1. Grammar focus: 1.1.1. Present tense 1.1.2. Preposition: At 1.1.3. Grammar exercise 1.2. Listening: 1.2.1. Part 1 Picture description 1.2.2. Part 2 Questions and Response 1.2.3. Part 3 Short conversation	2		[1] [2]	- Tìm hiểu cách dùng, công thức, dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hoàn thành tiếp diễn [1] - Hoàn thành các bài tập trang 17 phần bài tập tài liệu [1] - Luyện tập kỹ năng nghe trang 17 -21 tài liệu [2]
2	Unit 1 - Present tense (cont.) Mục tiêu: - Hiểu cách làm bài tập đọc dạng hoàn thành câu, hoàn thành đoạn và bài tập đọc hiểu. - Nói được bài nói giới thiệu bản thân. Nội dung cụ thể:	2		[1] [2]	- Củng cố và luyện tập về thì hiện tại [1] - Tìm hiểu cách dạng câu hỏi có một người trong hình của bài nghe [2]. - Hoàn thành bài tập trang 22 - 28 phần bài tập tài liệu [1]. - Lập dàn ý giới thiệu bản thân

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	1.3. Reading: 1.3.1. Part 5 Incomplete sentences 1.3.2. Part 6 Incomplete texts 1.3.3. Part 7 Reading comprehension 1.4. Speaking: Introduce yourself				
3	Unit 2 - Past tense Mục tiêu: - Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn và quá khứ hoàn thành. - Làm được các bài tập thực hành ngữ pháp. - Nghe và làm được các bài tập nghe Nội dung cụ thể 2.1. Grammar focus: 2.1.1. Vocabulary 2.1.2. Past tense 2.1.3. Grammar exercise 2.2. Listening: 2.2.1. Part 1 Picture description 2.2.2. Part 2 Questions and Response 2.2.3. Part 3 Short conversation	2		[1] [2]	- Tìm hiểu cách dùng, công thức, dấu hiệu nhận biết của thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, quá khứ hoàn thành tiếp diễn [1] - Hoàn thành các bài tập trang 31 phần bài tập tài liệu [1] - Luyện tập kỹ năng nghe trang 22 -28 tài liệu [2]
4	Unit 2 - Past tense (cont.) Mục tiêu: - Hiểu và làm được bài tập đọc hiểu. - Nghe được các bài tập miêu tả tranh và làm bài. - Nghe được hội thoại và làm bài tập theo yêu cầu Nội dung cụ thể:	2		[1] [2]	- Củng cố và luyện tập về thì quá khứ [1] - Tìm hiểu cách dạng câu hỏi có nhiều người trong hình của bài nghe [2] trang 22. - Hoàn thành bài tập trang 36 - 42 phần bài tập tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	2.3. Reading: 2.3.1. Part 5 Incomplete sentences 2.3.2. Part 6 Incomplete texts 2.3.3. Part 7 Reading comprehension 2.4. Speaking: Your last holiday				- Thực hành kỹ năng nói về kì nghỉ đã qua của bản thân
5	Unit 3 - Gerunds/Infinitives Mục tiêu: - Trình bày sự khác nhau trong cách sử dụng giữa động từ nguyên thể và danh động từ. - Làm được các bài tập thực hành. - Nghe và làm các bài tập nghe Nội dung cụ thể: 3.1. Grammar focus: 3.1.1. Vocabulary 3.1.2. Gerunds / Infinitives 3.1.3. Grammar exercise 3.2. Listening: 3.2.1. Part 1 Picture description 3.2.2. Part 2 Questions and Response 3.2.3. Part 3 Short conversation	2		[1] [2]	- Phân biệt được nhóm các động từ theo sau bởi động từ V-ing, to verbs hay các động từ theo sau bởi hai trường hợp [1] - Hoàn thành các bài tập tr.45 phần bài tập tài liệu [1] - Làm bài tập củng cố ngữ pháp trang 116 - 125 tài liệu [2]
6	Unit 3 - Gerunds/Infinitives (cont.) Mục tiêu: - Hiểu và làm các bài tập đọc hiểu. - Nói được bài nói về chủ đề hoạt động bản thân trong thời gian rảnh rỗi.	2		[1] [2]	- Củng cố và luyện tập về V + V-ing; V + to verb [1] - Tìm hiểu cách dạng câu hỏi có nhiều người trong hình của bài nghe [2] trang 22. - Hoàn thành bài tập trang 212 - 217 phần bài tập tài

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể: 3.3. Reading: 3.3.1. Part 5 Incomplete sentences 3.3.2. Part 6 Incomplete texts 3.3.3. Part 7 Reading comprehension 3.4. Speaking: Tell about your free time				liệu [1]. - Lập dàn ý giới thiệu về các hoạt động lúc rảnh rỗi.
7	Unit 4 – Subject - Verb Agreement Mục tiêu: - Trình bày được các quy tắc phối hợp giữa chủ ngữ và động từ. - Hiểu được sự khác nhau giữa danh động từ và động từ nguyên thể. Nội dung cụ thể: 4.1. Grammar focus: 4.1.1. Vocabulary 4.1.2. Gerunds / Infinitives 4.1.3. Grammar exercise 4.2. Listening: 4.2.1. Part 1 Picture description 4.2.2. Part 2 Questions and Response 4.2.3. Part 3 Short conversation	2		[1]	- Phân biệt được nhóm các động từ theo sau bởi động từ V-ing, to verbs hay các động từ theo sau bởi hai trường hợp [1] - Hoàn thành các bài tập trang 45 phần bài tập tài liệu [1] - Làm bài tập củng cố ngữ pháp trang 116 - 125 tài liệu [2]
8	Kiểm tra GHP	2		[1] [2]	- Ôn tập các nội dung từ unit 1 đến unit 3 - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
9	Unit 4 - Subject - Verb Agreement (cont.) Mục tiêu: - Hiểu yêu cầu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Nói được bài nói về chủ đề cuộc sống ở thành phố. Nội dung cụ thể: 4.3. Reading: 4.3.1. Part 5 Incomplete sentences 4.3.2. Part 6 Incomplete texts 4.3.3. Part 7 Reading comprehension 4.4. Speaking: Tell about the life in the city	2		[1] [2]	- Củng cố và luyện tập về sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ - Tìm hiểu cách dạng câu hỏi có từ hỏi trong các bài nghe [2] trang 42 -54. - Hoàn thành bài tập trang 60-70 phần bài tập tài liệu [1]. - Lập dàn ý giới thiệu về các cuộc sống ở thành thị.
10	Unit 5 – Auxiliaries Mục tiêu: - Trình bày nghĩa của các từ vựng. - Trình bày được cách sử dụng của động từ khuyết thiếu. - Hiểu và làm được các bài tập nghe. Nội dung cụ thể: 5.1. Grammar focus: 5.1.1. Vocabulary 5.1.2. Auxiliaries 5.1.3. Grammar exercise 5.2. Listening: 5.2.1. Part 1 Picture description 5.2.2. Part 2 Questions and Response 5.2.3. Part 3 Short conversation	2		[1] [2]	- Liệt kê trợ động từ, động từ khuyết thiếu và cách dùng. - Tra từ mới phần bài đọc trang 71,73 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 48-53 phần workbook tài liệu [2]
11	Unit 5 – Auxiliaries (cont.) Mục tiêu:	2		[1]	- Củng cố và luyện tập ôn tập cách dùng của trợ từ.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Hiểu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Nói được bài nói về chủ đề dự định trong tương lai của bạn. Nội dung cụ thể: 5.3. Reading: 5.3.1. Part 5 Incomplete sentences 5.3.2. Part 6 Incomplete texts 5.3.3. Part 7 Reading comprehension 5.4. Speaking: What is your plan in the future?			[2]	- Tìm hiểu cách dạng câu hỏi "or" và Yes - No trong các bài nghe [2] trang 62 - 68. - Hoàn thành bài tập trang 60-70 phần bài tập tài liệu [1]. - Lập dàn ý giới thiệu về dự định, kế hoạch trong tương lai.
12	Unit 6 – Relative Pronouns Mục tiêu: - Trình bày được cách sử dụng của mệnh đề quan hệ. - Hiểu được các mệnh đề quan hệ khác nhau. - Làm được các bài tập nghe Nội dung cụ thể: 6.1. Grammar focus: 6.1.1. Vocabulary 6.1.2. Relative pronouns 6.1.3. Grammar exercise 6.2. Listening: 6.2.1. Part 1 Picture description 6.2.2. Part 2 Questions and Response 6.2.3. Part 3 Short conversation	2		[1] [2]	- Liệt kê các đại từ quan hệ và cách dùng. - Làm bài tập trang 87 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 76-81 tài liệu [2]
13	Unit 6 – Relative Pronouns (cont) Mục tiêu: - Hiểu và làm được các bài	2		[1] [2]	Củng cố và luyện tập ôn tập cách dùng của đại từ quan hệ. - Tìm hiểu dạng bài đối

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	tập đọc hiểu. - Nói được bài nói về chủ đề tầm quan trọng của Tiếng Anh. Nội dung cụ thể: 6.3. Reading: 6.3.1. Part 5 Incomplete sentences 6.3.2. Part 6 Incomplete texts 6.3.3. Part 7 Reading comprehension 6.4. Speaking: The importance of learning English				thoại trong tài liệu [2] trang 82 - 87. - Hoàn thành bài tập trang 90- 98 phần bài tập tài liệu [1]. - Lập dàn ý tầm quan trọng của việc học Tiếng Anh
14	Unit 7 – Nouns / Pronouns Mục tiêu: - Trình bày được sự khác nhau giữa danh từ và đại từ. - Làm được các bài tập thực hành. - Hiểu và làm được các bài tập nghe. Nội dung cụ thể: 7.1. Grammar focus: 7.1.1. Vocabulary 7.1.2. Nouns / Pronouns 7.1.3. Grammar exercise 7.2. Listening: 7.2.1. Part 1 Picture description 7.2.2. Part 2 Questions and Response 7.2.3. Part 3 Short conversation	2		[1] [2]	- Phân loại danh từ và liệt kê đại từ. - Làm bài tập trang 101 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 82 - 87 tài liệu [2]
15	Unit 7 – Nouns / Pronouns (cont) Mục tiêu: - Làm được các bài tập đọc hiểu	2		[1] [2]	Củng cố và luyện tập về danh từ và đại từ. - Tìm hiểu dạng bài đối thoại trong nhà hàng trong tài liệu [2] trang 88 - 93.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Nói được bài nói về chủ đề môn thể thao mà bạn yêu thích nhất. Nội dung cụ thể: 7.3. Reading: 7.3.1. Part 5 Incomplete sentences 7.3.2. Part 6 Incomplete texts 7.3.3. Part 7 Reading comprehension 7.4. Speaking: Talk about favorite sport				- Hoàn thành bài tập trang 106- 112 phần bài tập tài liệu [1]. - Lập dàn ý về môn thể thao yêu thích.
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1 đến unit 7. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



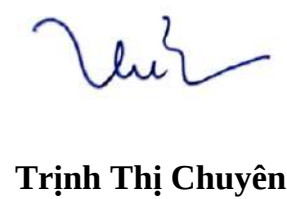
TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 4

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Hệ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh 4

2. Mã học phần: TANH 304

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 3

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 3.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	phuongdhsd@gmail.com
9	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	Dangthanhhhd79@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: văn hóa, công nghệ, giao thông, công việc, văn hóa, du lịch, mua sắm và cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại, tương lai, quá khứ và thì hoàn thành, cách sử dụng tiền tố, hậu tố, phân biệt danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ... Ngoài ra, học phần còn luyện các kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi đáp và nghe đoạn hội thoại, đọc thoại, đoạn phỏng vấn, và luyện kỹ năng đọc gồm hoàn thành câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu một hoặc hai đến 3 đoạn văn để trả lời câu hỏi. Các đoạn văn về nhiều chủ đề khác nhau dưới dạng thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng về các chủ điểm: Văn hóa, công nghệ, giao thông, công việc, văn hóa, du lịch, mua sắm...dưới dạng hội thoại, độc thoại, phỏng vấn, thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận.	2	[1.2.1.1b]
MT1.2	Diễn giải các cấu trúc tiếng Anh trình độ tiền trung cấp, trung cấp (Pre-intermediate, Intermediate): Thì hiện tại, tương lai, quá khứ và thì hoàn thành, từ loại (danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ...) và cách mở rộng vốn từ dùng các tiền tố, hậu tố; cấu trúc câu so sánh, mệnh đề điều kiện, giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thì động từ: Hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và tương lai gần. Tổng hợp từ vựng, cấu trúc trên để thực hiện tốt các kỹ nghe nghe đọc liên quan đến	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe hiểu đúng các câu mô tả tranh, các đoạn hội thoại, độc thoại, đoạn phỏng vấn về các chủ điểm giao tiếp thông thường và giao tiếp trong công việc.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Đọc hiểu được các đoạn văn 250-350 từ về các chủ điểm giao tiếp thông thường và giao tiếp trong công việc văn hóa, công nghệ, giao thông, công việc, văn hóa, du lịch, mua sắm...dưới dạng thư tín,	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận		
MT2.3	Sử dụng các kiến thức nghe đọc để hội thoại, viết thư, thông báo, viết đoạn văn nêu quan điểm cá nhân liên quan đến các chủ đề đã học. Nâng cao kỹ năng làm bài thi TOEIC	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Vận dụng đúng các kiến thức, kỹ năng nghe đọc đã học trong quá trình làm bài thi TOEIC và trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CĐR1.1	Trình bày được các từ vựng theo các chủ điểm : Văn hóa, công nghệ, giao thông, công việc, văn hóa, du lịch, mua sắm...dưới dạng hội thoại, độc thoại, phỏng vấn, thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận.	2	[2.2.8]
CĐR1.2	Vận dụng được các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại, tương lai, quá khứ và thì hoàn thành, từ loại (danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ...) và cách mở rộng vốn từ dùng các tiền tố, hậu tố; cấu trúc câu so sánh, mệnh đề điều kiện, giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... trong giao tiếp thực tế. Phân biệt được các thì động từ: Hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và tương lai gần.	2	
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Nghe hiểu đúng các câu mô tả tranh, các đoạn hội thoại, độc thoại, đoạn phỏng vấn về các chủ điểm giao tiếp thông thường và giao tiếp trong công việc.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Đọc hiểu được các đoạn văn 250-350 từ về các chủ điểm giao tiếp thông thường và giao tiếp trong công việc văn hóa, công nghệ, giao thông, công việc, văn hóa, du lịch, mua sắm...dưới dạng thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng vận dụng đúng các kiến thức, kỹ năng nghe đọc đã học trong quá trình làm bài thi TOEIC và trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 1 Listening Test Part 1 Photographs Unit 2 Listening Test Part 2: Question-Response	x	x	x	x	x	x	x
2	Unit 3 Listening Test Part 3 Conversations Unit 5 Reading Test Part 5: Incomplete Sentences	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 6 Reading Test Part 6 Text Completion Unit 7 Reading Test Part 7 Reading Comprehension	x	x	x	x	x	x	x
4	Unit 8 Listening Test Part 1 Photographs Unit 9 Listening Test Part 2 Question-Response	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 10 Listening Test Part 3 Conversations Unit 12 Reading Test Part 5 Incomplete Sentences	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
6	Unit 13 Reading Test Part 6 Text Completion Unit 14 Reading Test Part 7 Reading Comprehension	x	x	x	x	x	x	x
7	Unit 15 Listening Test Part 1 Photographs Unit 16 Listening Test Part 2 Question- Response	x	x	x	x	x	x	x
8	Unit 17 Listening Test Part 3 Conversations Unit 19 Reading Test Part 5 Incomplete Sentences	x	x	x	x	x	x	x
9	Unit 20 Reading Test Part 6 Text Completion Unit 21 Reading Test Part 7 Reading Comprehension	x	x	x	x	x	x	x
10	Unit 22 Listening Test Part 1 Photographs Unit 23 Listening Test Part 2 Question- Response	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
11	Unit 24 Listening Test Part 3 Conversations Unit 26 Reading Test Part 5 Incomplete Sentences	x	x	x	x	x	x	x
12	Unit 27 Reading Test Part 6 Text Completion Unit 28 Reading Test Part 7 Reading Comprehension	x	x	x	x	x	x	x
13	General Review: Practice Test 1	x	x	x	x	x	x	x
14	General Review: Practice Test 2	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành nghe, đọc trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận,	1 điểm	20%	

	chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên			
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 3 câu hỏi: Giới thiệu bản thân, Trả lời một câu hỏi phỏng vấn xin việc và bốc thăm 1/10 chủ đề nói cho trước.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TTKT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trực tiếp trên máy tính. Nội dung thi kết thúc học phần gồm 2 phần chính: Nghe và đọc hiểu.

- Nghe: có 60 câu hỏi:

- + Nghe chọn câu miêu tả đúng bức tranh cho trước
- + Nghe chọn đáp án cho câu hỏi
- + Nghe 1 đoạn hội thoại và ghép câu hỏi và câu trả lời

- Đọc hiểu: Có 60 câu hỏi

- + Đọc 40 câu riêng lẻ chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn và chọn chọn đáp án đúng

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên học từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, phương pháp đọc hiểu và nghe hiểu của từng phần ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh

viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Hoàn thành tất cả các bài tập trong cuốn: Tactics for TOEIC Listening and Reading Test và các bài tập bổ sung trong cuốn tài liệu tham khảo: English grammar in use, Raymond Murphy, Cambridge Press. Đọc thêm các tài liệu về TOEIC, các trang web trực tuyến giảng viên cung cấp.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Sao Đỏ

14. Tài liệu phục vụ học tập

- Tài liệu bắt buộc

[1]. Grant Trew, (2010), *Tactics for TOEIC Listening and Reading Test*, Oxford University Press.

- Tài liệu tham khảo

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press.

15 . Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu phần Bức tranh và phần Hỏi-đáp. - Biết cách dùng hình ảnh để dự đoán thông tin bài nghe - Hiểu về ý nghĩa của các câu hỏi thông tin thực tế - Luyện nghe hiểu phần Bức tranh và phần Hỏi-đáp Nội dung cụ thể: Unit 1 Listening Test Part 1 Photographs Unit 2	2		[1] [2]	- Sử dụng hình ảnh để dự đoán những gì sẽ nghe, suy nghĩ về ý nghĩa của câu hỏi trang 9-15 tài liệu [1] - Liệt kê các động từ chỉ hoạt động, ôn tập thì hiện tại tiếp diễn trang 28-36 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Listening Test Part 2: Question-Response				
2	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu phần Nghe hội thoại và đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong câu - Hiểu cách đọc lướt phần lựa chọn cho sẵn để dự đoán thông tin bài nghe - Nhận diện được từ loại của từ và sử dụng thời gian phù hợp - Luyện nghe hiểu phần Nghe hội thoại và luyện đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong câu Nội dung cụ thể: Unit 3 Listening Test Part 3 Conversations Unit 5 Reading Test Part 5: Incomplete Sentences	2		[1] [2]	- Đọc lướt để dự đoán bối cảnh trước khi nghe, xác định từ loại cần điền vào chỗ trống trang 16-27 tài liệu [1]. - Cách biến đổi từ loại: danh từ, động từ, tính từ bằng cách thêm các tiền tố và hậu tố trang 296-305 tài liệu [2].
3	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống bài đọc và phần Đọc hiểu - Biết cách dùng văn cảnh để chọn dạng đúng của động từ và nghĩa từ. - Hiểu cách đọc quét câu hỏi để quyết định trả lời câu hỏi nào trước. - Luyện đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống bài đọc và phần Đọc hiểu	2		[1] [2]	- Sử dụng bối cảnh để chọn dạng đúng của động từ, đọc lướt các câu hỏi để quyết định trả lời câu nào trước trang 28-44 tài liệu [1] - Ôn tập thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn trang 87-105 tài liệu [2].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể: Unit 6 Reading Test Part 6 Text Completion Unit 7 Reading Test Part 7 Reading Comprehension				
4	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu phần Bức tranh và phần Hỏi-đáp. - Biết cách nghe đúng động từ - Hiểu và làm quen với các cách khác nhau để trả lời một câu hỏi, nghe được các từ có âm giống nhau. - Luyện nghe hiểu phần Bức tranh và phần Hỏi-đáp Nội dung cụ thể: Unit 8 Listening Test Part 1 Photographs Unit 9 Listening Test Part 2 Question-Response	2		[1] [2]	- Nghe đúng động từ trong câu, các phương pháp khác nhau để trả lời các câu hỏi trực tiếp, nhận biết được các từ có cách phát âm tương tự và nhanh chóng lựa chọn phương án trả lời trang 45-51 tài liệu [1]. - Ôn tập thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn [2].
5	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu phần Đối thoại và phương pháp đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong câu. - Biết các từ gây nhiễu trong bài nghe. Hiểu và làm quen với các loại câu hỏi về Cái gì. - Phân biệt được khi nào	2		[1] [2]	- Nhận biết được các từ làm nhiễu trong quá trình nghe, phân biệt danh động từ và động từ nguyên thể, các cụm động từ trang 52-65 tài liệu [1] - Ôn tập danh động từ và động từ nguyên thể, các cụm động từ trang 71-86 tài liệu [2].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	dùng Danh động từ và Động từ nguyên thể, nâng cao kiến thức về cụm động từ - Luyện nghe hiểu phần Đối thoại và đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong câu. Nội dung cụ thể: Unit 10 Listening Test Part 3 Conversations Unit 12 Reading Test Part 5 Incomplete Sentences				
6	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong câu và phần Đọc hiểu. - Biết cách chọn đúng từ loại: Tính từ hay trạng từ. - Hiểu về cách sử dụng văn cảnh để trả lời câu hỏi từ vựng - Luyện đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong câu và phần Đọc hiểu. Nội dung cụ thể: Unit 13 Reading Test Part 6 Text Completion Unit 14 Reading Test Part 7 Reading Comprehension	2		[1] [2]	- Chọn đúng từ loại (tính từ, trạng từ) điền vào chỗ trống, sử dụng ngữ cảnh để lựa chọn các câu hỏi từ vựng và những kiến thức đã học để suy ra nghĩa trang 66-83 tài liệu [1] - Ôn tập về tính từ và trạng từ trang 182-215 tài liệu [2]
7	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu phần Bức tranh và phần Hỏi-đáp.	2		[1] [2]	- Nghe các chi tiết một cách cẩn thận, làm quen với cấu trúc thời gian và địa điểm trang 84-90 tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Biết cách nghe cẩn thận tới từng chi tiết. - Hiểu và làm quen với các cấu trúc về thời gian và địa điểm - Luyện nghe hiểu phần Bức tranh và phần Hỏi-đáp Nội dung cụ thể: Unit 15 Listening Test Part 1 Photographs Unit 16 Listening Test Part 2 Question-Response				- Ôn tập về chủ ngữ, động từ, tân ngữ trang 213-246 tài liệu [2]
8	Kiểm tra giữa học phần	2		[1]	- Ôn tập các nội dung từ unit 1 đến unit 7 - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.
9	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu phần nghe hội thoại và phương pháp đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong câu. - Biết cách sử dụng gợi ý về từ để suy đoán nghĩa. - Hiểu về Tiền tố và hậu tố - Luyện nghe hiểu phần nghe hội thoại và đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong câu. Nội dung cụ thể: Unit 17 Listening Test Part 3 Conversations Unit 19 Reading Test Part 5 Incomplete Sentences	2		[1] [2]	- Sử dụng các gợi ý để suy ra nghĩa của từ, mở rộng vốn từ bằng cách thêm hậu tố và tiền tố trang 90-103 tài liệu [1]. - Ôn tập cách mở rộng vốn từ thông qua các tiền tố và hậu tố trang 306-318 tài liệu [2].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
10	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp đọc hiểu phần Điền từ vào chỗ trống trong bài đọc và phần Đọc hiểu. - Biết cách dùng gợi ý trong câu hỏi để chọn đúng thì của động từ: Tương lai hay hoàn thành. - Hiểu cách trả lời câu hỏi về phương án không chứa thông tin trong bài và Câu hỏi về tên, số, ngày, thời gian. - Luyện đọc hiểu phần Điền từ vào chỗ trống trong bài đọc và phần Đọc hiểu Unit 20 Reading Test Part 6 Text Completion Unit 21 Reading Test Part 7 Reading Comprehension	2		[1] [2]	- Sử dụng gợi ý trong câu hỏi để lựa chọn dạng đúng của động từ ở thì tương lai, thì hoàn thành, phương pháp trả lời các câu hỏi "NOT" và các câu hỏi chứa tên riêng, số lượng, ngày tháng hoặc thời gian trang 104-120 tài liệu [1]. - Ôn tập thì tương lai, thì hoàn thành, trang 136-187 tài liệu [2].
11	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu phần Bức tranh và phần Hỏi-đáp. - Biết cách dùng hình ảnh để dự đoán thông tin bài nghe nghe giới từ đúng và phân biệt các từ đồng âm. - Hiểu và làm quen với ngôn ngữ dùng trong câu đề nghị, yêu cầu, đưa ra ý kiến. - Luyện nghe hiểu phần Bức tranh và phần Hỏi-đáp Nội dung cụ thể:	2		[1]	- Nghe đúng các giới từ, nhận biết được các từ phát âm tương tự, làm quen với các cụm từ chỉ đề nghị, yêu cầu và nêu ý kiến trang 121-129 tài liệu [1] - Ôn tập về giới từ trang 228-236 tài liệu [2].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Unit 22 Listening Test Part 1 Photographs Unit 23 Listening Test Part 2 Question-Response				
12	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu phần Nghe hội thoại và phương pháp đọc hiểu phần Điền từ vào chỗ trống trong câu. - Biết cách nói lịch sự đề từ chối, Nghe cẩn thận thông tin đầu tiên. - Hiểu và làm quen với dạng câu hỏi “như thế nào” và “tại sao” - Luyện nghe hiểu phần Nghe hội thoại và đọc hiểu phần Điền từ vào chỗ trống trong câu. Nội dung cụ thể: Unit 24 Listening Test Part 3 Conversations Unit 26 Reading Test Part 5 Incomplete Sentences	2		[1] [2]	- Làm quen với những cách nói lịch sự khi từ chối, nghe kỹ khi hội thoại bắt đầu trang 130-141 tài liệu [1]. - Ôn tập phần đại từ trang 90-98 tài liệu [2].
13	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong bài đọc và Đọc hiểu. - Biết cách chọn đúng từ: Giới từ hay Liên từ - Hiểu về Biết cách trả lời các câu hỏi chứa biểu đồ,	2		[1] [2]	- Phân biệt giới từ và liên từ, phương pháp trả lời các câu hỏi liên quan đến biểu đồ, bảng biểu, biểu mẫu và đoạn văn kép trang 142-161 tài liệu [1]. - Ôn tập về giới từ và liên từ trang 335-357 tài liệu [2].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	bảng biểu và hai văn bản. - Luyện đọc hiểu phần Điền vào chỗ trống trong bài đọc và Đọc hiểu. Nội dung cụ thể: Unit 27 Reading Test Part 6 Text Completion Unit 28 Reading Test Part 7 Reading Comprehension				
14	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu, đọc hiểu của từng phần. - Áp dụng các phương pháp nghe hiểu, đọc hiểu vào làm bài test - Luyện nghe hiểu và đọc hiểu theo đúng thời gian cho phép Nội dung cụ thể: General Review: Practice Test 1	2		[1] [2]	- Thực hành kỹ năng làm bài thi TOEIC [1]. - Ôn tập lại các kiến thức ngữ pháp đã học, tài liệu [2].
15	Mục tiêu: -Trình bày được phương pháp nghe hiểu, đọc hiểu của từng phần. - Áp dụng các phương pháp nghe hiểu, đọc hiểu vào làm bài test - Luyện nghe hiểu và đọc hiểu theo đúng thời gian cho phép Nội dung cụ thể: General Review: Practice Test 2	2		[1] [2]	- Thực hành kỹ năng làm bài thi TOEIC [1]. - Ôn tập lại các kiến thức ngữ pháp đã học - tài liệu [2].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng làm bài thi TOEIC từ unit 1 đến unit 12. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành **đào tạo**: Công nghệ thông tin

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

1. Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin

2. Mã học phần: TANH 302

3. Số tín chỉ: 03 (3,0)

4. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 3

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành xong học phần tiếng Anh 4

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Các công việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận của máy tính, máy tính trong lĩnh vực giao tiếp, Internet và emails, website, an ninh mạng và cung cấp cho sinh viên cấu trúc câu với động từ to be, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, các loại câu so sánh, các cấu trúc câu diễn đạt nguyên nhân, lí do, tình trạng, yêu cầu trong lĩnh vực chuyên ngành công nghệ thông tin. Đặc biệt, học phần tăng cường luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được các từ vựng tiếng Anh về nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận, linh kiện của máy	3	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	tính, mạng, thư điện tử, website, cơ sở dữ liệu, an ninh mạng...		
MT1.2	Nêu được cách sử dụng của các thì trong tiếng Anh, các cấu trúc câu so sánh, câu yêu cầu, câu miêu tả nhiệm vụ, tình trạng, giải pháp, gợi ý...	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, nghe hiểu và đọc hiểu các bộ phận, linh kiện của máy tính trong các lĩnh vực của đời sống khoa học, giao tiếp các thông tin có liên quan đến máy tính.	4	[1.2.2.4]
MT2.2	Viết được đoạn văn miêu tả về các bộ phận, đặc điểm, lợi ích, yêu cầu, giải pháp liên quan đến máy tính và lĩnh vực công nghệ thông tin.	4	[1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.1	Có khả năng hiểu và sử dụng các thì trong tiếng Anh, các cấu trúc câu so sánh, câu yêu cầu, câu miêu tả nhiệm vụ, tình trạng, giải pháp, gợi ý...	3	[2.1.3]
CĐR1.2	Trình bày được các từ vựng chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận, linh kiện của máy tính, mạng, thư điện tử, website, cơ sở dữ liệu, an ninh mạng...	3	[2.1.3]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Có khả năng miêu tả về các bộ phận, lợi ích, yêu cầu, giải pháp liên quan đến máy tính và lĩnh vực công nghệ thông tin.	4	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách rõ ràng, lưu loát về các chủ điểm đã được thực hành trên lớp.	4	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Part 1 Unit 1: Working in the IT industry 1.1. Meeting people 1.2. Jobs in IT 1.3. Schedules 1.4. Spelling 1.5. Business matters	x	x	x	x	x		x

2	Unit 2: Computer systems 2.1. Computer hardware 2.2. Computer software 2.3. Working with computers 2.4. Computer usage 2.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 3: Websites 3.1. Website purpose 3.2. Website analytics 3.3. Website development 3.4. The best websites 3.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
4	Unit 4: Databases 4.1. Database basics 4.2. Data processing 4.3. Data storage and back-up 4.4. Database systems benefits 4.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 5: E-commerce 5.1. E-commerce companies 5.2. E-commerce features 5.3. Transaction security 5.4. Online transactions 5.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
6	Unit 6: Network systems 6.1. Types of network	x	x	x	x	x	x	x

	6.2. Networking hardware 6.3. Talking about the past 6.4. Network range and speed 6.5. Business matters							
7	Unit 7: IT support 7.1. Fault diagnosis 7.2. Software repair 7.3. Hardware repair 7.4. Customer service 7.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
8	Unit 8: IT security and safety 8.1. Security solutions 8.2. Workstation health and safety 8.3. Security procedures 8.4. Reporting incidents 8.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
9	Part 2 Unit 1: Working in IT 1.1. IT jobs and duties 1.2. IT organisations 1.3. IT workplace rules 1.4. Meetings 1.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
10	Unit 2: IT systems 2.1. System specifications 2.2. GUI operations	x	x	x	x	x	x	x

	2.3. Multimedia hardware 2.4. Operating systems 2.5. Business matters							
11	Unit 3: Data communication 3.1. Internet browsing 3.2. Networks 3.3. Mobile computing 3.4. Email 3.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
12	Unit 4: Administration 4.1. Spreadsheets and formulae 4.2. Databases 4.3. Systems administration 4.4. Peripherals 4.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
13	Unit 5: Choice 5.1. Web hosting 5.2. IT costs 5.3. Product research 5.4. Making recommendations 5.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
14	Unit 6: Interactions 6.1. Enterprise social media 6.2. Video conferencing 6.3. E-commerce 6.4. Training users 6.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20 %	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30 %	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50 %	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 theo chương trình học phần, trong quá trình kiểm tra sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm các dạng bài:

- + Chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi
- + Điền từ
- + Hoàn thành câu

- Điểm chấm bài kiểm tra giữa học phần được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần diễn ra sau khi kết thúc học phần 1 tuần (theo kế hoạch của phòng Quản lý đào tạo). Trước khi thi sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi. Đề thi được trưởng bộ môn và phòng Quản lý chất lượng chọn một cách ngẫu nhiên và được bảo mật. Trong quá trình thi, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kết thúc học phần gồm các dạng bài sau:

- + Chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi

- + Điền từ
- + Hoàn thành câu

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ, đọc bài đọc, viết lại câu..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên trình bày phân tích cấu trúc câu, bài đọc, sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thảo luận để hiểu các nội dung chính bài học được đề cập dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học.

Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên, hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Anh trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc ngữ pháp. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, các bài đọc có liên quan đến chủ đề bài học.
- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.
- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.
- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.
- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu học tập:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Maja Olejniczak, *English for Information technology 1&2*, Pearson Longman

- Tài liệu tham khảo:

[2] Raymond Murphy, *English grammar in use*, Cambridge Press

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Part 1 Unit 1 : Working in the IT industry Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ to be, thì hiện tại đơn. - Hội thoại giới thiệu bản thân, làm quen, miêu tả về thói quen hàng ngày Nội dung cụ thể: 1.1. Meeting people 1.2. Jobs in IT 1.3. Schedules 1.4. Spelling 1.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ mới chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin [1] - Tìm hiểu cách sử dụng động từ to be, thì hiện tại đơn trong tài liệu [2] - Viết 1 email giới thiệu bản thân và các thành viên trong nhóm
2	Unit 2: Computer systems Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các bộ phận của máy tính - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh, thì hiện tại tiếp diễn và các động từ khuyết thiếu trong tiếng Anh. - Hội thoại giới thiệu về phần cứng và phần mềm của máy tính Nội dung cụ thể: 2.1. Computer hardware 2.2. Computer software 2.3. Working with computers 2.4. Computer usage 2.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ mới chỉ các bộ phận của máy tính [1] - Tìm hiểu khái niệm về máy tính và phần cứng trên mạng Internet - Tìm hiểu cấu trúc câu so sánh, thì hiện tại tiếp diễn trong tài liệu [2]
3	Unit 3: Websites Mục tiêu:	3	0	[1]	- Liệt kê các từ mới liên quan đến website

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Trình bày các từ vựng liên quan đến website - Hiểu và thành lập cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi. - Mô tả các bước trong một quy trình Nội dung cụ thể: 3.1. Website purpose 3.2. Website analytics 3.3. Website development 3.4. The best websites 3.5. Business matters			[2]	- Tìm hiểu cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
4	Unit 4: Databases Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến cơ sở dữ liệu - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra lời khuyên. - Miêu tả các bước trong xử lý dữ liệu, các thiết bị lưu trữ Nội dung cụ thể: 4.1. Database basics 4.2. Data processing 4.3. Data storage and back-up 4.4. Database systems benefits 4.5. Business matters	3	0	[1]	- Liệt kê các từ vựng về cơ sở dữ liệu - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra lời khuyên trên mạng internet - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
5	Unit 5: E-commerce Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các loại thương mại điện tử - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ nối và thì tương lai đơn - Miêu tả các đặc điểm của trang web thương mại điện tử, nói về an ninh mạng và mô tả quy trình giao dịch	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng chỉ các loại thương mại điện tử - Tìm hiểu về các từ nối và thì tương lai đơn trong tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Nội dung cụ thể: 5.1. E-commerce companies 5.2. E-commerce features 5.3. Transaction security 5.4. Online transactions 5.5. Business matters				
6	Unit 6: Network systems Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến mạng internet - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra gợi ý, thì quá khứ đơn. - Miêu tả đặc điểm và khả năng của mạng internet Nội dung cụ thể: 6.1. Types of network 6.2. Networking hardware 6.3. Talking about the past 6.4. Network range and speed 6.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến mạng internet - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra gợi ý và thì quá khứ đơn trong tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]
7	Unit 7: IT support Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến các lỗi máy tính và cách khắc phục - Hiểu và sử dụng thành thạo thì hiện tại hoàn thành - Miêu tả các lỗi máy tính và cách khắc phục Nội dung cụ thể: 7.1. Fault diagnosis 7.2. Software repair 7.3. Hardware repair 7.4. Customer service 7.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng và thuật ngữ liên quan đến các lỗi máy tính và cách khắc phục - Tìm hiểu thì hiện tại hoàn thành trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
8	Ôn tập và kiểm tra giữa học phần	3	0	[1] [2]	- Ôn tập các nội dung từ bài 1 đến bài 7 - Hoàn thành đề cương ôn tập giữa học phần
9	Unit 8: IT security and safety Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến an ninh mạng - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu miêu tả khả năng, sự cảm đoán. - Miêu tả đặc điểm của hệ thống an ninh mạng Nội dung cụ thể: 8.1. Security solutions 8.2. Workstation health and safety 8.3. Security procedures 8.4. Reporting incidents 8.5. Business matters	3	0	[1]	- Liệt kê các từ vựng về an ninh mạng - Tìm hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu miêu tả khả năng, sự cảm đoán qua mạng internet. - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]
10	Part 2 Unit 1: Working in IT Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến công việc và trách nhiệm của một số nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Hiểu và sử dụng thành thạo thì hiện tại đơn, động từ khuyết thiếu và mệnh lệnh - Miêu tả các quy tắc làm việc, đưa ra gợi ý, trình bày quan điểm cá nhân Nội dung cụ thể: 1.1. IT jobs and duties 1.2. IT organisations	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến công việc và trách nhiệm của một số nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Tìm hiểu thì hiện tại đơn, động từ khuyết thiếu và mệnh lệnh trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.3. IT workplace rules 1.4. Meetings 1.5. Business matters				
11	Unit 2: IT systems Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến mô tả phần cứng, GUI và đa phương tiện - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra lời chỉ dẫn, mục đích, lý do. - Miêu tả cách cài đặt OS Nội dung cụ thể: 2.1. System specifications 2.2. GUI operations 2.3. Multimedia hardware 2.4. Operating systems 2.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến mô tả phần cứng, GUI và đa phương tiện - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra lời chỉ dẫn, mục đích, lý do. - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
12	Unit 3: Data communication Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến mạng internet, các thiết bị di động, email - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, sử dụng câu điều kiện loại 1, đại từ quan hệ - Miêu tả những tiện ích của các thiết bị di động Nội dung cụ thể: 3.1. Internet browsing 3.2. Networks 3.3. Mobile computing 3.4. Email 3.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến mạng internet, các thiết bị di động, email - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, sử dụng câu điều kiện loại 1, đại từ quan hệ trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
13	Unit 4: Administration Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến quản trị mạng internet, cơ sở dữ liệu - Hiểu và sử dụng thành thạo thì quá khứ đơn, phân biệt thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn - Miêu tả được các tình trạng vấn đề xảy ra Nội dung cụ thể: 4.1. Spreadsheets and fomulae 4.2. Databases 4.3. Systems administration 4.4. Peripherals 4.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng về quản trị mạng internet, cơ sở dữ liệu - Tìm hiểu thì quá khứ đơn, phân biệt thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
14	Unit 5: Choice Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến phần mềm CAD, chi phí sản phẩm - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh, câu hỏi gián tiếp - Miêu tả đặc điểm, giá cả, chi phí của các sản phẩm Nội dung cụ thể: 5.1. Web hosting 5.2. IT costs 5.3. Product research 5.4. Making recommendations 5.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến phần mềm CAD, chi phí của sản phẩm - Tìm hiểu cấu trúc câu so sánh, câu hỏi gián tiếp trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
15	Unit 6: Interactions Mục tiêu:	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến video, thương mại điện tử

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Trình bày các từ vựng liên quan đến video, thương mại điện tử - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu điều kiện loại 2 - Miêu tả đặc điểm và tiện ích của video Nội dung cụ thể: 6.1. Enterprise social media 6.2. Video conferencing 6.3. E-commerce 6.4. Training users 6.5. Business matters				- Tìm hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu điều kiện loại 2 trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
16	Ôn tập và phụ đạo			[1] [2]	- Ôn tập lại các cấu trúc ngữ pháp từ Unit 1 đến Unit 14 - Hệ thống lại các từ vựng theo chủ đề từng bài học - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG BỘ MÔN**



Nguyễn Đăng Tiến



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 1

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

- 1. Tên học phần:** Tiếng Trung 1
- 2. Mã học phần:** TTRUNG201
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** không
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 13 bài học về các chủ điểm: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

- Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: cách phát âm, cách đọc biến âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán.

- Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在, 给, 几, 多少, cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ,...

- Từ bài 1 đến bài 13 đều có kết cấu: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng về các chủ đề: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống...	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp: Câu hỏi với trợ từ “吗”, câu hỏi sử dụng đại từ nghi vấn, câu vị ngữ động từ, vị ngữ hình dung từ, trợ từ “的”, tổ từ chữ “的”, cấu trúc giới từ “在” và “给” ...	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, hội thoại được về các chủ đề giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống...	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	- Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường. - Đọc hiểu được các đoạn văn 100-150 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn miêu tả bạn thân, bưu thiếp, nhận biết đồ vật, nơi chốn...	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	- Viết từ mới theo đúng quy tắc viết chữ Hán. - Viết được các đoạn văn 100 - 120 từ về các chủ điểm: giới thiệu bản thân, nhận biết đồ vật, mua bán...	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết	3	[1.2.3.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được cách đọc, cách viết, cách dùng của từ vựng về chủ đề bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống...	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Giải thích được cách sử dụng các hiện tượng ngữ pháp có trong bài: câu hỏi với trợ từ “吗”, câu hỏi sử dụng đại từ nghi vấn, câu vị ngữ động từ, vị ngữ hình dung từ, trợ từ “的”, tổ từ chữ “的”, cấu trúc giới từ “在” và “给” ...	2	
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Ứng dụng các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để có thể giới thiệu được về bản thân (tên tuổi, quốc tịch, nơi ở...)	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng, phát âm đúng.	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第一课：你好	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	Bài 1: Xin chào! 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习							
2	第二课：汉语不太难 Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm. 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
3	第三课：明天见 Bài 3: Ngày mai gặp lại! 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
4	第四课：你去哪儿？ Bài 4: Bạn đi đâu? 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
5	第五课：这是王老师 Bài 5: Đây là thầy Vương.	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习							
6	第六课: 我学习汉语 Bài 6: Tôi học tiếng Hán. 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
7	第七课: 你吃什么? Bài 7: Bạn ăn gì? 一、课文 二、生词 三、注释 四、练习	x	x	x	x	x	x	x
8	第八课: 苹果一斤多少钱 Bài 8: Bao nhiêu tiền một cân táo? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
9	第九课: 这个箱子很重 Bài 9: Cái va li này rất nặng. 一、课文 二、生词	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	三、注释 四、语音 五、练习							
10	第十课: 他住哪儿? Bài 10: Anh ấy sống ở đâu? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
11	第十一课: 我们都是留学生 Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh. 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x	x
12	第十二课: 你在哪儿学习? Bài 12: Bạn học ở đâu? 一、课文 二、生词 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x	x
13	第十三课: 这是不是中药 Bài 13: Đây có phải là thuốc đông y	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	không ? 一、课文 二、生词 四、语法 五、语音 六、练习							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ,... hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về tiếng Trung cho người mới bắt đầu như Giáo trình Hán ngữ tập 1 quyển thượng, giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong giáo trình, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và bài tập trước khi lên lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] *Giáo trình Hán ngữ 1 quyển thượng* – Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016

- Tài liệu tham khảo:

[2] 汉语会话 301 句, Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, năm 2010

[3] Giáo trình HSK 1, Khương Lệ Bình, Nhà xuất bản Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第一课：你好 Bài 1: Xin chào! Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, việc học tiếng Hán. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习 第二课：汉语不太难 Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	2		[1] [2]	- Đọc trang 1 - 18 tài liệu [1] - Đọc trang 35 - 40 tài liệu [2] - Hoàn thành: (五) 练习 trang 10 - 12, trang 16 - 18 tài liệu [1]
2	第三课：明天见 Bài 3: Hẹn gặp lại vào ngày mai	2		[1] [2]	- Đọc trang 19 - 27 tài liệu [1] - Đọc trang 41 - 46 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại chào tạm biệt - Biết cách đáp lại lời xin lỗi Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 学汉语 (二) 明天见 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习				- Hoàn thành: (五) 练习 trang 24 – 27 tài liệu [1]
3	第四课: 你去哪儿? Bài 4: Bạn đi đâu? Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại hỏi ai đó đi đâu đấy - Trình bày các danh từ chỉ địa điểm Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 你去哪儿 (二) 对不起 二、生词 三、语音	2		[1]	- Đọc trang 28 - 36 tài liệu [1] - Hoàn thành: (五) 练习 trang 33 - 36 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	四、注释 五、练习				
4	第五课: 这是王老师 Bài 5: Đây là thầy Vương Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về người khác - Trình bày các từ vựng về chủ đề giới thiệu Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	2		[1] [2]	- Đọc trang 37 - 45 tài liệu [1] - Đọc trang 61 - 67 tài liệu [2] - Hoàn thành: (五) 练习 trang 41- 44 tài liệu [1]
5	第六课: 我学习汉语 Bài 6: Tôi học tiếng Hán Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu bản thân, giới thiệu họ tên. - Liệt kê một số họ thường gặp ở Trung Quốc và Việt Nam Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 我学习汉语	2		[1] [2]	- Đọc trang 46 - 55 tài liệu [1] - Đọc trang 54 - 60 tài liệu [2] - Hoàn thành: (五) 练习 trang 51-55 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	(二) 这是什么书? 二、生词 三、注释 四、练习				
6	第七课：你吃什么？ Bài 7: Bạn ăn gì? Mục tiêu: - Hiểu được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về cách gọi món trong nhà ăn - Trình bày được tên một số món ăn Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	2		[1]	- Đọc trang 56 - 62 tài liệu [1] - Hoàn thành: (五) 练习 trang 59 - 62 tài liệu [1]
7	第八课：苹果一斤多少钱 Bài 8: Bao nhiêu tiền một cân táo? Mục tiêu: - Hiểu được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại theo chủ đề mua sắm hoa quả - Trình bày được tên một số loại hoa quả và cách nói giá tiền trong tiếng Trung	2		[1] [2]	- Đọc trang 63 - 69 tài liệu [1] Trang 110 - 123 tài liệu [2] - Hoàn thành: (五) 练习 trang 66 - 69 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习				
8	Kiểm tra giữa học phần	2		[1] [2]	Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 1 đến bài 8
9	第九课：这个箱子很重 Bài 9: Cái va li này rất nặng Mục tiêu: - Hiểu được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Biết miêu tả tính chất của một đồ vật. - Trình bày được tên một số đồ vật thông dụng hàng ngày - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về miêu tả đồ vật Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习	2		[1]	- Đọc trang 70 - 75 tài liệu [1] - Hoàn thành: (五) 练习 trang 73 - 75 tài liệu [1]
10	第十课：他住哪儿？ Bài 10: Anh ấy sống ở đâu? Mục tiêu: - Hiểu được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Liệt kê được sáu thành phần câu tiếng Trung	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 76 - 85 tài liệu [1] - Đọc trang 64 tài liệu [2] - Đọc trang 100 tài liệu [3] - Hoàn thành: (五) 练习 trang 82 - 85 tài liệu

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Biết cách sử dụng câu vị ngữ động từ - Trình bày được cách diễn đạt địa chỉ, số điện thoại trong tiếng Trung - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về nơi ở, hỏi số điện thoại Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、语法 (一) 汉语句子的语序 (二) 动词谓语句 (三) 号码的读法 四、语音 五、练习				[1]
11	第十一课：我们都是留学生 Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài. - Biết cách sử dụng phó từ “也”, “都”, câu hỏi với trợ từ “吗”, vị trí của trạng ngữ trong câu tiếng Trung. - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về trường lớp. - Viết về việc học tiếng Trung của mình.	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 86 - 97 tài liệu [1] - Đọc trang 57, 68, 96 tài liệu [2] - Đọc trang 16, 108 tài liệu [3] - Hoàn thành: (六) 练习 trang 92 – 97 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể 一、 课文 （一）这位是王教授 （二）我们都是留学生 （三）你也是中国人吗？ 二、生词 三、注释 四、语法 （一）怎么问（1）： 吗？ （二）状语 （三）副词“也”和“都” 五、语音 六、练习				
12	第十二课：你在哪儿学习 Bài 12: Bạn học ở đâu? Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về thầy cô, lớp học, ai dạy bạn môn gì... Nội dung cụ thể 一、 课文 （一）你在哪儿学习汉语？ （二）你们的老师是谁？ 二、生词	2		[1] [2]	- Đọc trang 98 - 109 tài liệu [1] - Đọc trang 78 – 79 tài liệu [2]
13	第十二课：你在哪儿学习 Bài 12: Bạn học ở đâu? Mục tiêu: - Biết cách sử dụng trợ từ kết cấu “的” - Biết vận dụng cấu trúc giới	2		[2] [3]	- Đọc trang 64, 82 tài liệu [2] - Đọc trang 24, 66 tài liệu [3] - Hoàn thành: （五） 练习 trang 104 - 109 tài

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	từ với từ “在”, “给” Nội dung cụ thể 三、语法 (一) 怎么问 (2): 疑问代词 (二) 定语和结构助词“的” (三) 介词“在”和“给” 四、语音 五、练习				liệu [1]
14	第十三课: 这是不是中药 Bài 13: Đây có phải là thuốc đông y không ? Mục tiêu: - Hiểu được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc Nội dung cụ thể 一、课文 (一) 这个黑箱子很重 (二) 这是不是中 二、生词 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 110 - 113 tài liệu [1]
15	第十三课: 这是不是中药 (继) Bài 13: Đây có phải là thuốc đông y không ? (tiếp) Mục tiêu: - Hiểu và biết vận dụng về câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi chính phản, tổ từ chữ “的” trong tiếng Trung - Luyện tập các hiện tượng ngữ pháp trên - Hội thoại về chủ đề kiểm	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 113 - 115 tài liệu [1] - Đọc trang 60 tài liệu [2] - Đọc trang 42 tài liệu [3] - Hoàn thành: (六) 练习 trang 116 -123 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	tra đồ ở hải quan. Nội dung cụ thể 四、语法 （一）怎么描写和评价： 形容词谓语句 （二）怎么问（3）：正反句 （三）“的”字词组 五、语音 六、练习				

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 2

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 2

2. Mã học phần: TTRUNG202

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2 (kỳ I)

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 1

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 7 bài học về các chủ điểm: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”; câu chữ “有”; câu vị ngữ danh từ; câu hỏi lựa chọn; câu vị ngữ hai tân ngữ; câu liên động; cách dùng cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”; liên từ “或者”; trạng ngữ chỉ thời gian; cấu trúc “又...又.....”; động từ lặp lại; cách nói ngày tháng năm; giá tiền; số tự nhiên; sự tiến hành của động tác.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 5 phần: Bài khóa, từ mới, ngữ pháp, kỹ năng và bài tập. Kiến thức mỗi phần đều từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Các bài tập

trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng về các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Giải thích cách dùng của các cấu trúc ngữ pháp: câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”, câu chữ “有”, câu vị ngữ danh từ; câu hỏi lựa chọn, câu vị ngữ hai tân ngữ; câu liên động, cách dùng cụm từ số lượng, từ hỏi số lượng “几, 多少”, liên từ “或者”, trạng ngữ chỉ thời gian, cấu trúc “又... 又.....”, động từ lặp lại, nói ngày tháng năm, giá tiền, số tự nhiên, sự tiến hành của động tác.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe hiểu về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Hội thoại, đọc thoại về chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),.....	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Đọc hiểu được các đoạn văn 150-200 từ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, quần áo, kể lại các hoạt động ở một địa điểm có gần thời gian tương ứng.		
MT2.4	Viết được các đoạn văn 100-150 từ về các chủ điểm: miêu tả vật, miêu tả ai đó đang làm gì, miêu tả bữa tiệc sinh nhật, giới thiệu gia đình, kể lại về việc đi mua đồ, một ngày làm việc của bản thân, kể lại bữa tiệc sinh nhật, dự định, kế hoạch trong tương lai...	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		[1.2.3.1]
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được cách đọc, cách dùng của từ vựng có trong các bài học về các chủ đề: miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),.....	1	[2.1.3]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.2	Trình bày được cách dùng của cấu trúc ngữ pháp có trong bài học.	2	
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Ứng dụng các từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp đã học vào việc hội thoại theo các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),.....	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách trôi chảy, phát âm chuẩn và rõ ràng.	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第十四课: 你的车是新的还是旧的? Bài 14: Xe của bạn là xe mới hay xe cũ? 一、 课文 (一) 您身体好吗 (二) 你的车是新的还是旧的 二、 生词 三、 注释 (一) 有一点儿忙 (二) 啊, 在那儿呢	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	四、语法 (一) 主语谓语句 (1) (二) 怎么问 (4) : 选 择 问 句 : 还 是.....? (三) 怎么问 (5) : 省 略问句: “.....呢?” 五、语音 (一) 选择问句的语调 (二) 省略问句的语调 六、练习							
2	第十五课: 你们公司有多 少职员 Bài 15 : Công ty của các bạn có bao nhiêu nhân viên ? 一、 课文 (一) 你家有几口人 (二) 你们公司有多少 职员 二、生词 三、注释 (一) 我只有两个弟弟 (二) 一百多个 (三) 不都是外国职员 四、语法 (一) “有” 字句 (二) 称数法 (三) 询问数量 “几” 和 “多少” (四) 数量词组 “数+量 +名” 五、语音	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	六、练习							
3	第十六课：你常去图书馆吗？ Bài 16: Bạn có thường đi thư viện không? 一、课文 （一）你常去图书馆吗？ （二）晚上你常做什么？ 二、生词 三、注释 （一）你跟我一起去，好吗？ （二）咱们走吧。 （三）吧 四、语法 （一）时间词语作状语 （二）“还是”和“或者” 五、语音：句重音 六、练习	X	X	X	X	X	X	X
4	第十七课：他在做什么呢 Bài 17: Anh ấy đang làm gì? 一、课文 （一）他在做什么呢 （二）谁教你们语 二、生词 三、注释 （一）怎么去呢 （二）行 四、语法	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	(一) 动作的进行 (二) 双宾语句 (三) 询问动作行为的方式: 怎么+动词 五、语音 六、练习							
5	第十八课: 我去邮局寄包裹 Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm 一、课文 (一) 我去邮局寄包裹 (二) 外贸代表团明天去上海参观 二、生词 三、注释 (一) 顺便替我买几张邮票吧 (二) 没问题 四、语法: 连动句 五、语音: 逻辑重音 六、练习	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
6	第十九课: 可以试试吗? Bài 19: Có thể thử không? 一、课文 (一) 可以试试吗? (二) 便宜一点儿吧 二、生词 三、注释 (一) 人民币的单位 (二) 太少了 四、语法 (一) 动词重叠 (二) 又.....又..... (三) “一点儿”和 “有一点儿” 五、语音 (一) 词重音 (二) 语调 六、练习	X	X	X	X	X	X	X
7	第二十课: 祝你生日快乐 Bài 20: Chúc bạn sinh nhật vui vẻ 一、课文 (一) 你哪一年大学毕业 (二) 祝你生日快乐 二、生词 三、注释 (一) 属狗 (二) 是吗? (三) 就在我的房间 四、语法 (一) 名词谓语句	X	X	X	X	X	X	X

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	(二) 年、月、日 (三) 怎么问 (6) : 疑问语调 五、语音 : 语调 六、练习							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Giảng viên hướng dẫn sinh viên phát âm, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu có liên quan đến chủ đề bài học: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng), bữa tiệc sinh nhật,...

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong giáo trình và nhiệm vụ giảng viên yêu cầu có liên quan đến nội dung bài học, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần:**- Tài liệu bắt buộc:**

[1] *Giáo trình Hán ngữ 1*, Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

[2] *Giáo trình Hán ngữ 2*, Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

- Tài liệu tham khảo:

[3] *汉语会话301句*, Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội năm 2010

[4] *Giáo trình HSK 1*, Khuong Lê Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

[5] *Giáo trình HSK 2*, Khuong Lê Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第十四课：你的车是新的还是旧的？ Bài 14: Xe của bạn là xe mới hay xe cũ? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chỉ màu sắc, kích thước, tính chất... - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại giới thiệu về đồ vật Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 124 - 127 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 14 tài liệu [1]
2	第十四课：你的车是新的还是旧的？（继续） Bài 14: Xe của bạn là xe mới	2		[1] [3] [4]	- Đọc trang 128 – 129 tài liệu [1] - Đọc trang 160 tài liệu

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	hay xe cũ? (tiếp) Mục tiêu: - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是” - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习			[5]	[3] - Đọc trang 92 tài liệu [4] - Đọc trang 152 tài liệu [5] - Hoàn thành bài tập trang 131-136 tài liệu [1]
3	第十五课：你们公司有多少职员 Bài 15 : Công ty của các bạn có bao nhiêu nhân viên ? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chủ đề gia đình - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về gia đình Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 137 - 140 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 15 tài liệu [1]
4	第十五课：你们公司有多少职员？（继） Bài 15: Công ty của các bạn có bao nhiêu nhân viên? (tiếp) Mục tiêu:	2		[1] [3] [4]	- Đọc trang 141 - 143 tài liệu [1] - Đọc trang 81, 129 tài liệu [3] - Đọc trang 58, 74 tài liệu [4]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu chữ “有”, cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少” - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习				- Hoàn thành bài tập ở tài liệu [1] trang 145 - 151
5	第十六课: 你常去图书馆吗? Bài 16: Bạn có thường đi thư viện không? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chỉ hoạt động hàng ngày - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại giới thiệu về một ngày của bản thân Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[2]	- Đọc trang 1 – 5 tài liệu [2] - Luyện nghe bài 16 tài liệu [2]
6	第十六课:你常去图书馆吗? (继) Bài 16: Bạn có thường đi thư viện không? (tiếp) Mục tiêu: Nắm vững cách dùng của các hiện tượng ngữ pháp: Liên từ “或者” và “还是”;	2		[2] [3] [4]	- Đọc trang 5 - 7 tài liệu [2] - Đọc trang 200 tài liệu [3] - Đọc trang 84 - 85 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 9 - 13 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	trạng ngữ chỉ thời gian - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习				
7	第十七课：他在做什么呢 Bài 17: Anh ấy đang làm gì? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chỉ hoạt động đang xảy ra - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại hỏi đáp về hoạt động đang xảy ra Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[2]	- Đọc tài liệu trang 14 - 18 [2] - Luyện nghe bài 17 tài liệu [2]
8	Kiểm tra giữa kỳ	2		[1] [2] [3] [4]	- Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 14 đến bài 17 - Hoàn thành các nội dung trong đề cương ôn tập.
9	第十七课：他在做什么呢？ （继） Bài 17: Anh ấy đang làm gì ? (tiếp) Mục tiêu: - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu có 2 tân	2		[2] [3] [4]	- Đọc trang 18 - 20 tài liệu [2] - Đọc trang 128, 281 tài liệu [3] - Đọc trang 100 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 21 - 27 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	ngữ, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习				
10	第十八课: 我去邮局寄包裹 Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm. Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chỉ các hoạt động ở bưu điện - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại về gửi đồ, gửi thư Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[2]	- Đọc trang 28 - 31 tài liệu [2] - Luyện nghe bài 18 tài liệu [2]
11	第十八课: 我去邮局寄包裹 (继) Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm (tiếp) Mục tiêu: - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu liên động - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法	2		[2] [3] [4]	- Đọc trang 31 - 33 tài liệu [2] - Đọc trang 95, 160 tài liệu [3] - Đọc trang 50 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 33 - 39 ở tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	五、语音 六、练习				
12	第十九课: 可以试试吗 Bài 19 : Có thể thử được không ? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng chủ đề mua quần áo - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài đọc - Hội thoại về chủ đề mua quần áo Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[2]	- Đọc trang 40 - 44 tài liệu [2] - Luyện nghe bài 19 tài liệu [2]
13	第十九课: 可以试试吗 (继) Bài 19 : Có thể thử được không ? (tiếp) Mục tiêu: - Nắm vững cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: động từ lặp lại, cấu trúc “又...又.....” - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习	2		[2] [3]	- Đọc trang 44 - 47 tài liệu [2] - Đọc trang 114, 221 tài liệu [3] - Hoàn thành bài tập trang 47 - 53 tài liệu [2]
14	第二十课: 祝你生日快乐 Bài 20 : Chúc bạn sinh nhật vui vẻ	2		[2] [3]	- Đọc trang 54 - 57 tài liệu [2] - Đọc trang 71 – 74 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới - Phát âm đúng các từ vựng về chủ đề thời gian (ngày, tháng, năm), sinh nhật - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Hội thoại giới thiệu ngày sinh nhật Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释				liệu [3] - Luyện nghe bài 20 tài liệu [2]
15	第二十课: 祝你生日快乐 Mục tiêu: - Nắm vững định nghĩa, cấu trúc đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ, cách biểu đạt thời gian (ngày, tháng, năm) - Vận dụng ngữ pháp làm bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法 五、语音 六、练习	2		[2] [3] [4]	- Đọc trang 58 - 60 tài liệu [2] - Đọc trang 74 - 75 tài liệu [3] - Đọc trang 50 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 60 - 67 ở tài liệu [2]

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 3

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 3

2. Mã học phần: TTRUNG303

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai (kỳ 2)

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sau khi sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 2

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 7 bài học về các chủ điểm: hoạt động hàng ngày, nói sở thích, cách biểu đạt thời gian...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về cách nói giờ, phút; câu kiêm ngữ, phương vị từ, cách biểu đạt sự tồn tại, cách sử dụng giờ từ “从, 离, 往”, động từ năng động, cách hỏi nguyên nhân, bổ ngữ trạng thái, trợ từ “了”, bổ ngữ thời lượng, động từ ly hợp...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt thời gian...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, bài khóa, từ mới, ngữ pháp, bài tập. Kiến thức mỗi phần đều từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng về chủ đề giao tiếp trong đời sống: nói về một ngày, sở thích, cách biểu đạt thời gian ...	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Trình bày các cấu trúc ngữ pháp: cách nói giờ, câu kiêm ngữ, phương vị từ, cách biểu đạt sự tồn tại, cách sử dụng giờ từ “从, 离, 往”, động từ năng động, cách hỏi nguyên nhân, bỏ ngữ trạng thái, trợ từ “了”, bỏ ngữ thời lượng, động từ ly hợp...	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe hiểu các đoạn hội thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Hội thoại, đọc thoại được trong chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: các hoạt động hàng ngày, nói sở thích, cách biểu đạt thời gian...	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Đọc hiểu được các đoạn văn 350 - 400 từ về chủ điểm trong chương trình.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.4	Viết được các đoạn văn 100 - 150 từ giới thiệu một buổi đi mua đồ, một ngày của mình, sở thích...	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc	3	[1.2.3.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được cách phát âm, cách sử dụng các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống: nói về một ngày, sở thích, cách biểu đạt thời gian ...	1	[2.1.3]
CDR1.2	Giải thích được cách dùng và cách sử dụng của các cấu trúc ngữ pháp như: cách nói giờ, câu kiêm ngữ, phương vị từ, cách biểu đạt sự tồn tại, cách sử dụng giờ từ “从, 离, 往”, động từ năng động, cách hỏi nguyên nhân, bỏ ngữ trạng thái, trợ từ “了”, bỏ ngữ thời lượng, động từ ly hợp...	2	
CDR2	Kĩ năng		
CDR2.1	Ứng dụng các từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp đã học vào việc hội thoại theo các chủ đề giao tiếp trong đời sống: nói về một ngày, sở thích, cách biểu đạt thời gian ...	3	[2.2.8]
CDR2.2	Có thể giao tiếp một cách khá trôi chảy, phát âm rõ ràng.	3	[2.2.8]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第二十一课：我们明天七点一刻出发 Bài 21: Bảy giờ sáng ngày mai chúng ta xuất phát 一、课文 （一）我的一天 （二）明天早上七点一刻出发 二、生词 三、注释 （一）我去朋友那儿聊天儿 （二）同学们 四、语法：时间的表达 五、语音： （一）词重音 （二）句重音 六、练习	X	X	X	X	X	X	X
2	第二十二课：我打算请老师教我京剧 Bài 22: Tôi chuẩn bị mời giáo viên dạy tôi kinh kịch 一、课文 二、生词 三、注释 （一）你喜欢看京剧吗？ （二）“以前”和“以后” （三）我来中国以前就	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	对书法感兴趣 四、语法：兼语句 五、语音：兼语句的句重音 六、练习							
3	第二十三课：学校里边有邮局吗？ Bài 23: Trong trường có bưu điện không? 一、课文 （一）学校里边有邮局吗 （二）从这儿到博物馆有多远 二、生词 三、注释 （一）离这儿有多远？ （二）有七八百米 （三）多……？ 四、语法： （一）方位词 （二）存在的表达 （三）介词“离”、“从”、“往” 五、语音 六、练习	X	X	X	X	X	X	X
4	第二十四课：我想学太极拳 Bài 24: Tôi muốn học thái cực quyền	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
	一、课文 （一）我想学太极拳 （二）您能不能再说一遍 二、生词 三、注释 （一）您能不能再说一遍？ （二）从几点到几点上课？ 四、语法： （一）能源动词 （二）询问原因 五、语音 六、练习							
5	第二十五课：她学得很好 Bài 25: Cô ấy học rất giỏi 一、课文 （一）她学得很好 （二）她每天都起得很早 二、生词 三、注释 （一）哪里 （二）你看她太极拳打得怎么样？ （三）打得还可以 四、语法：状态补语 五、语音 六、练习	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
6	第二十六课：田芳去哪儿了 Bài 26: Điền Phương đi đâu rồi? 一、课文 （一）田芳去哪儿了 （二）他又来电话了 二、生词 三、注释 （一）你给我打电话了吧？ （二）你不是要上托福班吗？ （三）是不是 四、语法： （一）语气助词“了” （1） （二）“再”和“又” 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
7	第二十七课：玛丽哭了 Bài 27: Mary khóc rồi 一、课文 （一）你怎么了 （二）玛丽哭了 二、生词 三、注释 （一）怎么了？ （二）就吃了一些鱼和牛肉 （三）别难过了 （四）跳跳舞 四、语法： （一）动作的完成：动词 + 了 （二）因为……所以	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	五、练习							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao	1 điểm	20%	
2	Thi kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu

nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Giảng viên hướng dẫn sinh viên phát âm, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp,... hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giáo viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] *Giáo trình Hán ngữ 2*, Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

- **Tài liệu tham khảo:**

[2] *汉语会话301句*, Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, năm 2010

[3] *Giáo trình HSK 1*, Khương Lê Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

[4] *Giáo trình HSK 2*, Khương Lê Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

15. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第二十一课：我们明天七点一刻出发 Bài 21: Bảy giờ sáng mai chúng	2		[1]	- Đọc trang 68- 72 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 21 tài liệu [2]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng chỉ thời gian - Sử dụng đúng các từ “来”, “去”, “在”, “从”, “到” - Biết cách sử dụng vĩ từ “们” - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释				
2	第二十一课：我们明天七点一刻出发（继） Bài 21: Bảy giờ sáng mai chúng ta xuất phát. (tiếp) Mục tiêu: - Hiểu và biết biểu đạt thời gian bằng tiếng Trung - Hội thoại giới thiệu 1 ngày của bản thân sử dụng cấu trúc biểu đạt thời gian Nội dung cụ thể: 四、语法：时间的表达 五、练习	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 72- 74 tài liệu [1] - Đọc trang 88-89 tài liệu [2] - Đọc trang 84-85 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 74-80 tài liệu [1]
3	第二十二课：我打算请老师教我京剧 Bài 22: Tôi chuẩn bị mời giáo viên dạy tôi kinh kịch Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng	2		[1]	- Đọc trang 82- 86 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 22 tài liệu [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	nói về sở thích - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词				
4	第二十二课：我打算请老师教我京剧（继） Bài 22: Tôi chuẩn bị mời giáo viên dạy tôi kinh kịch（tiếp） Mục tiêu: - Biết cách sử dụng câu “是啊”， phân biệt “以前” và “以后”， cách sử dụng cấu trúc “对 + 名词” - Hiểu và biết cách sử dụng câu kiêm ngữ - Hội thoại nói về sở thích của bản thân Nội dung cụ thể: 三、注释 三、语法：兼语句 四、练习	2		[1] [2] [4]	- Đọc trang 86- 88 tài liệu [1] - Đọc rang 134 tài liệu [2] - Đọc tài liệu trang 60 tài liệu [4] - Hoàn thành: Bài tập trang 88-94 tài liệu [1]
5	第二十三课：学校里边有邮局吗 Bài 23: Trong trường có bưu điện không? Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng chỉ phương hướng - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词	2		[1]	- Đọc trang 96- 100 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 23 tài liệu [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	三、注释				
6	第二十三课：学校里边有邮局吗（继） Bài 23: Trong trường có bưu điện không? (tiếp) Mục tiêu: - Biết cách sử dụng động từ “有”, câu hỏi sử dụng cấu trúc “多……” - Hiểu và biết cách sử dụng các phương vị từ cùng với cấu trúc biểu thị sự tồn tại. - Hội thoại với chủ đề nói về phương hướng Nội dung cụ thể: 四、语法 五、练习	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 101-105 tài liệu [1] - Đọc trang 102 tài liệu [2] - Đọc trang 33 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 105-112 tài liệu [1]
7	第二十四课：我想学太极拳 Bài 24: Tôi muốn học thái cực quyền Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng về mong muốn, khả năng... - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 114 - 118 tài liệu [1]
8	Kiểm tra giữa học phần	2		[1] [2] [3] [4]	- Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 21 đến bài 24 - Làm bài kiểm tra giữa học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
9	第二十四课：我想学太极拳（继） Bài 24: Tôi muốn học thái cực quyền (tiếp) Mục tiêu: - Biết cách sử dụng giới từ “再”， cấu trúc “从...到” - Hiểu và biết cách sử dụng các động từ năng nguyện - Hội thoại với chủ đề nói về khả năng, mong muốn của bản thân Nội dung cụ thể: 四、语法 五、练习	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 118-121 tài liệu [1] - Đọc trang 120-121 tài liệu [2] - Đọc trang 42, 58, 74, 93 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 122-127 tài liệu [1]
10	第二十五课：她学得很好 Bài 25: Cô ấy học rất giỏi Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1] [2]	- Đọc trang 129-133 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 25 tài liệu [3]
11	第二十五课：她学得很好（继） Bài 25: Cô ấy học rất giỏi (tiếp) Mục tiêu: - Biết cách sử dụng cách nói “哪里”， phó từ “还...” - Hiểu và biết cách sử dụng bổ ngữ trạng thái - Hội thoại với chủ đề nói về 1	2		[1] [2] [4]	- Đọc trang 133-135 tài liệu [1] - Đọc trang 180 tài liệu [2] - Đọc trang 93-93 tài liệu [4] - Hoàn thành: Bài tập trang 136 - 142 tài liệu [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	ngày của bản thân sử dụng bổ ngữ trạng thái Nội dung cụ thể: 四、语法：状态补语（1） 五、练习				
12	第二十六课：田芳去哪儿了 Bài 26: Điền Phương đi đâu rồi? Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 144 - 149 tài liệu [1] - Luyện nghe bài 26 tài liệu [1]
13	第二十六课：田芳去哪儿了（继） Bài 26: Điền Phương đi đâu rồi? (tiếp) Mục tiêu: - Biết cách sử dụng trợ từ “吧”， cấu trúc “不是...吗”，“是不是” - Hiểu và biết cách sử dụng trợ từ ngữ khí “了”，phó từ “再” và “又” Nội dung cụ thể: 四、语法 五、练习	2		[1] [2] [3] [4]	- Đọc trang 149 - 152 tài liệu [1] - Đọc trang 134, 213, 274 tài liệu [2] - Đọc trang 32 tài liệu [3] - Đọc trang 12, 60, 101 tài liệu [4] - Hoàn thành: Bài tập trang 152 - 158 tài liệu [1]
14	第二十七课：玛丽哭了 Bài 27: Mary khóc rồi	2		[1] [4]	- Đọc trang 160 - 165 tài liệu [1] - Đọc trang 76 tài liệu [4] - Luyện nghe bài 27

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài khóa - Biết cách sử dụng cấu trúc “怎么了”，“别……了” Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释				tài liệu [1]
15	第二十七课：玛丽哭了（继） Bài 27: Mary khóc rồi (tiếp) Mục tiêu: - Hiểu và biết cách sử dụng trợ từ động thái “了”，cấu trúc “因为……所以” - Hội thoại với chủ đề nói về 1 ngày bạn đi bệnh viện khám bệnh, sử dụng trợ từ động thái “了” Nội dung cụ thể: 三、注释 四、语法 五、练习	2		[1] [2] [3] [4]	- Đọc trang 166 - 168 tài liệu [1] - Đọc trang 200 tài liệu [2] - Đọc trang 106 tài liệu [3] - Đọc trang 44 tài liệu [4] - Hoàn thành: Bài tập trang 169-171 tài liệu [1]

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


 Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


 Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 4

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 4

2. Mã học phần: TTRUNG304

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ: Năm thứ 3 (kỳ I)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 3

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan0708@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bỏ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn 比, hơn nhất “最”, so sánh bằng “有”, so sánh giống nhau “跟 一样”, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra “要了”、“就要....了”、“快要....了”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như: Học tập,	1	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...		
MT1.2	Trình bày các cấu trúc ngữ pháp: Câu bổ ngữ kết quả, câu so sánh hơn 比, hơn nhất “最”, so sánh bằng “有”, so sánh giống nhau “跟 一样”, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra “要了”、“就要....了”、“快要....了”	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe hiểu và đọc hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Viết các đoạn văn ngắn giới thiệu về việc học tập, thi cử, sở thích, thời tiết có sử dụng những cấu trúc ngữ pháp đã được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Diễn đạt các câu liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Người học nhớ được 300 từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày.	1	[2.1.3]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CĐR1.2	Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong học phần để đặt câu.	2	[2.1.3]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc hiểu được các đoạn văn 250 – 350 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Giao tiếp cơ bản được về các chủ đề trong chương trình	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第二十八课：我吃了早饭就来了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
2	第二十九课：我都做对了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
3	第三十 课：我来了两个多月了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
4	第一课：我比你更喜欢音乐 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
5	第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
6	第三课：冬天要到了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作即将发生 五、练习	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành hội thoại trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	20%	
2.	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	

3.	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	
----	-----------------------	--	-----	--

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 8 câu hỏi theo dạng HSK 2 gồm 2 kỹ năng nghe và đọc với các yêu cầu về nội dung tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phần từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ,... hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo định hướng năng lực thực hiện: Hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

- Sinh viên chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập.

14 - Tài liệu học tập:

* Tài liệu bắt buộc:

[1] *Giáo trình Hán ngữ 2* - Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

[2] *Giáo trình Hán ngữ 3* - Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

* Tài liệu tham khảo:

[3] *汉语会话 301 句* – Trần Thị Thanh Liêm biên dịch., Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, năm 2010

[4] *Giáo trình HSK 2* - Khương Lệ Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

15 . Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第二十八课：我吃了早饭就来了 Bài 28: Tôi ăn sáng xong thì đến Mục tiêu: - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1] [3]	- Đọc trang 177- 182 tài liệu [1]; trang 196-200 tài liệu [3] - Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]
2	第二十八课：我吃了早饭就来了 (继) Bài 28: Tôi ăn sáng xong thì đến (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo phó từ “就” và “才” - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法：“就” 和 “才”	2		[1] [3]	- Đọc trang 183- 190 tài liệu [1]; trang 196-200 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 189-190 Tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	五、练习				
3	第二十九课：我都做对了(继) Bài 29: Tôi đã làm đúng Mục tiêu: - Viết các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词	2		[1] [3] [4]	- Đọc trang 192- 200 tài liệu [1], trang 213 – 216 tài liệu [3], trang 65-74 tài liệu [4] - Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]
4	第二十九课：我都做对了(继) Bài 29: Tôi đã làm đúng (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và cách sử dụng cấu trúc bổ ngữ kết quả - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập - Nội dung cụ thể: 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	2		[1] [3] [4]	- Đọc trang 196- 204 tài liệu [1]; trang 213 – 216 tài liệu [3]; trang 65-74 tài liệu [4] - Hoàn thành bài tập trang 205-206 Tài liệu [1]
5	第三十课：我来了两个多月了 Bài 20: Tôi đã đến hơn hai tháng rồi Mục tiêu: - Liệt kê từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[1] [3]	- Đọc trang 208- 212 tài liệu [1]; trang 200-202 tài liệu [3]
6	第三十课：我来了两个多月了(继) Bài 30: Tôi đã đến hơn hai tháng rồi (tiếp)	2		[1] [3]	- Đọc trang 213- 220 tài liệu [1]; trang 200-202, 252-254 tài liệu [3]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu bổ ngữ thời lượng - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法：时量补语 五、练习				- Hoàn thành bài tập trang 221-222 tài liệu [1]
7	第一课：我比你更喜欢音乐 Bài 1: Tôi thích âm nhạc hơn bạn Mục tiêu: - Viết các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	2		[2] [3]	Đọc trang 1 - 5 tài liệu [2]; trang 242-245 tài liệu [3]
8	Kiểm tra giữa học phần	2		[1] [2]	- Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 28 đến bài 30 tài liệu [1]; bài 1 TL [2] - Làm bài kiểm tra giữa học phần
9	第一课：我比你更喜欢音乐(继) Bài 1: Tôi thích âm nhạc hơn bạn (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc đơn giản so sánh hơn - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法：比较句 “比、最、有”	2		[2] [3]	- Đọc trang 6-18 tài liệu [2]; trang 246-248, 252-254 tài liệu [3] - Hoàn thành bài tập trang 19-20 Tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	五、练习				
10	第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷 Bài 2: Mùa đông chỗ chúng tôi lạnh như Bắc Kinh Mục tiêu: - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词	2		[2] [3]	Đọc trang 22- 24 tài liệu [2]; trang 249-251 tài liệu [3]
11	第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷（继） Bài 2: Mùa đông chỗ chúng tôi lạnh như Bắc Kinh (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh bằng, so sánh giống nhau Nội dung cụ thể: 三、注释 四、语法：比较句 跟 一样/不一样	2		[2] [3] [4]	Đọc trang 25- 28 tài liệu [2]; trang 252, 253 tài liệu [3], trang 74-76 tài liệu [4]
12	第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷（继） Bài 2: Mùa đông chỗ chúng tôi lạnh như Bắc Kinh (tiếp) Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học để làm bài tập Nội dung cụ thể: 五、练习	2		[2] [3]	Đọc trang 31- 36 tài liệu [2]; trang 340-342 tài liệu [3]
13	第三课：冬天要到了 Bài 3: Mùa đông đến rồi Mục tiêu:	2		[2] [3]	Đọc trang 38- 41 tài liệu [2]; trang 163 -166 tài liệu [3]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Liệt kê từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词				
14	第三课: 冬天要到了(继) Bài 3: Mùa đông đến rồi (tiếp) Mục tiêu: 三、注释 四、语法: 动作即将发生	2		[2] [3]	- Đọc trang 42- 46 tài liệu [2]; trang 166,167 tài liệu [3] - Hoàn thành bài tập trang 45-46 tài liệu [2]
15	第三课: 冬天要到了(继) Bài 3: Mùa đông đến rồi (tiếp) Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học để làm bài tập Nội dung cụ thể: 五、练习	2		[2]	- Đọc trang 47- 52 tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trang 51-52 tài liệu [2]

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên


Nguyễn Đăng Tiến


Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 5

Số tín chỉ: 03
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 5

2. Mã học phần: TTRUNG403

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ: Năm thứ 3 (kỳ II)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 4

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	Nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan0708@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.....Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ kết quả, trợ từ động thái “过”, bổ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.....”, “是 的”, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bổ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu của học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh,	1	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	miêu tả người....		
MT1.2	Sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp: câu bỏ ngữ xu hướng, trợ từ động thái “了”、“过”、“着”， câu bị động, bỏ ngữ xu hướng kép...	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Diễn đạt được các câu liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.... Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Đọc hiểu được các đoạn văn 350– 450 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình. Viết được các đoạn văn ngắn giới thiệu về chuyến tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....có sử dụng những cấu trúc ngữ pháp đã được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Người học nhớ được 600 từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...	1	[2.1.3]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CĐR1.2	Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong học phần để đặt câu.	2	[2.1.3]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc hiểu được các đoạn văn khoảng 400 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Vận dụng giao tiếp bằng tiếng Trung ở mức cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, học tập và nghề nghiệp của mình. Có thể giao tiếp bằng tiếng Hoa khi đi du lịch ở Trung Quốc.	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第四课：快上来吧，要开车了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
2	第五课： 我听过钢琴节奏曲《黄河》 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
3	第六课：我是跟旅游团一起来的 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
4	第七课：我的护照你找到了没有 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
5	第八课：我的眼镜摔坏了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
6	第九课：要是忘拔下来了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作即将发生 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
7	第十课：会议厅的门开着呢 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作即将发生 五、练习	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành hội thoại trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	20%	
2.	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3.	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học. Hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần theo dạng HSK 3 gồm 3 kỹ năng nghe, đọc và viết với các yêu cầu về nội dung tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phân từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL

và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: Hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

- Sinh viên chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giáo viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập.

14 Tài liệu học tập:

*** Tài liệu bắt buộc:**

[1] *Giáo trình Hán ngữ 3* - Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

*** Tài liệu tham khảo:**

[2] *汉语会话 301 句* - Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch:, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, năm 2010

[3] *Giáo trình HSK 3* - Khương Lệ Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

15 . Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第四课：快上来吧，要开车了 Bài 4: Lên nhanh đi, xe sắp	3		[1] [2] [3]	Đọc trang 54- 59 tài liệu [1]; trang 156-159 tài liệu [2]; trang 11-13 tài liệu

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	chạy rồi Mục tiêu: - Liệt kê từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释				[3]
2	第四课：快上来吧，要开车了(继) Bài 4: Lên nhanh đi, xe sắp chạy rồi (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng được cấu trúc câu bổ ngữ xu hướng - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法：趋向补语 五、练习	3		[1] [2] [3]	- Đọc: Trang 60- 66 tài liệu [1] Trang 160-162 tài liệu [2] Trang 14,15 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 67-68 Tài liệu [1]
3	第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》 Bài 5: Tôi đã từng nghe bản hòa nhạc “Hoàng Hà” Mục tiêu: - Liệt kê được các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词	3		[1] [2]	Đọc trang 70- 76 tài liệu [1]; trang 203-205 tài liệu [2]; trang 1-3 tài liệu [3]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	三、注释				
4	第五课： 我听过钢琴节奏曲《黄河》（继） Bài 5: Tôi đã từng nghe bản hòa nhạc “Hoàng Hà” (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh bằng, so sánh giống nhau bỏ ngữ kết quả (到、成、上...) - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法：结果补语 五、练习	3		[1] [2]	- Đọc: Trang 77- 84 tài liệu [1] Trang 215, 216 tài liệu [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 85-86 Tài liệu [1]
5	第六课： 我是跟旅游团一起来的 Bài 6: Tôi đã đến cùng với đoàn du lịch Mục tiêu: - Trình bày từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	3		[1] [2] [3]	Đọc trang 88- 93 tài liệu [1]; trang 163-165 tài liệu [2]; trang 25-27 tài liệu [3]
6	第六课： 我是跟旅游团一起来的（继） Bài 6: Tôi đã đến cùng với đoàn du lịch (tiếp) Mục tiêu: - Hiểu cách dùng và sử dụng	3		[1] [2] [3]	- Đọc, tra từ điển Trang 93- 101 tài liệu [1] Trang 167, 168 tài liệu [2] Trang 28,29 tài liệu [3]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	thành thạo cấu trúc “是...的” “一 ... 就” và tính từ lặp lại - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法: (一) 是 的 (二) 一 就 (三) 形容词重叠 五、练习				- Hoàn thành: Bài tập trang 102-103 TL [1]
7	第七课：我的护照你找到了没有 Bài 7: Anh đã tìm thấy hộ chiếu chưa? Mục tiêu: - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	3		[1] [2]	Đọc trang 105 - 109 tài liệu [1]; trang 117-119 tài liệu [2]
8	第七课：我的护照你找到了没有(继) Bài 7: Anh đã tìm thấy hộ chiếu chưa? (tiếp) Mục tiêu: - Hiểu cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu vị ngữ chủ vị - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể:	3		[1] [2]	- Đọc trang 110 - 112 tài liệu [1]; trang 120-122 tài liệu [2] - Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 4 đến bài 6 tài liệu [1], tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	四、语法：主谓谓语句 Kiểm tra giữa học phần				- Làm bài kiểm tra giữa học phần
9	第七课：我的护照你找到了没有(继) Bài 7: Anh đã tìm thấy hộ chiếu chưa? (tiếp) Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học vào bài tập Nội dung cụ thể: 五、练习	3		[1] [2]	- Đọc trang 112- 117 tài liệu [1]; trang 121-123 tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trang 116-117 tài liệu [1]
10	第八课：我的眼镜摔坏了 Bài 8: Mắt kính của tôi rơi hỏng rồi Mục tiêu: - Viết được các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Dịch được nội dung bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	3		[1] [3]	- Đọc, tra từ điển Trang 119- 124 tài liệu [1]; trang 168-170 tài liệu [3]
11	第八课：我的眼镜摔坏了(继) Bài 8: Mắt kính của tôi rơi hỏng rồi (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu bị động - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập	3		[1] [3]	- Đọc: Trang 124- 128 tài liệu [1]; trang 171-174 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 129-130 tài liệu [1];

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể: 四、语法： （一）被动句 （二）量词重叠 （三）一年比一年 五、练习				
12	第九课：钥匙忘拔下来了 Bài 9: Chìa khóa quên rút ra rồi Mục tiêu: - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词	3		[1] [2]	Đọc trang 133- 137 tài liệu [1]; trang 203-205 tài liệu [2];
13	第九课：钥匙忘拔下来了 (继) Bài 9: Chìa khóa quên rút ra rồi (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu bổ ngữ xu hướng phức - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 三、语法：符合趋向补语 四、练习	3		[1] [2] [3]	- Đọc: Trang 137- 145 liệu [1] Trang 208 -210, 273-275 tài liệu [2]; trang 107-115 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 146-147 tài liệu [1]
14	第十课：会议厅的门开着呢 Bài 10: Cửa phòng hội nghị đang mở Mục tiêu:	3		[1] [2]	Đọc trang 149- 152 tài liệu [1]; trang 238-231 tài liệu [2];

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词				
15	第十课：会议厅的门开着呢(继) Bài 10: Cửa phòng hội nghị đang mở (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu dùng trợ từ động thái “着” - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 三、语法：动态助词 “着” 五、练习	3		[1] [2] [3]	- Đọc: Trang 153- 158 tài liệu [1]; trang 230-234 tài liệu [2], trang 21-29 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 158-159 tài liệu [1]

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TOÁN CAO CẤP 1

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

- 1. Tên học phần:** Toán cao cấp 1
- 2. Mã học phần:** TOAN 101
- 3. Số tín chỉ:** 3 (3,0)
- 4. Trình độ sinh viên:** Năm thứ nhất.
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành.
 - Tự học: 90 giờ.
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Kiều Hiên	0985 330 644	nguyenkieuhien@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hồng	0977 260 832	nguyenhong.sd@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Huệ	0977 944 536	minhhuesaodo@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	0988 101 489	diephuyendhsaodo@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Việt Tuấn	0978 235 234	nguyentuandhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Toán cao cấp 1 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Đại số tuyến tính: Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, ánh xạ tuyến tính.
- Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, chuỗi và ứng dụng vào các bài toán trong kỹ thuật.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau:	1	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	- Đại số tuyến tính: Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính. - Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân và ứng dụng vào các bài toán trong kỹ thuật, chuỗi số		
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng tính toán, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về tập hợp, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính; các bài toán về giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến, chuỗi số, chuỗi hàm	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1] [1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Nêu được khái niệm ánh xạ, đơn ánh, toàn ánh, song ánh.	1	[2.1.3]
CDR1.2	Phát biểu được định nghĩa định thức. Trình bày được các phương pháp tính định thức.		
CDR1.3	Phát biểu được định nghĩa ma trận nghịch đảo.		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	Trình bày được các phương pháp tìm ma trận nghịch đảo.		
CDR1.4	Nêu được các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính và trình bày được các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính.		
CDR1.5	Trình bày được cách tìm tọa độ của vectơ đối với cơ sở		
CDR1.6	Trình bày được cách tìm ảnh và ma trận của ánh xạ tuyến tính; các bước tìm trị riêng và vectơ riêng của ma trận.		
CDR1.7	Viết được công thức tính đạo hàm, vi phân cơ bản. Trình bày được các phương pháp tính giới hạn, tính liên tục và ứng dụng của giới hạn.		
CDR1.8	Trình bày được các bước để tìm miền hội tụ của chuỗi lũy thừa.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Trình bày được tính đơn ánh, toàn ánh, song ánh.	3	[2.2.6]
CDR2.2	Sử dụng các phương pháp để tính được định thức của ma trận.		
CDR2.3	Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tìm được ma trận nghịch đảo.		
CDR2.4	Giải được hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Cramer và phương pháp Gauss.		
CDR2.5	Chứng minh được một tập là không gian con của không gian vectơ và tìm được số chiều của không gian con.		
CDR2.6	Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để chứng minh hệ vectơ là cơ sở của không gian vectơ và tìm được tọa độ của vectơ đối với cơ sở.		
CDR2.7	Tìm được ảnh và ma trận của ánh xạ tuyến tính.		
CDR2.8	Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tìm được trị riêng và vectơ riêng của ma trận.		
CDR2.9	Sử dụng được: Các giới hạn cơ bản, qui tắc		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	L'Hospital để khử các dạng vô định.		
CDR2.10	Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để xét tính liên tục của hàm số.		
CDR2.11	Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tìm được miền hội tụ của chuỗi lũy thừa.		
CDR2.12	Nghiêm túc, tích cực, cẩn thận, trung thực trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra, làm bài thi.		
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1] [2.3.2]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CDR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CDR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																							
		CDR1								CDR2												CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	Chương 1: Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ 1.1. Tập hợp 1.2. Mệnh đề 1.3. Ánh xạ	x								x											x	x	x	x	x
2	Chương 2: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính 2.1. Ma trận 2.2. Định thức 2.3. Ma trận nghịch đảo 2.4. Hạng của ma trận 2.5. Hệ phương trình tuyến tính		x	x	x	x								x	x						x	x	x	x	x
3	Chương 3: Không gian vector R^n 3.1. Vector n chiều 3.2. Không gian vector số học n chiều. Không gian Euclide 3.3. Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector 3.4. Cơ sở, số chiều của không gian vector 3.5. Hạng của một hệ vector						x									x	x				x	x	x	x	x
4	Chương 4. Ánh xạ							x										x			x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																							
		CDR1								CDR2												CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	tuyến tính 4.1. Khái niệm ánh xạ tuyến tính 4.2. Hạt nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính 4.3. Ma trận của ánh xạ tuyến tính 4.4. Trị riêng và vector riêng																								
5	Chương 5: Hàm một biến số 5.1. Khái niệm về hàm số 5.2. Giới hạn dãy số 5.3. Giới hạn của hàm số 5.4. Hàm số liên tục 5.5. Đạo hàm 5.6. Vi phân 5.7. Các định lý về hàm khả vi							x											x		x	x	x	x	x
6	Chương 6: Chuỗi 6.1. Chuỗi số 6.2. Chuỗi lũy thừa 6.3. Chuỗi Fourier								x											x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, làm bài tập ở nhà, chuyên cần của sinh viên	- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận. - Chuẩn bị bài tập về nhà.	20%	
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	Kiểm tra tự luận 01 bài (90 phút)	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	Thi tự luận 01 bài (90 phút)	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận:
 - Tổ chức: Giảng viên lập danh sách sinh viên nhằm theo dõi và đánh giá ý thức, thái độ tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình học tập.
 - Nội dung: Đánh giá ý thức của sinh viên trong việc tham gia đầy đủ các buổi học có sự hướng dẫn của giảng viên, ý thức trong giờ học thông qua mức độ tham gia và sẵn sàng tham gia thảo luận của sinh viên.
 - Hướng dẫn đánh giá: Chấm điểm dựa trên số buổi đi học và số lần phát biểu xây dựng bài học. Thang điểm 10.
- Bài tập về nhà:
 - Tổ chức: Làm việc cá nhân và theo nhóm (mỗi nhóm 4 – 5 người).
 - Nội dung: Sinh viên được yêu cầu làm 5 – 20 bài tập mỗi chương.
 - Hướng dẫn đánh giá: Chấm điểm dựa trên lượng bài tập hoàn thành theo nhiệm vụ được giao. Thang điểm 10.
- Kiểm tra giữa học phần:
 - Hình thức: Làm bài kiểm tra cá nhân, hình thức tự luận, thời gian làm bài kiểm tra là 90 phút.
 - Nội dung kiểm tra: Nội dung kiểm tra bao quát các vấn đề ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính.
 - Tổ chức đánh giá: Giảng viên giảng dạy chịu trách nhiệm chấm bài kiểm tra. Bài kiểm tra được thực hiện vào tuần thứ 8 của học phần. Thang điểm 10.

- **Thi kết thúc học phần:**

- **Hình thức:** Đề thi được chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi Toán ứng dụng A1. Thời gian thi là 90 phút.

- **Nội dung:** Nội dung thi bao quát các chương của học phần.

- **Tổ chức đánh giá:** Bài thi được chấm độc lập bởi 2 giảng viên Bộ môn Toán. Thang điểm 10.

12. Phương pháp dạy và học

Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết: Giảng viên giải thích các khái niệm, định lý; lấy ví dụ và hướng dẫn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi.

- Đối với giờ bài tập: Giảng viên cho bài tập; khích lệ sinh viên lên bảng giải bài tập, yêu cầu cả lớp đưa ra nhận xét, sửa chữa để có lời giải hoàn chỉnh nhất.

- Đối với bài tập về nhà: Giảng viên tổ chức các nhóm; giao bài tập cho cá nhân, các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện.

13. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Đọc và nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần.

- Tham gia thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Máy tính, vở ghi, bút, thước kẻ, ...

14. Tài liệu phục vụ học tập

- **Tài liệu bắt buộc:**

- [1] – *Giáo trình Toán cao cấp 1*, Đại học Sao Đỏ (2018).

- **Tài liệu tham khảo:**

- [2] - Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh (2010), *Toán cao cấp, tập 1*, NXB Giáo dục.

- [3] - Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh (2009), *Toán cao cấp, tập 2*, NXB Giáo dục.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực Hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1: Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được khái niệm tập hợp, ánh xạ, đơn ánh, toàn ánh, song ánh. - Sử dụng các phương pháp để xét được tính đơn ánh, toàn ánh, song ánh. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tìm được tập ảnh, nghịch ảnh. Nội dung cụ thể: 1.1. Tập hợp 1.2. Mệnh đề 1.3. Ánh xạ	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 1.1; 1.2; 1.3; [2]: Mục 1.2; 1.5. - Làm bài tập chương 1 trong [1]: Bài 1.1 - 1.9.
2	Chương 2: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được khái niệm ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính. - Thực hiện được các phép toán trên ma trận. - Sử dụng các phương pháp để tính được định thức của ma trận. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tìm được ma trận nghịch đảo. - Giải được hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Cramer và phương pháp Gauss.	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.1; 2.2; [2]: Mục 3.1, 3.2. - Làm bài tập chương 2 trong [1]: Bài 2.1; 2.2; 2.3; 2.5; 2.6; 2.7.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực Hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Nội dung cụ thể: 2.1. Ma trận 2.1.1. Khái niệm về ma trận 2.1.2. Các phép toán về ma trận 2.2. Định thức 2.2.1. Định nghĩa 2.2.2. Các tính chất của định thức 2.2.3. Các phương pháp tính định thức				
3	2.3. Ma trận nghịch đảo 2.3.1. Định nghĩa, tính chất 2.3.2. Điều kiện tồn tại của ma trận nghịch đảo 2.3.3. Các phương pháp tìm ma trận nghịch đảo 2.4. Hạng của ma trận 2.4.1. Định nghĩa 2.4.2. Cách tìm hạng của ma trận	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.3; 2.4; [2]: Mục 3.3; 3.5. - Làm bài tập chương 2 trong [1]: Bài 2.4; 2.8÷2.13.
4	2.5. Hệ phương trình tuyến tính 2.5.1. Các khái niệm cơ bản 2.5.2. Các dạng hệ phương trình tuyến tính 2.5.3. Các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.5; [2]: Mục 3.4. - Làm bài tập chương 2 trong [1]: Bài 2.14 - 2.17.
5	Chương 3: Không gian vector R^n Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được định nghĩa không gian vector số học n chiều và không gian con. - Chứng minh được một tập là không gian con của không gian vector và tìm được số	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.1; 3.2; [2]: Mục 5.1. - Làm bài tập chương 3 trong [1]: Bài 3.1; 3.2; 3.11.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực Hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	chiều của không gian con. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để chứng minh hệ vector là cơ sở của không gian vector và tìm được tọa độ của vector đối với cơ sở. Nội dung cụ thể: 3.1. Vector n chiều 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Các phép toán vector 3.2. Không gian vector số học n chiều. Không gian Euclide 3.2.1. Không gian vector số học n chiều 3.2.2. Không gian con 3.2.3. Không gian Euclide				
6	3.3. Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector 3.3.1. Tổ hợp tuyến tính 3.3.2. Hệ vector độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.3; [2]: Mục 5.2. - Làm bài tập chương 3 trong [1]: 3.3 - 3.5.
7	3.4. Cơ sở, số chiều của không gian vector 3.4.1. Các khái niệm 3.4.2. Tọa độ của vector đối với cơ sở 3.5. Hạng của một hệ vector 3.5.1. Định nghĩa 3.5.2. Cách tính hạng của hệ vector	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.4; 3.5; [2]: Mục 5.3; 5.7. - Làm bài tập chương 3 trong [1]: 3.6 - 3.10.
8	Kiểm tra giữa học phần	03		[1] [2]	Tham gia kiểm tra giữa học phần.
9	Chương 4. Ánh xạ tuyến tính Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể:	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 4.1; 4.2; [2]: Mục 6.1; 6.2. - Làm bài tập chương

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực Hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Hiểu được định nghĩa ánh xạ tuyến tính, ảnh và ma trận của ánh xạ tuyến tính. - Tìm được ảnh và ma trận của ánh xạ tuyến tính. - Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tìm được trị riêng và vector riêng của ma trận. Nội dung cụ thể: 4.1. Khái niệm ánh xạ tuyến tính 4.1.1. Định nghĩa 4.1.2. Các phép toán 4.1.3. Tính chất của ánh xạ tuyến tính 4.2. Hạt nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính				4 trong [1]: Bài 4.1; 4.2.
10	4.3. Ma trận của ánh xạ tuyến tính 4.3.1. Ma trận của ánh xạ tuyến tính đối với hai cơ sở 4.3.2. Ma trận của phép biến đổi tuyến tính đối với một cơ sở 4.4. Trị riêng và vector riêng 4.4.1. Trị riêng và vector riêng của ma trận 4.4.2. Trị riêng và vector riêng của phép biến đổi tuyến tính	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 4.3; 4.4; [2]: Mục 6.3; 7.1. - Làm bài tập chương 4 trong [1]: Bài 4.3 - 4.7. - Ôn tập chương 3+4
11	Chương 5: Hàm số một biến số Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được định nghĩa giới hạn, liên tục. - Sử dụng được: Các giới hạn cơ bản, qui tắc L'Hospital để	03		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 5.1; 5.2; 5.3; [3]: Mục 2.1; 3.3. - Làm bài tập chương 5 trong [1]: Bài 5.1- 5.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực Hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	khử các dạng vô định. - Tính được đạo hàm và vi phân. Nội dung cụ thể: 5.1. Khái niệm về hàm số 5.1.1. Định nghĩa hàm số 5.1.2. Hàm số đơn điệu, chẵn, lẻ, tuần hoàn 5.1.3. Hàm số hợp 5.1.4. Hàm số ngược 5.1.5. Hàm sơ cấp 5.2. Giới hạn của dãy số 5.2.1. Các định nghĩa về dãy số 5.2.2. Giới hạn của dãy số 5.3. Giới hạn hàm số 5.3.1. Các định nghĩa 5.3.2. Các phép toán 5.3.3. Các định lý 5.3.4. Một số giới hạn đáng chú ý				
12	5.4. Hàm số liên tục 5.4.1. Các định nghĩa 5.4.2. Các phép toán về hàm số 5.4.3. Tính chất của hàm số liên tục 5.5. Đạo hàm 5.5.1. Các định nghĩa 5.5.2. Các quy tắc tính đạo hàm 5.5.3. Đạo hàm của hàm số sơ cấp 5.5.4. Đạo hàm cấp cao. Công thức Taylor 5.5.5. Ứng dụng của đạo hàm 5.6. Vi phân 5.6.1. Định nghĩa	03		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 5.4; 5.5; 5.6; 5.7; [3]: Mục 3.5; 4.1; 4.2. - Làm bài tập chương 5 trong [1]: Bài 5.5- 5.11.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực Hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	5.6.2. Các quy tắc tính vi phân 5.6.3. Vi phân cấp cao 5.6.4. Ứng dụng của vi phân 5.7. Các định lý về hàm khả vi				
13	Chương 6: Chuỗi Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được định nghĩa chuỗi số và chuỗi lũy thừa. - Hiểu được khái niệm bán kính hội tụ, miền hội tụ của chuỗi lũy thừa. - Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tìm được miền hội tụ của chuỗi lũy thừa. Nội dung cụ thể: 6.1. Chuỗi số 6.1.1. Đại cương về chuỗi số 6.1.2. Chuỗi số dương 6.1.3. Chuỗi đan dấu 6.1.4. Chuỗi số có dấu bất kì	03		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 6.1; [3]: Mục 8.1; 8.2; 8.3. - Làm bài tập chương 6 trong [1]: Bài 6.1÷ 6.5.
14	6.2. Chuỗi lũy thừa 6.2.1. Định nghĩa 6.2.2. Bán kính hội tụ, miền hội tụ 6.2.3. Các tính chất của chuỗi lũy thừa 6.2.4. Khai triển một hàm thành chuỗi lũy thừa 6.2.5. Ứng dụng của chuỗi lũy thừa để tính gần đúng	03		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 6.2; [3]: Mục 8.6. - Làm bài tập chương 6 trong [1]: Bài 6.6. - Ôn tập chương 5 + 6
15	6.3. Chuỗi Fourier 6.3.1. Định nghĩa 6.3.2. Điều kiện đủ để hàm $f(x)$ khai triển được thành chuỗi Fourier	03		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 6.3; [3]: Mục 8.7. - Làm bài tập chương

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực Hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	6.3.3. Khai triển Fourier				6 trong [1]: Bài 6.7.
16	Ôn và thi kết thúc học phần			[1] [2] [3]	Ôn tập theo đề cương hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Tuyên

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Viết Tuấn

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TOÁN CAO CẤP 2

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

1. Tên học phần: Toán cao cấp 2
2. Mã học phần: TOAN 102
3. Số tín chỉ: 3 (3,0)
4. Trình độ sinh viên: Năm thứ nhất.
5. Phân bố thời gian:
 - Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành.
 - Tự học: 90 giờ.
6. Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp 1.
7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Kiều Hiền	0985 330 644	nguyenkieuhien@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hồng	0977 260 832	nguyenhong.sd@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Huệ	0977 944 536	minhhuesado@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	0988 101 489	diephuyendhsado@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Việt Tuấn	0978 235 234	nguyentuandhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Toán cao cấp 2 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Tích phân của hàm một biến số, ứng dụng của tích phân; hàm nhiều biến: các khái niệm cơ bản, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến.

- Đạo hàm và vi phân, hàm thuần nhất, hàm ẩn, cực trị của hàm nhiều biến, tích phân kép và tích phân đường, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày cơ bản về các nội dung sau:	1	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	- Tích phân của hàm một biến số, ứng dụng của tích phân; hàm nhiều biến: các khái niệm cơ bản, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến. - Đạo hàm và vi phân, hàm thuần nhất, hàm ẩn, cực trị của hàm nhiều biến, tích phân kép và tích phân đường, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai.		
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng phân tích, tính toán, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về: Nguyên hàm, tích phân xác định, tích phân suy rộng của hàm một biến; Các ứng dụng của tích phân xác định; Giới hạn kép, sự liên tục, đạo hàm, vi phân và cực trị của hàm nhiều biến; Tích phân kép, tích phân đường loại 1, tích phân đường loại 2; Phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2, hệ phương trình vi phân.	3	[1.2.2.3]
MT3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1] [1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Viết được biểu thức tích phân xác định, tích phân suy rộng của hàm 1 biến.	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Trình bày được các phương pháp tính tích phân cơ bản và các ứng dụng của tích phân xác định.		
CĐR1.3	Phát biểu được định nghĩa giới hạn kép, tính liên tục, vector gradient, đạo hàm theo hướng.		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.4	Trình bày được khái niệm và phương pháp tìm cực trị của hàm hai biến.		
CĐR1.5	Phát biểu được định nghĩa, các tính chất của tích phân kép, tích phân đường loại 1, tích phân đường loại 2.		
CĐR1.6	Trình bày được cách tính tích phân kép trong hệ tọa độ Oxy và hệ tọa độ cực, cách tính tích phân đường loại I, tích phân đường loại II.		
CĐR1.7	Trình bày được cách ứng dụng của tích phân hàm nhiều biến.		
CĐR1.8	Viết được các dạng của phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2, hệ phương trình vi phân.		
CĐR1.9	Trình bày được các phương pháp để giải phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Sử dụng bảng nguyên hàm và các phương pháp tính tích phân tính được các dạng tích phân xác định, tích phân suy rộng.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Ứng dụng tích phân xác định giải quyết được các bài toán về tính diện tích, thể tích.		
CĐR2.3	Tính được giới hạn cơ bản, xét tính liên tục hàm nhiều biến.		
CĐR2.4	Tính được đạo hàm riêng và vi phân hàm nhiều biến. Xác định được vector gradien và đạo hàm theo hướng.		
CĐR2.5	Tìm được cực trị của hàm hai biến.		
CĐR2.6	Sử dụng được các tính chất của tích phân kép, tích phân bội, tích phân đường loại 1, tích phân đường loại 2 để đưa được các tích phân nhiều biến về thành các tích phân xác định.		
CĐR2.7	Tính được phân kép, tích phân đường loại I, tích phân đường loại II và áp dụng cách tính tích phân hàm nhiều biến vào các bài toán ứng dụng thực tiễn.		
CĐR2.8	Nhận dạng được các phương trình vi phân cấp 1,		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	áp dụng được cách giải tương ứng.		
CĐR2.9	Xác định được dạng nghiệm tổng quát của phương trình thuần nhất. Tìm được nghiệm riêng của phương trình vi phân tuyến tính.		
CĐR2.10	Nghiêm túc, tích cực, cẩn thận, trung thực trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra, làm bài thi.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1] [2.3.2]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																							
		CDR1										CDR2										CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 1.9	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4	
1	Chương 1: Tích phân hàm một biến 1.1. Tích phân bất định 1.2. Tích phân xác định 1.3. Tích phân suy rộng 1.4. Ứng dụng của tích phân	x	x								x	x									x	x	x	x	x
2	Chương II: Hàm nhiều biến số 2.1. Các khái niệm cơ bản 2.2. Giới hạn và liên tục 2.3. Đạo hàm và vi phân toàn phần 2.4. Cực trị			x	x								x	x	x						x	x	x	x	x
3	Chương 3: Tích phân hàm nhiều biến 3.1. Tích phân kép 3.2. Tích phân đường					x	x	x								x	x				x	x	x	x	x
4	Chương 4: Phương trình vi phân 4.1. Đại cương về phương trình vi phân 4.2. Phương trình vi phân cấp một 4.3. Phương trình vi phân cấp hai 2.4. Hệ phương trình vi phân cấp một								x	x								x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, làm bài tập ở nhà, chuyên cần của sinh viên	- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận. - Chuẩn bị bài tập về nhà.	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	Kiểm tra tự luận 01 bài (90 phút)	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Thi tự luận 01 bài (90 phút)	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- **Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận:**

- Tổ chức: Giảng viên lập danh sách sinh viên nhằm theo dõi và đánh giá ý thức, thái độ tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình học tập.

- Nội dung: Đánh giá ý thức của sinh viên trong việc tham gia đầy đủ các buổi học có sự hướng dẫn của giảng viên, ý thức trong giờ học thông qua mức độ tham gia và sẵn sàng tham gia thảo luận của sinh viên.

- Hướng dẫn đánh giá: Chấm điểm dựa trên số buổi đi học và số lần phát biểu xây dựng bài học. Thang điểm 10.

- **Bài tập về nhà:**

- Tổ chức: Làm việc cá nhân và theo nhóm (mỗi nhóm 4 – 5 người).

- Nội dung: Sinh viên được yêu cầu làm 5 – 20 bài tập mỗi chương.

- Hướng dẫn đánh giá: Chấm điểm dựa trên lượng bài tập được giao. Thang điểm 10.

- **Kiểm tra giữa học phần:**

- Hình thức: Làm bài kiểm tra cá nhân, hình thức tự luận, thời gian làm bài kiểm tra là 90 phút.

- Nội dung kiểm tra: Nội dung kiểm tra bao quát các vấn đề: Tính tích phân, các bài toán ứng dụng tích phân, tính đạo hàm theo hướng, xác định vector gradient, bài toán về cực trị.

- Tổ chức đánh giá: Giảng viên giảng dạy chịu trách nhiệm chấm bài kiểm tra. Bài kiểm tra được thực hiện vào tuần thứ 7 của học phần. Thang điểm 10.

• **Thi kết thúc học phần:**

- Hình thức: Đề thi được chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi Toán cao cấp 2. Thời gian thi là 90 phút.

- Nội dung: Nội dung thi bao quát các chương của học phần.

- Tổ chức đánh giá: Bài thi được chấm 2 lượt độc lập bởi 2 giảng viên Bộ môn Toán. Thang điểm 10.

12. Phương pháp dạy và học

Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết: Giảng viên giải thích các khái niệm, định lý; lấy ví dụ và hướng dẫn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi.

- Đối với giờ bài tập: Giảng viên cho bài tập; khích lệ sinh viên lên bảng giải bài tập, yêu cầu cả lớp đưa ra nhận xét, sửa chữa để có lời giải hoàn chỉnh nhất.

- Đối với bài tập về nhà: Giảng viên tổ chức các nhóm; giao bài tập cho cá nhân, các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện.

13. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu bắt buộc, làm bài tập về nhà trước khi đến lớp.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần.
- Tham gia thi kết thúc học phần
- Dụng cụ học tập: Máy tính, vở ghi, bút, thước kẻ, ...

14. Tài liệu phục vụ học tập

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. *Toán cao cấp 2*, Đại học Sao Đỏ (2018).

- **Tài liệu tham khảo:**

[2] - Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng và Ngô Thu Lương (2010), *Toán cao cấp*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[3] - Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh (2010), *Toán cao cấp, tập 3*, NXB Giáo dục.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1: Tích phân hàm một biến Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được khái niệm tích phân bất định, tích phân xác định và tích phân suy rộng. - Viết được các tích phân bất định cơ bản. Trình bày được các phương pháp tính tích phân và ứng dụng của tích phân xác định. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tính được tích phân bất định, tích phân xác định. Nội dung cụ thể: 1.1. Tích phân bất định 1.1.1. Định nghĩa, tính chất 1.1.2. Bảng tích phân cơ bản 1.1.3. Các phương pháp tính tích phân bất định 1.1.4. Tích phân một số hàm đặc biệt	03		[1] [2]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 1: Bài 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, trong tài liệu [1].
2	1.2. Tích phân xác định 1.2.1. Định nghĩa tích phân xác định 1.2.2. Các tính chất của tích phân xác định 1.2.3. Công thức Newton-Leibniz 1.2.4. Các phương pháp tính tích phân xác định	03		[1] [2]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 1: Bài 1.5, tài liệu [1].
3	1.3. Tích phân suy rộng 1.3.1. Tích phân trên khoảng vô hạn 1.3.2. Tích phân của hàm số không bị chặn	03		[1] [2]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 1: Bài 1.6 -

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.4. Ứng dụng của tích phân 1.4.1. Tính diện tích hình phẳng 1.4.2. Tính độ dài đường cong 1.4.3. Tính thể tích của vật thể 1.4.4. Tính diện tích mặt tròn				1.10, trong tài liệu [1].
4	Chương 2: Hàm nhiều biến số Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được khái niệm đạo hàm riêng, đạo hàm theo hướng, vector gradien và cực trị hàm hai biến số. - Thực hiện được các phép tính đạo hàm riêng của hàm nhiều biến số. - Sử dụng định nghĩa để tính được vector gradien. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tìm được đạo hàm theo hướng. - Tìm được cực trị hàm hai biến bằng định lý cần và đủ. Nội dung cụ thể: 2.1. Các khái niệm cơ bản 2.1.1. Một số khái niệm trong không gian R^n 2.1.2. Hàm hai biến số 2.1.3. Hàm n biến số 2.2. Giới hạn và tính liên tục 2.2.1. Giới hạn hàm hai biến 2.2.2. Tính liên tục của hàm hai biến	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 2: Bài 2.1, trong tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	2.2.3. Giới hạn và liên tục của hàm n biến				
5	2.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần 2.3.1. Đạo hàm riêng 2.3.2. Vi phân toàn phần 2.3.3. Đạo hàm của hàm hợp, hàm ẩn 2.3.4. Đạo hàm theo hướng. Gradien	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 2: Bài 2.2 - 2.10, trong tài liệu [1].
6	2.4. Cực trị 2.4.1. Cực trị hàm hai biến 2.4.2. Cực trị có điều kiện 2.4.3. Cực trị của hàm n biến	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 2: 2.11 - 2.14 trong tài liệu [1].
7	Kiểm tra giữa học phần	03		[1] [2] [3]	Tham gia kiểm tra giữa học phần
8	Chương 3: Tích phân hàm nhiều biến Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được định nghĩa tích phân kép, tích phân bội ba. - Xác định được cận lấy tích phân. - Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tính được tích phân trong từng hệ tọa độ. - Hiểu được định nghĩa tích phân đường, tích phân mặt. - Sử dụng được các phương pháp xác định được cận lấy tích phân đường, tích phân	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 2: Bài 3.1, 3.3 tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	mặt. - Tính được tích phân đường, tích phân mặt. 3.1. Tích phân kép 3.1.1. Định nghĩa, ý nghĩa hình học, tính chất 3.1.2. Cách tính tích phân kép 3.1.2.1. Trong hệ tọa độ Oxy				
9	3.1.2.2. Trong tọa độ cực 3.1.3. Ứng dụng của tích phân kép	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 3: Bài 3.2, 3.4, 3.5 trong tài liệu [1].
10	3.2. Tích phân đường 3.2.1. Tích phân đường loại 1	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 3: Bài 3.6, 3.7, trong tài liệu [1].
11	3.2.2. Tích phân đường loại 2	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 3: Bài 3.8 - 3.11 trong tài liệu [1].
12	Chương 4: Phương trình vi phân Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được định nghĩa, dạng tổng quát của phương trình vi	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 4: Bài 4.1, 4.2 trong tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2. - Chứng minh được các công thức nghiệm tổng quát của phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để giải các phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2. 4.1. Đại cương về phương trình vi phân 4.2. Phương trình vi phân cấp 1 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Phương trình biến số phân ly 4.2.3. Phương trình đẳng cấp				
13	4.2.4. Phương trình vi phân tuyến tính cấp một 4.2.5. Phương trình Bernoulli 4.2.6. Phương trình vi phân toàn phần	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 4: Bài 4.3 ÷ 4.6 trong tài liệu [1].
14	4.3. Phương trình vi phân cấp 2 4.3.1. Định nghĩa 4.3.2. Phương trình cấp 2 giảm cấp 4.3.4. Phương trình tuyến tính cấp 2 hệ số hằng số	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 1: Bài 4.7 ÷ 4.9, trong tài liệu [1].
15	4.4. Hệ phương trình vi phân cấp 1 4.4.1. Hệ phương trình vi phân chuẩn tắc cấp một 4.4.2. Hệ phương trình vi phân tuyến tính hệ số hằng	03		[1] [3]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Làm bài tập chương 1: Bài 4.10 trong tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
16	Ôn và thi kết thúc học phần			[1] [2] [3]	Ôn tập theo đề cương hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần.

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Tuyên

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Viết Tuấn

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG 1

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật

- 1. Tên học phần:** Vật lý đại cương 1
- 2. Mã học phần:** VLY 101
- 3. Số tín chỉ:** 3 (2,1)
- 4. Trình độ sinh viên:** Năm thứ nhất.
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thí nghiệm.
 - Tự học: 90 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Ngọc Tú	0984 067 686	tunguyenngocdhsaodo@gmail.com
2	ThS. Mạc Thị Lê	0983 084 725	mtldhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Nội dung học phần Vật lý đại cương 1 gồm các phần:

Động học chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các loại chuyển động cơ học đặc biệt như chuyển động thẳng đều, chuyển động thẳng biến đổi đều, chuyển động tròn đều, chuyển động tròn biến đổi đều.

Động lực học chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các định luật của Newton, các định lý động lượng, định luật bảo toàn cơ năng, giải bài toán động lực học bằng phương pháp động lực học và phương pháp năng lượng.

Động lực học hệ chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các dạng chuyển động của vật rắn, phương trình mô tả và các đại lượng vật lý đặc trưng cho vật rắn quay quanh trục cố định.

Cơ học chất lưu: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các đại lượng vật lý, các phương trình và các nguyên lý đặc trưng cho chất lưu tĩnh và chất lưu chuyển động.

Nhiệt động lực học: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các định luật thực nghiệm chất khí, phương trình trạng thái của khí lý tưởng, các nguyên lý và ứng dụng của các nguyên lý nhiệt động lực học.

Thí nghiệm vật lý đại cương: Thực hiện một số bài thí nghiệm vật lý thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện, quang.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Cơ học: Động học chất điểm, động lực học chất điểm, động lực học hệ chất điểm, cơ học chất lưu. - Nhiệt học: Các định luật và nguyên lý về nhiệt động lực học. - Các bài thí nghiệm vật lý đại cương.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Khả năng phân tích, tính toán, giải thích và lập luận để giải quyết một số vấn đề về động học, động lực học chất điểm, nhiệt động lực học, lấy và xử lý số liệu thí nghiệm.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Sự cẩn thận, tuân thủ quy trình trong làm việc với các thiết bị.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được nội dung những khái niệm: Chuyển động, chất điểm, tọa độ, quỹ đạo, hệ quy chiếu, vận tốc, gia tốc, lực, động lượng, động năng, thế năng, cơ năng, vật rắn, chuyển	1	[2.1.3]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	động tịnh tiến, chuyển động quay, momen động lượng, áp suất, nhiệt độ.		
CĐR1.2	Phát biểu được nội dung và viết được biểu thức của các: Các định lý động lượng, định lý momen động lượng, định lý pascal, các nguyên lý của nhiệt động lực học.		
CĐR1.3	Phát biểu được nội dung và viết được biểu thức của các định luật: Định luật Newton, định luật bảo toàn động lượng, định luật bảo toàn cơ năng, định luật bảo toàn momen động lượng, định luật Becnuli, ba định luật thực nghiệm chất khí.		
CĐR1.4	Trình bày được quy trình làm của 11 bài thí nghiệm.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Giải được các bài toán xác định tốc độ, vận tốc trung bình, gia tốc trung bình.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Xác định được các thông số cơ bản trong các bài toán chuyển động thẳng đều, thẳng biến đổi đều, tròn đều.		
CĐR2.3	Tính được động lượng và sự biến thiên động lượng trong một số bài toán cụ thể.		
CĐR2.4	Xác định được công của lực không đổi, công suất của thiết bị.		
CĐR2.5	Tính được momen lực, momen quán tính, gia tốc góc của vật rắn quay quanh trục cố định.		
CĐR2.6	Tính được các thông số trạng thái của hệ nhiệt động, công và nhiệt hệ trao đổi trong các đẳng quá trình.		
CĐR2.7	Giải thích được một số hiện tượng vật lý điển hình như: Các dạng chuyển động cơ học đặc biệt, quy luật trong chuyển động cơ học đơn giản, hiện tượng súng giạt khi bắn, hiện tượng cân bằng vật rắn, ảnh hưởng của sự phân bố khối lượng đến tốc độ quay của vật rắn quanh trục quay cố định, sự tăng áp suất chất lỏng		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	theo độ sâu, sự ảnh hưởng diện tích tiết diện ống dòng đến tốc độ dòng chảy, nguyên lý làm việc của máy nâng thủy lực, tác dụng của đôi cánh trong quá trình máy bay chuyển động, mối liên hệ giữa P, V, T của một lượng khí trong bình chứa, sự chuyển hóa năng lượng trong các máy nhiệt.		
CDR2.8	Thực hiện được các bước thí nghiệm, lấy đúng và đầy đủ số liệu, xử lý chính xác.		
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Giải quyết các vấn đề trên cơ sở khách quan, duy vật.	3	[2.3.1]; [2.3.2]
CDR3.2	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.		
CDR3.3	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CDR3.4	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CDR3.5	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		
CDR3.6	Tuân thủ quy trình, nghiêm túc, cẩn thận.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																	
		CĐR1				CĐR2								CĐR3					
		CĐR1. 1	CĐR1. 2	CĐR1. 3	CĐR1. 4	CĐR2. 1	CĐR2. 2	CĐR2. 3	CĐR2. 4	CĐR2. 5	CĐR2. 6	CĐR2. 7	CĐR2. 8	CĐR3. 1	CĐR3. 2	CĐR3. 3	CĐR3. 4	CĐR3. 5	CĐR3. 6
1	Chương 1: Động học chất điểm 1.1. Một số khái niệm mở đầu 1.2. Tốc độ, vận tốc, vectơ vận tốc 1.3. Gia tốc, vectơ gia tốc 1.4. Một số dạng chuyển động cơ đặc biệt	X	X	X	X	X	X					X		X	X	X	X	X	
2	Chương 2. Động lực học chất điểm 2.1. Các định luật Newton 2.2. Các định lý về động lượng 2.3. Ứng dụng phương trình cơ bản của cơ học 2.4. Định luật hấp dẫn (Tự chọn) 2.5. Hệ quy chiếu 2.6. Cơ năng của chất điểm 2.7. Lý thuyết tương đối hẹp (Tự chọn)	X	X	X	X			X	X			X		X	X	X	X	X	
3	Chương 3. Động lực học hệ chất điểm 3.1. Khối tâm của hệ chất điểm	X	X	X	X					X		X		X	X	X	X	X	

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																	
		CĐR1				CĐR2								CĐR3					
		CĐR1. 1	CĐR1. 2	CĐR1. 3	CĐR1. 4	CĐR2. 1	CĐR2. 2	CĐR2. 3	CĐR2. 4	CĐR2. 5	CĐR2. 6	CĐR2. 7	CĐR2. 8	CĐR3. 1	CĐR3. 2	CĐR3. 3	CĐR3. 4	CĐR3. 5	CĐR3. 6
	3.2. Định luật bảo toàn động lượng 3.4. Mômen động lượng 3.5. Động năng của vật rắn quay																		
4	Chương 4. Cơ học chất lưu 4.1. Những khái niệm mở đầu 4.2. Chất lưu ở trạng thái nghỉ 4.3. Chất lưu lý tưởng ở trạng thái chuyển động 4.4. Sự chuyển động của chất lưu thực	X	X	X	X							X		X	X	X	X	X	
5	Chương 5. Nhiệt động lực học 5.1. Một số khái niệm mở đầu 5.2. Các định luật thực nghiệm về chất khí 5.3. Phương trình trạng thái của khí lý tưởng 5.4. Nội năng của hệ nhiệt động. Công và nhiệt. 5.5. Nguyên lý thứ không của nhiệt động lực học. (Tự chọn)	X	X	X	X						X	X		X	X	X	X	X	

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																	
		CĐR1				CĐR2								CĐR3					
		CĐR1. 1	CĐR1. 2	CĐR1. 3	CĐR1. 4	CĐR2. 1	CĐR2. 2	CĐR2. 3	CĐR2. 4	CĐR2. 5	CĐR2. 6	CĐR2. 7	CĐR2. 8	CĐR3. 1	CĐR3. 2	CĐR3. 3	CĐR3. 4	CĐR3. 5	CĐR3. 6
	5.6. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học 5.7. Ứng dụng nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học 5.8. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động học																		
6	Thí nghiệm Vật lý đại cương												X						X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm chuyên cần.	- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận. - Mức độ hoàn thành bài tập về nhà và báo cáo thí nghiệm.	20%	
2	Điểm kiểm tra giữa học phần.	Kiểm tra tự luận 01 bài	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần.	Thi trắc nghiệm trên máy tính 01 bài.	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá chuyên cần: Vấn đáp/báo cáo thí nghiệm.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận.
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm.

12. Phương pháp dạy và học

- Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết: Giảng viên giải thích các khái niệm, định lý, định luật; lấy ví dụ và hướng dẫn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi.

- Đối với giờ bài tập: Giảng viên cho bài tập; khích lệ sinh viên lên bảng giải bài tập, yêu cầu cả lớp đưa ra nhận xét, sửa chữa để có lời giải hoàn chỉnh nhất.

- Thí nghiệm vật lý đại cương: Giảng viên hướng dẫn quy trình làm thí nghiệm, sinh viên lắng nghe kết hợp nghiên cứu tài liệu hướng dẫn thí nghiệm để tiến hành làm thí nghiệm, lấy số liệu, xử lý số liệu.

- Đối với bài tập về nhà: Giảng viên tổ chức các nhóm; giao bài tập cho cá nhân, các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện.

13. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Đọc và nghiên cứu tài liệu bắt buộc, làm bài tập về nhà trước khi đến lớp.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần.
- Tham gia thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Máy tính, vở ghi, bút, thước kẻ, ...

14. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]- *Giáo trình Vật lý đại cương 1*, Đại học Sao Đỏ (2016).

[2]- *Giáo trình Thí nghiệm Vật lý đại cương*, Đại học Sao Đỏ (2016).

- **Tài liệu tham khảo:**

[3]-David Haliday (2016), *Cơ sở Vật lý tập 1*, NXB Giáo dục.

[4]-David Haliday (2016), *Cơ sở Vật lý tập 2*, NXB Giáo dục.

[5]-Lương Duyên Bình (2016), *Vật lý đại cương tập 1*, NXB Giáo dục.

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1: Động học chất điểm Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Trình bày được khái niệm cơ bản về chuyển động, chất điểm, hệ chất điểm, hệ quy chiếu. - Trình bày được định nghĩa vận tốc, tốc độ, gia tốc. - Viết được các phương trình cơ bản của các loại chuyển động cơ đặc biệt. - Vận dụng các công thức tốc độ, vận tốc, gia tốc, phương trình chuyển động cơ đặc biệt để giải các bài toán liên quan. Nội dung cụ thể: 1.1. Một số khái niệm mở đầu	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 1.1÷1.2. [2]: Bài 0. [3]: Tập 1, Mục 2-1÷2-4, Mục 4-1÷4-3. - Làm bài tập: Chương 1, mục 1.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.2. Tốc độ, vận tốc, vectơ vận tốc Thí nghiệm: Sai số của phép đo các đại lượng vật lý.				
2	1.3. Gia tốc, vectơ gia tốc 1.4. Một số dạng chuyển động cơ đặc biệt Thí nghiệm: Hướng dẫn sử dụng một số dụng cụ đo cơ bản.	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 1.3÷1.4. [2]: Bài 0. [3]: Tập 1, Mục 2-5÷2-8, Mục 4-5÷4-9 - Làm bài tập: Chương 1, mục 1.3, 1.4.
3	Chương 2. Động lực học chất điểm Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Trình bày được các khái niệm cơ bản về động lượng, không gian thời gian. - Trình bày và viết được biểu thức định lý động lượng, công thức cộng vận tốc, cộng gia tốc. - Trình bày và viết được biểu thức định luật newton, định luật bảo toàn cơ năng. - Trình bày được quy trình và vận dụng giải bài toán bằng phương pháp động lực học. - Vận dụng được các định luật Newton để giải quyết một số vấn đề liên quan. Nội dung cụ thể: 2.1. Các định luật Newton 2.2. Các định lý về động lượng Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.1÷2.2. [2]: Bài 1. [3]: Tập 1, Mục 5-2÷5-8 - Làm bài tập: Chương 2, mục 2.1, 2.2. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 1.
4	2.3. Ứng dụng phương trình cơ bản của cơ học 2.4. Định luật hấp dẫn (<i>Tự chọn</i>)	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.3÷2.5. [2]: Bài 2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	2.5. Hệ quy chiếu Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.				[3]: Tập 1, Mục 6-1÷6-5. Mục 7-8 - Làm bài tập: Chương 2, mục 2.4, 2.5. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 2.
5	2.6. Cơ năng của chất điểm 2.7. Lý thuyết tương đối hẹp (Tự chọn) Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.6÷2.7. [2]: Bài 3. [3]: Tập 1, Mục 7-2÷7-7. - Làm bài tập: Chương 2, mục 2.6. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 3.
6	Chương 3. Động lực học hệ chất điểm Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Trình bày được các khái niệm cơ bản khối tâm, tọa độ khối tâm, chuyển động tịnh tiến, chuyển động quay, động lượng. - Viết được biểu thức tọa độ khối tâm, động năng quay, phương trình chuyển động quay. - Trình bày và viết được biểu thức định luật bảo toàn động lượng, bảo toàn momen động lượng. - Vận dụng được các định lý, định luật bảo toàn động lượng, momen động lượng để giải quyết một số vấn đề liên quan. Nội dung cụ thể: 3.1. Khối tâm của hệ chất điểm	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.1÷3.2 [2]: Bài 4. [3]: Tập 1, Mục 9-2÷9-6. - Làm bài tập: Chương 3, mục 3.1, 3.2. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 4.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	3.2. Định luật bảo toàn động lượng Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.				
7	3.3. Chuyển động của vật rắn Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.3. [2]: Bài 5. [4]: Tập 2, Mục 11-2÷11-9. - Làm bài tập: Chương 3, mục 3.3. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 5.
8	Kiểm tra giữa học phần Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.	02	02	Đề cương ôn tập [2]	Làm đề cương ôn tập. [2]: Bài 6 - Làm báo cáo thí nghiệm bài 6.
9	3.4. Mômen động lượng Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.4. [2]: Bài 7. [3]: Tập 2, Mục 12-4÷12-9. - Làm bài tập: Chương 3, mục 3.4.
10	3.5. Động năng của vật rắn quay Chương 4. Cơ học chất lưu Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Trình bày được các khái niệm cơ bản về chất lưu. - Viết được các biểu thức của áp suất thủy tĩnh, nguyên lý pascal, pt liên tục. - Áp dụng được các kiến thức về chất lưu giải quyết một số vấn đề liên quan. Nội dung cụ thể: 4.1. Những khái niệm mở đầu	02	02	[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.5, Mục 4.1÷4.2. [2]: Bài 8. [3]: Tập 2, Mục 16-1÷16-6. - Làm bài tập: Chương 4, mục 4.1, 4.2. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 7.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	4.2. Chất lưu ở trạng thái nghỉ Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.				
11	4.3. Chất lưu lý tưởng ở trạng thái chuyển động 4.4. Sự chuyển động của chất lưu thực Chương 5. Nhiệt động lực học Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Trình bày được những khái niệm cơ bản về nhiệt độ, áp suất, khí lý tưởng, nội năng, quá trình đẳng nhiệt, đẳng tích, đẳng áp, đoạn nhiệt, máy nhiệt. - Viết được biểu thức của các định luật thực nghiệm chất khí, PTTT, các nguyên lý 1, 2 NĐLH. - Vận dụng được các nguyên lý NĐLH để giải quyết một số vấn đề liên quan. Nội dung cụ thể: 5.1. Một số khái niệm mở đầu Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.	02	02	[1] [2] [4] [5]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 4.3-4.4, Mục 5.1). [2]: Bài 9. [4]: tập 2, Mục 16-7÷16-12. [5]: (tr142-tr144). - Làm bài tập: Chương 4, 5, mục 4.3, 4.4, 5.1. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 8.
12	5.2. Các định luật thực nghiệm về chất khí 5.3. Phương trình trạng thái của khí lý tưởng Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.	02	02	[1] [2] [5]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 5.2÷5.3 [2]: Bài 10 [5]: (tr144-tr150). - Làm bài tập: Chương 5, mục 5.2, 5.3. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 9.
13	5.4. Nội năng của hệ nhiệt động. Công và nhiệt. 5.5. Nguyên lý thứ không của nhiệt động lực học. (Tự chọn)	02	02	[1] [2] [5]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 5.4÷5.6 [2]: Bài 11 [5]: (tr150-tr166).

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	5.6. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học Thí nghiệm: Bài thí nghiệm được phân công.				- Làm bài tập: Chương 5, mục 5.4, 5.6. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 10.
14	5.7. Ứng dụng nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học Thí nghiệm: Ôn tập.	02	02	[1] [2] [5]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 5.7 [2]: 11 bài TN [5]: (tr167-tr177). - Làm bài tập: Chương 5, mục 5.7. - Làm báo cáo thí nghiệm bài 11.
15	5.8. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động học Thí nghiệm: giảng viên đánh giá quá trình làm thí nghiệm của từng sinh viên.	02	02	[1] [5]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 5.8 [5]: (tr177-tr197). - Làm bài tập: Chương 5, mục 5.8.
16.	Ôn và thi kết thúc học phần			[1]	Ôn tập theo đề cương, hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Tuyên

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Ngọc Tú

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG 2

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật

1. Tên học phần: Vật lý đại cương 2

2. Mã học phần: VLY 102

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bổ thời gian:

- **Lên lớp:** 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành.

- **Tự học:** 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Vật lý đại cương 1.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Ngọc Tú	0984067 686	tunguyenngocdhsaodo@gmail.com
2	ThS. Mạc Thị Lê	0983084 725	mtldhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung học phần:

Nội dung học phần này trình bày những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Điện từ trường: Điện trường tĩnh, từ trường tĩnh, điện từ trường biến thiên

- Dao động và sóng: Dao động và sóng cơ học, dao động và sóng điện từ

- Quang học: Tính chất sóng ánh sáng qua các hiện tượng: Giao thoa, nhiễu xạ, phân cực ánh sáng. Tính chất hạt ánh sáng qua hiện tượng bức xạ nhiệt, hiện tượng quang điện.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Trường tĩnh điện: Lực tĩnh điện, cường độ điện trường, điện thông, phương pháp tính cường độ	1	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	điện trường, điện thế, vật dẫn trong điện trường, năng lượng điện trường. - Trường tĩnh từ: Lực từ, véc tơ cảm ứng từ, từ thông, phương pháp tính cường độ từ trường, chuyển động của các hạt tích điện trong từ trường. - Điện từ trường biến thiên: Hiện tượng cảm ứng điện từ, hiện tượng tự cảm, hồ cảm, năng lượng từ trường, hệ thống các phương trình Maxell. - Dao động và sóng: Các loại dao động và sóng cơ học; Dao động và sóng điện từ. - Quang học: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính chất sóng, tính chất hạt của ánh sáng, cụ thể: Hiện tượng giao thoa, nhiễu xạ, phân cực, quang điện, bức xạ nhiệt.		
MT2	Kỹ năng		
	- Vận dụng được kiến thức học tập trên lớp giải thích được các hiện tượng vật lý thường gặp trong đời sống liên quan, nguyên tắc hoạt động của một số thiết bị khoa học kỹ thuật. - Vận dụng được lý thuyết giải được các bài tập liên quan phần trường tĩnh điện, trường tĩnh từ, điện từ trường biến thiên, dao động và sóng, quang học sóng, thuyết lượng tử và bức xạ nhiệt.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	- Tích cực, chủ động liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn cuộc sống. - Nhận thức được vị trí, vai trò nền tảng của các kiến thức điện từ học, dao động sóng, quang học với các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành. - Tự nghiên cứu tài liệu, phát hiện các vấn đề, giải quyết các vấn đề thông qua quá trình thảo luận, làm việc nhóm, hình thành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được nội dung những khái niệm về: Trường tĩnh điện, trường tĩnh từ, điện từ trường biến thiên, dao động và sóng, cơ sở quang học sóng, thuyết lượng tử và bức xạ nhiệt.	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Trình bày được nội dung của các định lý, nguyên lý: Hệ thức liên hệ E-V, định lý Ampe về dòng điện toàn phần, nguyên lý Huyghen-Fresnel.		
CĐR1.3	Trình bày và viết được biểu thức của các định luật và thuyết: Định luật Colong, định luật O-G, định luật Ôm, định luật Kirchhoff, định luật Ampe, định luật Gauss, định luật B-S-L, định luật Lenx, định luật cơ bản của hiện tượng cảm ứng điện từ, thuyết điện từ về sóng ánh sáng, định luật Malus, thuyết lượng tử Planck, định luật Stefan-Bonzman, định luật Wien, thuyết photon của Anhstanh.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Tính được lực tương tác giữa 2 điện tích điểm, 1 hệ điện tích điểm trong bài toán cụ thể.	3	[2.2.1]
CĐR2.2	Tính được giá trị cường độ điện trường gây bởi 1 điện tích điểm, 1 hệ điện tích điểm.		
CĐR2.3	Tính được điện thông qua một diện tích bất kì, diện tích kín.		
CĐR2.4	Xác định được điện thế gây bởi 1 điểm, 1 hệ điện tích điểm trong bài toán đơn giản.		
CĐR2.5	Vận dụng kiến thức về vật dẫn cân bằng tĩnh điện giải thích được một số ứng dụng thực tế liên quan như màn chắn tĩnh điện, cột chống sét...		
CĐR2.6	Tính được lực từ tác dụng lên dòng điện thẳng, tác dụng lên một hạt điện tích chuyển động trong từ trường.		
CĐR2.7	Tính được từ trường gây ra bởi dòng điện thẳng, từ trường gây bởi nhiều dòng điện trong bài toán đơn		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	giản. Vận dụng định lý Ampe xác định được từ trường của hình xuyên, từ trường ống dây thẳng.		
CĐR2.8	Giải được các bài tập tính suất điện động cảm ứng, suất điện động tự cảm, tính được độ tự cảm của ống dây thẳng.		
CĐR2.9	Tính được năng lượng từ trường của ống dây thẳng, mật độ năng lượng từ trường.		
CĐR2.10	Xác định được phương trình, tần số, chu kì, năng lượng dao động điều hòa trong bài toán cụ thể (cơ học, điện từ).		
CĐR2.11	Phân biệt được sóng điện từ, sóng cơ học, xác định được các đại lượng đặc trưng của sóng.		
CĐR2.12	Giải được các bài tập liên quan đến giao thoa ánh sáng như xác định vị trí vân sáng, vân tối, khoảng vân.		
CĐR2.13	Giải được một số bài toán liên quan đến nhiễu xạ sóng cầu qua lỗ tròn, tính vị trí cực tiểu nhiễu xạ của sóng phẳng qua một khe hẹp.		
CĐR2.14	Giải được các bài tập liên quan định luật dịch chuyển Wien, định luật Stefan - Boltzman		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và sinh viên khác trong quá trình học tập và làm bài tập	3	[2.3.1]; [2.3.2]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu tài liệu theo nhiệm vụ mà giảng viên yêu cầu		
CĐR3.3	Có khả năng phân công nhiệm vụ, làm việc nhóm hiệu quả		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																				
		CDR1			CDR2														CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 2.13	CDR 2.14	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	Chương 1. Điện trường tĩnh 1.1. Điện tích (phần tự chọn) 1.2. Định luật Culông (Coulomb) 1.3. Khái niệm điện trường, cường độ điện trường. 1.4. Điện thông 1.5. Định luật Gauss 1.6. Điện thế 1.7. Liên hệ giữa véctơ cường độ điện trường 1.8. Vật dẫn trong điện trường 1.9. Năng lượng điện trường 1.10. Sự phân cực điện môi (phần tự chọn) 1.11. Véctơ phân cực điện môi, điện trường tổng hợp trong chất điện môi (phần tự chọn) 1.12. Một số ứng dụng của lực tĩnh điện (phần tự chọn)	X	X	X	X	X	X	X	X										X	X	X	X
2	Chương 2. Trường tĩnh từ 2.1. Dòng điện, mật độ dòng điện, định luật ôm	X	X	X						X	X	X	X						X	X	X	X

	2.2. Nguồn điện. định luật ôm tổng quát 2.3. Tương tác từ, định luật Ampe, véctơ cảm ứng từ, véctơ cường độ từ trường, định luật Bio-Savart-Laplatx 2.4. Từ thông, Định lý Ôtrôgratxki-Gaox 2.5. Định lý Ampere về dòng điện toàn phần 2.6. Tác dụng của từ trường lên dòng điện 2.7. Chuyển động của hạt tích điện trong từ trường																					
3	Chương 3. Điện từ trường biến thiên 3.1. Định luật cơ bản của hiện tượng cảm ứng điện từ 3.2. Hiện tượng tự cảm và hiện tượng hồ cảm 3.3. Năng lượng từ trường 3.4. Hệ thống phương trình Max	x	x	x									x						x	x	x	x
4	Chương 4. Dao động và sóng 4.1. Dao động và sóng cơ học 4.2. Dao động và sóng điện từ	x	x	x										x	x				x	x	x	x
5	Chương 5. Cơ sở của quang học sóng	x	x	x												x			x	x	x	x

	5.1. Thuyết điện từ về sóng ánh sáng 5.2. Giao thoa ánh sáng 5.3. Nhiễu xạ ánh sáng 5.4. Phân cực ánh sáng (phần tự chọn)																					
6	Chương 6. Thuyết lượng tử và bức xạ nhiệt 6.1. Bức xạ nhiệt 6.2. Thuyết lượng tử Planck 6.3. Thuyết phôtôn của Anhxtanh (phần tự chọn)	x	x	x														x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	Điểm chuyên cần.	- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận nhóm trên lớp. - Bài tập về nhà, bài tập thảo luận nhóm ở nhà.	20%	
2.	Điểm kiểm tra giữa học phần.	Kiểm tra tự luận 01 bài (90 phút)	30%	
3.	Điểm thi kết thúc học phần.	Thi trắc nghiệm trên máy tính 01 bài (60 phút)	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận.
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm.

12. Phương pháp dạy và học

- Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết: Giảng viên nêu vấn đề, yêu cầu sinh viên liên hệ hiện tượng thực tế liên quan, từ đó liên hệ các định luật, định lý liên quan giải thích các hiện tượng. Tích cực cho sinh viên thảo luận nhóm trên lớp để giải quyết vấn đề. Trong quá trình giảng dạy, phần nào liên quan đến kiến thức cơ sở ngành của sinh viên giảng viên cần nhấn mạnh làm rõ vị trí những kiến thức đó trong chương trình học của sinh viên sau này.

- Đối với giảng dạy bài tập: Hướng dẫn bài tập mẫu trên lớp, yêu cầu sinh viên làm bài tập liên quan trong giáo trình. Trong quá trình giải bài tập, vận dụng lý thuyết

để phân tích các hiện tượng, từ đó đưa ra cách giải. Khuyến khích sinh viên lên bảng chữa bài tập, các sinh viên nhận xét, đánh giá bài của bạn.

- Đối với bài tập về nhà: Giảng viên tổ chức các nhóm; giao bài tập cho cá nhân, các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện.

13. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Đọc và nghiên cứu tài liệu bắt buộc, làm bài tập về nhà trước khi đến lớp.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần.
- Tham gia thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Máy tính, vở ghi, bút, thước kẻ, ...

14. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]- *Giáo trình Vật lý đại cương 2*, Đại học Sao Đỏ (2018).

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]-David Haliday (2016), *Cơ sở Vật lý tập 4*, NXB Giáo dục.

[3]-David Haliday (2016), *Cơ sở Vật lý tập 5*, NXB Giáo dục.

[4]-David Haliday (2016), *Cơ sở Vật lý tập 6*, NXB Giáo dục.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1.	Chương 1. Điện trường tĩnh Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này sinh viên có thể: - Trình bày định luật Culong, biểu thức tính cường độ điện trường gây bởi 1 điện tích điểm, một hệ điện tích điểm, biểu thức tính điện thông qua một diện tích, một mặt kín. Nêu được khái niệm điện trường, điện thế, vật dẫn cân bằng tĩnh điện, tụ điện. - Tính được lực tương tác giữa các điện tích điểm, cường độ điện trường gây bởi 1 điện tích, 1 hệ điện tích, xác định được	02		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 1.1; 1.2; 1.3 [2]: Tập 4, Chương 24 - Làm bài tập trong [1] chương 1 mục 1.2; 1.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	điện thông gửi qua một điện tích, tính được điện thế gây bởi một điện tích, hệ điện tích, hiệu điện thế giữa 2 điểm trong điện trường - Vận dụng giải thích được một số ứng dụng liên quan trên thực tế như màn chắn tĩnh điện, cột chống sét.... Nội dung cụ thể: 1.1. Điện tích (<i>phần tự chọn</i>) 1.2. Định luật Culông (Coulomb) 1.3. Khái niệm điện trường, cường độ điện trường.				
2.	1.4. Điện thông 1.5. Định luật Gauss	02		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 1.4; 1.5 [2]: Tập 4, Chương 25 (từ 25-2 đến 25-11) - Làm bài tập trong [1] chương 1 mục 1.4; 1.5
3.	1.6. Điện thế 1.7. Liên hệ giữa vectơ cường độ điện trường và điện thế	02		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 1.6; 1.7 [2]: Tập 4, Chương 26 - Làm bài tập trong [1] chương 1, mục 1.6; 1.7
4.	1.8. Vật dẫn trong điện trường 1.9. Năng lượng điện trường 1.10. Sự phân cực điện môi (<i>phần tự chọn</i>)	02		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 1.8 - 1.12

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.11. Véc tơ phân cực điện môi, điện trường tổng hợp trong chất điện môi (phần tự chọn) 1.12. Một số ứng dụng của lực tĩnh điện (phần tự chọn)				[2]: Tập 4, Chương 27 - Làm bài tập trong [1] chương 1, mục 1.8.
5.	Chương 2. Trường tĩnh từ Mục tiêu của chương: Sau khi học xong chương này sinh viên sẽ: - Trình bày được các khái niệm dòng điện, mật độ dòng điện, định luật Ôm, các định luật Ampe, định luật Biot – Savart – Laplace, định lý Ampe về dòng điện toàn phần, lực Lorentz. - Xác định được các biểu thức tính cường độ dòng điện, mật độ dòng điện, lực từ tác dụng lên dòng điện, biểu thức tính cảm ứng từ của 1 phần tử dòng điện, cảm ứng từ gây bởi một dòng điện, phương pháp tính cường độ từ trường, biểu thức tính lực từ tác dụng lên điện tích chuyển động. - Vận dụng tính được cường độ dòng điện, tính lực từ tác dụng lên dòng điện thẳng, tính được cường độ từ trường gây bởi dòng điện bất kì, dòng điện trong ống dây hình xuyên, ống dây thẳng. - Liên hệ giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến dòng điện, chuyển động của hạt tích điện trong từ trường Nội dung cụ thể:	02		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 2.1; 2.2 [2]: Tập 4, Chương 28 - Làm bài tập trong [1] chương 2, mục 2.1; 2.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	2.1. Dòng điện, mật độ dòng điện, định luật ôm 2.2. Nguồn điện. định luật ôm tổng quát				
6.	2.3. Tương tác từ, định luật Ampe, vectơ cảm ứng từ, vectơ cường độ từ trường, định luật Bio-Savart-Laplatx	02		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: mục 2.3 [3]: Tập 5, Chương 30 - Làm bài tập chương 2 trong [1], mục 2.3
7.	2.4. Từ thông, Định lý Ôtrôgratxki-Gaox 2.5. Định lý Ampere về dòng điện toàn phần	02		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 2.4; 2.5. [3]: Tập 5, Chương 31 - Làm bài tập chương 2 trong [1], mục 2.4; 2.5
8.	Kiểm tra giữa học phần	02		[1]	Tham gia kiểm tra giữa học phần.
9.	2.6. Tác dụng của từ trường lên dòng điện 2.7. Chuyển động của hạt tích điện trong từ trường	02		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 2.6; 2.7 [3]: Tập 5, Chương 30 - Làm bài tập chương 2 trong [1], mục 2.6; 2.7
10.	Chương 3. Điện từ trường biến thiên Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này sinh viên có thể:	02		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 3.1; 3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Hiểu hiện tượng cảm ứng điện từ, hiện tượng tự cảm, hồ cảm. - Xác định biểu thức tính suất điện động cảm ứng, suất điện động tự cảm, năng lượng từ trường, mật độ năng lượng từ trường. - Tính được suất điện động cảm ứng, suất điện động tự cảm trong một số ví dụ cụ thể, tính được năng lượng từ trường của ống dây, mật độ năng lượng từ trường. - Vận dụng giải thích được một số ứng dụng thực tế liên quan như nguyên lý hoạt động máy phát điện 1 xoay chiều, ứng dụng dòng điện phuco, ứng dụng hiện tượng tự cảm, hồ cảm trên thực tế. Nội dung cụ thể: 3.1. Định luật cơ bản của hiện tượng cảm ứng điện từ 3.2. Hiện tượng tự cảm và hiện tượng hồ cảm				[3]: Tập 5, Chương 32 - Làm bài tập chương 3 trong [1], mục 3.1; 3.2.
11.	3.3. Năng lượng từ trường 3.4. Hệ thống phương trình Maxwell	02		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 3.3; 3.4 [3]: Tập 5, Chương 32 - Làm bài tập chương 3 trong [1], mục 3.3.
12.	Chương 4. Dao động và sóng Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này sinh viên có thể:	02		[1] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 4.1; 4.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Hiểu hiện tượng, điều kiện xảy ra dao động điều hòa, tắt dần, cưỡng bức (Dao động cơ học và dao động điện từ), các đại lượng đặc trưng và năng lượng dao động điều hòa (cơ học, điện từ) - Hiểu khái niệm sóng cơ học, sóng điện từ; phân biệt được sóng cơ học và sóng điện từ. - Vận dụng giải được một số bài tập liên quan đến dao động điều hòa (cơ học, điện từ), bài tập về sóng cơ học, cường độ sóng điện từ. - Liên hệ các ví dụ thực tế các hiện tượng liên quan đến dao động và sóng: dao động cơ học, hiện tượng cộng hưởng, mạch LC, sóng cơ học và sóng điện từ trên thực tế. Nội dung cụ thể: 4.1. Dao động và sóng cơ học 4.2. Dao động và sóng điện từ				[3]: Tập 5, Chương 17 - Làm bài tập chương 4 trong [1], mục 4.2; 4.2.
13.	Chương 5. Cơ sở của quang học sóng Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này sinh viên có thể: - Hiểu nội dung thuyết điện từ về sóng ánh sáng, hiện tượng giao thoa ánh sáng, điều kiện xảy ra hiện tượng giao thoa ánh sáng, hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng qua 1 lỗ tròn, qua khe hẹp. - Vận dụng xác định được điều kiện để có cực đại, cực tiểu trường hợp tổng quát, xác định được vị trí vân sáng, vân tối,	02		[1] [4]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 5.1; 5.2. [4]: Tập 6, Chương 40 - Làm bài tập chương 5 trong [1], mục 5.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	khoảng vân trong bài toán cụ thể, xác định các trường hợp có thể xảy ra khi nhiễu xạ của sóng cầu qua lỗ tròn, tính được vị trí cực tiểu nhiễu xạ qua một khe hẹp. - Liên hệ các hiện tượng giao thoa, nhiễu xạ trên thực tế. Nội dung cụ thể: 5.1. Thuyết điện từ về sóng ánh sáng 5.2. Giao thoa ánh sáng				
14.	5.3. Nhiễu xạ ánh sáng 5.4. Phân cực ánh sáng (phần tự chọn)	02		[1] [4]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 5.3; 5.4. [4]: Tập 6, Chương 41 - Làm bài tập chương 5 trong [1], mục 5.3.
15.	Chương 6. Thuyết lượng tử và bức xạ nhiệt Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này sinh viên có thể: - Hiểu hiện tượng bức xạ nhiệt, các đại lượng đặc trưng liên quan đến hiện tượng bức xạ nhiệt. - Vận dụng được thuyết lượng tử plank, các định luật bức xạ của vật đen tuyệt đối để giải các bài tập liên quan. - Liên hệ lấy ví dụ liên quan đến bức xạ nhiệt trên thực tế. Nội dung cụ thể: 6.1. Bức xạ nhiệt	02		[1] [4]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: 6.1 - 6.3. [4]: Tập 6, Chương 43 - Làm bài tập chương 6 trong [1], mục 6.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	6.2. Thuyết lượng tử Planck 6.3. Thuyết photon của Anhxtanh (phần tự chọn)				
16.	Ôn và thi kết thúc học phần			[1]	Ôn tập theo đề cương, hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Tuyên

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Ngọc Tú

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIN HỌC CƠ BẢN 1

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Các ngành

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Các ngành

- 1. Tên học phần:** Tin học cơ bản 1
- 2. Mã học phần:** TIN 122
- 3. Số tín chỉ:** 2 (1, 1)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành.
 - Tự học: 60 giờ.
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Không.
- 7. Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phạm Văn Kiên	0986362233	kienpvdesign@gmail.com
2	ThS. Vũ Bảo Tạo	0384305659	taovb2006@gmail.com
3	ThS. Phạm Thị Hường	0972306806	phamthihuongdtth@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	0972384332	anhtuyet13381@gmail.com
5	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	0969803788	hoangdiepdth@gmail.com
6	ThS. Hoàng Thị Ngát	0976940598	htngat1985@gmail.com
7	ThS. Hoàng Thị An	0984420897	anhoangthi87@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	0985547630	nguyenbichngoc1990@gmail.com
9	TS. Nguyễn Đức Thảo	0987866816	nguyenducthao@gmail.com
10	Ths. Trần Duy Khánh	0989201244	khanhtd1978@gmail.com
11	Ths. Phạm Thị Tâm	0393979297	tamphamthi@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tin học cơ bản 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows 7, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Có kiến thức nền tảng về các khái niệm, cấu trúc, phần cứng, phần mềm, sự cố virus và phân loại máy tính điện tử, các thiết bị lưu trữ, thiết bị vào ra, hệ điều hành windows, các thao tác với file và folder, các thiết bị kết nối và công nghệ mạng. Các thao tác với file, khối văn bản; phương pháp định dạng văn bản, thao tác với bảng biểu, chèn các đối tượng vào văn bản, bố cục một trang tài liệu và in ấn.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Nhận biết các loại phần mềm phổ biến khác nhau, cách thức cài đặt, nâng cấp và xử lý các lỗi thường gặp của phần mềm.	4	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	- Sử dụng được hệ điều hành Windows, Email, các trình duyệt web thông dụng và biết cách tìm kiếm thông tin trên internet.	3	[1.2.2.1]
MT2.2	Thực hiện tạo, định dạng được các loại mẫu văn bản, đồ thị, sơ đồ trong thực tế bằng Microsoft Word.	3	[1.2.2.1]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có tính sáng tạo, cẩn thận, khoa học, thẩm mỹ khi trình bày một văn bản khoa học.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn bằng cách áp dụng công cụ máy tính và Internet.	4	[1.2.3.1]
MT3.3	Có thái độ tôn trọng, có trách nhiệm khi sử dụng thông tin trên Internet.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR.1.1	Vận dụng được kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.	4	[2.1.3]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CĐR.1.2	Trình bày được các thao tác cơ bản khi làm việc với máy tính, soạn thảo văn bản, mạng máy tính và internet.	2	[2.1.3]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR.2.1	Làm việc được với hệ điều hành Windows, sử dụng được email trong học tập, công việc, các trình duyệt web thông dụng, tìm kiếm thông tin trên internet.	4	[2.2.1]
CĐR.2.2	Soạn thảo được các văn bản trong thực tế.	3	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.	4	[2.3.1]
CĐR.3.2	Có khả năng định hướng các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.	3	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CĐR1		CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	Chương I. Căn bản về máy tính 1.1. Định nghĩa, cấu trúc và phân loại 1.2. Thiết bị lưu trữ 1.3. Thiết bị nhập, xuất dữ liệu 1.4. Hệ điều hành Windows 1.5. Làm việc với File và Folder 1.6. Phần mềm 1.7. Một số kỹ thuật xử lý sự cố căn bản	x		x		x	x
2	Chương II. Mạng máy tính 2.1. Tổng quan về mạng máy tính 2.2. Các thiết bị kết nối mạng 2.3. Công nghệ mạng LAN 2.4. Công nghệ WAN 2.5. Một số mã hóa bảo mật mạng Wi-fi 2.6. Kiểm tra mạng 2.7. Ngắt kết nối	x		x		x	x
3	Chương III. Sử dụng mạng Internet 3.1. Một số dịch vụ trên Internet 3.2. Tìm hiểu World Wide Web	x		x		x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CDR1		CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	3.3. Làm việc với trang Web 3.4. Thư điện tử 3.5. Mạng xã hội 3.6. Tìm kiếm thông tin trên mạng 3.7. Trách nhiệm sử dụng Internet						
4	Chương IV. Microsoft Word 4.1. Các thao tác cơ bản với Microsoft Word 4.2. Định dạng văn bản 4.3. Thao tác với bảng biểu 4.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 4.5. Bố cục trang tài liệu 4.6. Một số chức năng thông dụng khác		X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thực hành, kiểm tra thường xuyên, giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành; thi kết thúc học phần.
CDR3	Kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, điểm bài tập lớn, bài tập thực hành.	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá chuyên cần: Vấn đáp, tỷ lệ hiện diện trên lớp, làm bài tập.
- Kiểm tra giữa học phần: Thực hành (90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Thực hành (90 phút).

12. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm, trực quan, đàm thoại, nêu vấn đề.
- Thực hành: Làm mẫu; hướng dẫn.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về thái độ học tập, chuyên cần: hoàn thành bài tập và nhiệm vụ giảng viên giao, tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần; ghi chép và tích cực thảo luận, xây dựng bài trên lớp.

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp, đọc thêm các tài liệu liên quan được giảng viên giới thiệu.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2018), *Giáo trình Tin học cơ bản 1*.

- Tài liệu tham khảo

[2] - Trường Đại học Sao Đỏ (2011), *Giáo trình Mạng máy tính*.

[3] - Bùi Thế Tâm (2007), *Giáo trình Tin học đại cương*.

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương I. Căn bản về máy tính Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản về các loại máy tính khác nhau, các thành phần chính cấu thành máy tính và chức năng của chúng, các thiết bị ngoại vi của máy tính, các thiết bị nhập xuất dữ liệu. - Trình bày được phương pháp để duy trì hoạt động ổn định của máy tính, bảo vệ máy tính khỏi sự hỏng hóc và cách giải quyết các vấn đề thông thường liên quan đến phần cứng. - Nhận biết các loại phần mềm phổ biến khác nhau, cách thức cài đặt, nâng cấp hay xử lý các lỗi thường gặp của phần mềm. Nội dung cụ thể: 1.1. Định nghĩa, cấu trúc và phân loại 1.1.1. Khái niệm máy tính 1.1.2. Các bộ phận cấu thành máy tính 1.1.3. Phân loại máy tính	1	2	[1], [3]	 - Nghiên cứu mục tiêu, chương trình, kế hoạch dạy học học phần. - Chuẩn bị các học liệu và phương tiện học tập cần thiết. - Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 1: Mục 1.1 – 1.3. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 2. - Nghiên cứu bài thực hành số 01 đề cương thực hành.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.2. Thiết bị lưu trữ 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Các ổ đĩa 1.2.3. Ổ đĩa cứng 1.2.4. Ổ đĩa quang 1.2.5. Các thiết bị lưu trữ khác 1.3. Thiết bị nhập, xuất dữ liệu 1.3.1. Thiết bị nhập 1.3.2. Thiết bị xuất 1.3.3. Nhận biết cổng kết nối Bài thực hành số 01				
2	1.4. Hệ điều hành Windows 1.4.1. Định nghĩa và chức năng 1.4.2. Cài đặt Windows 7 1.4.3. Khôi phục máy tính với Backup và Restore 1.4.4. Thao tác shutdown, sleep, hibernate, log off, switch users 1.4.5. Cập nhật Windows 1.4.6. Thiết lập với bảng điều khiển Control Panel 1.4.7. Một số tiện ích 1.5. Làm việc với File và Folder 1.5.1. Các thành phần trong cửa sổ Windows Explorer 1.5.2. Các thao tác với File, Folder 1.5.3. Tạo Shortcut và Backup file 1.5.4. Tìm kiếm file 1.5.5. Thiết lập thuộc tính của file 1.5.6. Chia sẻ thông tin cho người dùng Bài thực hành số 02	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 1: Mục 1.4, 1.5. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 2. - Nghiên cứu bài thực hành số 02 đề cương thực hành.
3	1.6. Phần mềm 1.6.1. Phân biệt các loại ứng dụng 1.6.2. Cài đặt và gỡ một ứng dụng 1.6.3. Cập nhật ứng dụng	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 1: Mục 1.6, 1.7. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 6.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.6.4. Một số phần mềm tiện ích 1.7. Một số kỹ thuật xử lý sự cố căn bản 1.7.1. Sự cố virus 1.7.2. Xử lý sự cố phần cứng 1.7.3. Xử lý sự cố phần mềm Bài thực hành số 03				- Nghiên cứu bài thực hành số 03 đề cương thực hành.
4	Chương II. Mạng máy tính Mục tiêu chương: - Trình bày được vai trò của máy chủ, máy khách trong một mạng, những lợi ích và rủi ro khi sử dụng mạng máy tính, các mô hình mạng, kết nối và ngắt kết nối với mạng và kiểm tra kết nối. - Trình bày được các dạng khác nhau của truyền thông điện tử và cách thức làm việc, sử dụng hiệu quả. Nội dung cụ thể: 2.1. Tổng quan về mạng máy tính 2.1.1. Định nghĩa mạng máy tính 2.1.2. Các thành phần trong mạng máy tính 2.2. Các thiết bị kết nối mạng 2.2.1. Cáp mạng 2.2.2. Bộ chuyển tiếp tín hiệu vật lý 2.2.3. Cầu nối 2.2.4. Bộ kết nối 2.2.5. Bộ chuyển mạch 2.2.6. Bộ định tuyến 2.2.7. Cổng giao tiếp Bài thực hành số 04	1	2	[1], [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 2: Mục 2.1, 2.2. - Nghiên cứu tài liệu [2]- Chương 1. - Nghiên cứu bài thực hành số 04 đề cương thực hành.
5	2.3. Công nghệ mạng LAN 2.3.1. Khái quát về mạng LAN 2.3.2. Mạng Ethernet – Các chuẩn Ethernet 2.4. Công nghệ WAN 2.4.1. WAN và liên mạng 2.4.2. Các thiết bị WAN	1	2	[1], [2]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 2: Mục 2.3 – 2.5. - Nghiên cứu tài liệu [2]- Chương 1.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	2.5. Một số mã hóa bảo mật mạng Wifi 2.5.1. WEP 2.5.2. WPA 2.5.3. WPA2 Bài thực hành số 05				- Nghiên cứu bài thực hành số 05 đề cương thực hành.
6	2.6. Kiểm tra mạng 2.6.1. Kiểm tra kết nối mạng 2.6.2. Kiểm tra lỗi gói tin 2.6.3. Kiểm tra tốc độ kết nối 2.7. Ngắt kết nối Chương III. Sử dụng mạng Internet Mục tiêu chương: III - Trình bày được kiến thức cơ bản về internet, web và cách sử dụng trình duyệt web, cách sử dụng tài nguyên internet một cách có trách nhiệm. - Trình bày được cách làm việc với một trang web, lấy thông tin từ trang Web và tìm kiếm thông tin trên Internet một cách hiệu quả. Nội dung cụ thể: 3.1. Một số dịch vụ trên Internet 3.2. Tìm hiểu World Wide Web 3.2.1. Một số trình duyệt Web 3.2.2. Duyệt Web Bài thực hành số 06	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 2: Mục 2.6, 2.7. - Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 3: Mục 3.1, 3.2 (3.2.1, 3.2.2). - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 6. - Nghiên cứu bài thực hành số 06 đề cương thực hành.
7	3.2.3. Thiết lập một trang Web là trang chủ 3.2.4. Thêm, xóa một trang Web vào mục yêu thích 3.2.5. Truy cập một trang Web trong tuần/tháng trước 3.3. Làm việc với trang Web 3.3.1. Sao chép đối tượng text 3.3.2. Sao chép, dán, lưu đối tượng đồ họa 3.3.3. Lưu trang Web 3.3.4. In ấn nội dung trang Web 3.3.5. Upload và Download	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 3: Mục 3.2 (3.2.3 – 3.2.5), 3.3. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 6. - Nghiên cứu bài thực hành số 07 đề cương thực hành.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	3.3.6. Thay đổi thư mục Download mặc định 3.3.7. Tiện ích Plugin Bài thực hành số 07				
8	3.4. Thư điện tử 3.4.1. Tạo mới hòm thư điện tử 3.4.2. Gửi, nhận thư điện tử 3.4.3. Chế độ trả lời, chuyển tiếp, tạo chữ ký 3.4.4. Một số chú ý khi tạo thư 3.5. Mạng xã hội 3.6. Tìm kiếm thông tin trên mạng 3.6.1. Các máy tìm kiếm phổ biến 3.6.2. Thực hiện tìm kiếm thông tin trên mạng 3.6.3. Thực hiện tìm kiếm nâng cao 3.7. Trách nhiệm sử dụng Internet 3.7.1. Phương pháp sử dụng Internet hiệu quả 3.7.2. Sử dụng Internet một cách có trách nhiệm Kiểm tra giữa học phần	1	2 KT	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 3: Mục 3.4 -3.7. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 6. - Nghiên cứu bài thực hành số 08 đề cương thực hành. Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.
9	Chương IV. Microsoft Word Mục tiêu chương: Trình bày được các thao tác với văn bản bằng Microsoft Word: Thao tác với file, khối văn bản; phương pháp định dạng văn bản, thao tác với bảng biểu, chèn các đối tượng vào văn bản, bố cục một trang tài liệu và in ấn. Nội dung cụ thể: 4.1. Các thao tác cơ bản với Microsoft Word 4.1.1. Khởi động, giao diện và thoát Word 4.1.2. Thao tác trên file văn bản 4.1.3. Soạn thảo văn bản tiếng việt 4.1.4. Thao tác trên khối văn bản 4.1.5. Thao tác lặp, hủy bỏ 4.1.6. Tìm kiếm và thay thế trong tài liệu	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 4: Mục 4.1. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 3. - Nghiên cứu bài thực hành số 09 đề cương thực hành

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài thực hành số 08				
10	4.2. Định dạng văn bản 4.2.1. Định dạng ký tự 4.2.2. Định dạng đoạn văn 4.2.3. Định dạng ký tự, số đầu đoạn 4.2.4. Định dạng chữ thụt cấp Bài thực hành số 09	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 4: Mục 4.2 (4.2.1 – 4.2.4). - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 3. - Nghiên cứu bài thực hành số 10 đề cương thực hành
11	4.2.5. Định dạng Tab 4.2.6. Tạo khung viền và màu nền 4.2.7. Định dạng văn bản dạng cột 4.2.8. Sao chép định dạng 4.2.9. Thiết lập và sử dụng Style 4.2.10. Thiết lập chữ trên nền văn bản (WaterMark) Bài thực hành số 10	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 4: Mục 4.2 (4.2.5 – 4.2.10) - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 3. - Nghiên cứu bài thực hành số 11 đề cương thực hành
12	4.3. Thao tác với bảng biểu 4.3.1. Tạo bảng 4.3.2. Nhập dữ liệu và hiệu chỉnh cấu trúc bảng 4.3.3. Định dạng bảng 4.3.4. Chuyển văn bản thành bảng và ngược lại 4.3.5. Sắp xếp, tính toán trong bảng Bài thực hành số 11	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 4: Mục 4.3. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 3. - Nghiên cứu bài số 11 đề cương thực hành
13	4.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 4.4.1. Chèn ký hiệu 4.4.2. Chèn và định dạng hình ảnh 4.4.3. Chèn và định dạng hình vẽ 4.4.4. Chèn và định dạng chữ nghệ thuật 4.4.5. Chèn và định dạng Smart Art 4.4.6. Chèn và định dạng biểu đồ 4.4.7. Chèn và định dạng biểu thức toán học Bài thực hành số 12	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 4: Mục 4.4 (4.4.1 – 4.4.7). - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 3. - Nghiên cứu bài thực hành số 13 đề cương thực hành
14	4.4.8. Chèn và sử dụng liên kết (Hyperlink)	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 4:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	4.4.9. Chèn và sử dụng BookMark 4.5. Bố cục trang tài liệu 4.5.1. Chèn số trang 4.5.2. Tiêu đề đầu trang, cuối trang 4.5.3. Thay đổi bố cục trang 4.5.4. Ngắt trang và ngắt phân vùng 4.5.5. Thiết lập chế độ hiển thị 4.5.6. Xem trước trang in, in tài liệu Bài thực hành số 13				Mục 4.4 (4.4.8 – 4.4.9), 4.5. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 3. - Nghiên cứu bài thực hành số 14 đề cương thực hành
15	4.6. Một số chức năng thông dụng khác 4.6.1. Trộn tài liệu 4.6.2. Bảo vệ tài liệu 4.6.3. Kiểm tra lỗi chính tả và ngữ pháp 4.6.4. Auto Correct 4.6.5. So sánh hai văn bản 4.6.6. Ghi chú và chú thích 4.6.7. Track changes 4.6.8. Tạo Section 4.6.9. Thiết lập quản lý trích dẫn và tham khảo 4.6.10. Thiết lập mục lục tự động cho văn bản 4.6.11. Thiết lập phụ lục cho bảng biểu, hình ảnh Bài thực hành số 14	1	2	[1], [3]	- Nghiên cứu tài liệu [1]- Chương 4: Mục 4.6. - Nghiên cứu tài liệu [3]- Chương 3. - Nghiên cứu bài thực hành số 15 đề cương thực hành

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

Trần Duy Khánh

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Văn Kiên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIN HỌC CƠ BẢN 2

Số tín chỉ: 2
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Các ngành

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Các ngành

- 1. Tên học phần:** Tin học cơ bản 2
- 2. Mã học phần:** TIN 226
- 3. Số tín chỉ:** 2 (1, 1)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ hai
- 5. Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Tin học cơ bản 1.
- 7. Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phạm Văn Kiên	0986362233	kienpvdesign@gmail.com
2	ThS. Vũ Bảo Tạo	0384305659	taovb2006@gmail.com
3	ThS. Phạm Thị Hường	0972306806	phamthihuongdtth@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	0972384332	anhtuyet13381@gmail.com
5	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	0969803788	hoangdiepdth@gmail.com
6	ThS. Hoàng Thị Ngát	0976940598	htngat1985@gmail.com
7	ThS. Hoàng Thị An	0984420897	anhoangthi87@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	0985547630	nguyenbichngoc1990@gmail.com
9	TS. Nguyễn Đức Thảo	0987866816	nguyenducthao@gmail.com
10	Ths. Trần Duy Khánh	0989201244	khanhtd1978@gmail.com
11	Ths. Phạm Thị Tâm	0393979297	tamphamthi@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tin học cơ bản 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được các thao tác với bảng tính bằng Microsoft Excel: Thao tác với file, ô và vùng bảng tính; thao tác trên workbook, sheetbook, thao tác trên dữ liệu bảng tính; cú pháp, ý nghĩa và cách vận dụng các hàm kiểu số, chuỗi, ngày tháng, cơ sở dữ liệu trong Excel, thao tác sắp xếp, tìm kiếm, trích lọc dữ liệu; thao tác chèn các đối tượng vào bảng tính, bố cục trang và in bảng tính.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Trình bày được các thao tác tạo, xây dựng nội dung, tùy biến và hiệu chỉnh bài thuyết trình bằng Microsoft Powerpoint; thiết lập các hiệu ứng và hoạt cảnh cho bài thuyết trình; các bước chuẩn bị và trình chiếu một bài thuyết trình hiệu quả.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích, thiết kế, khởi tạo, định dạng, tính toán và xử lý được dữ liệu theo yêu cầu thực tế bằng Microsoft Excel.	3	[1.2.2.1]
MT2.2	Thiết kế, khởi tạo và trình chiếu được bài thuyết trình theo yêu cầu thực tế bằng Microsoft Powerpoint.	3	[1.2.2.1]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Nâng cao khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề bằng công cụ Excel và powpoint.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Hình thành năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng nâng cao kỹ năng thao tác trên Excel và powpoint.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR.1.1	Vận dụng kiến thức trong Excel giải quyết các bài toán thực tế, đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.	3	[2.1.2]
CDR.1.2	Vận dụng kiến thức trong Powoint đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.	2	[2.1.2]
CDR2	Kỹ năng		
CDR.2.1	Sử dụng thành thạo Excel để giải quyết các bài toán trong thực tế. Thiết lập các bảng tính một cách khoa học, thông minh.	4	[2.2.2]
CDR.2.2	Sử dụng thành thạo Powpoint vào trình chiếu, thuyết trình, nêu bật nội dung cần diễn đạt một cách logic.	4	[2.2.2]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR.3.1	Nâng cao khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề liên quan bằng công cụ Excel và powpoint.	4	[2.3.1]
CDR.3.2	Hình thành năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng nâng cao kỹ năng thao tác trên Excel và powpoint.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CDR1		CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	Bài mở đầu 1. Giới thiệu về học phần 2. Giới thiệu về phần mềm ứng dụng văn phòng						
	Chương I. Microsoft Excel 1.1. Tổng quan về Excel 1.2. Nhập và định dạng dữ liệu 1.3. Công thức và hàm thông dụng 1.4. Sắp xếp, thống kê theo nhóm và tìm kiếm dữ liệu	X	X	X		X	X

	1.5. Các hàm xử lý trên cơ sở dữ liệu 1.6. Thao tác với đồ thị 1.7. Một số kỹ thuật thông dụng khác 1.8. Trình bày trang và in bảng tính						
2	Chương II. Microsoft Powerpoint 2.1. Giới thiệu về Powerpoint 2.2. Thao tác cơ bản với bài thuyết trình 2.3. Xây dựng nội dung bài thuyết trình 2.4. Tạo hiệu ứng cho văn bản 2.5. Trình chiếu bài thuyết trình 2.6. In tài liệu power point	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên, bài tập thực hành, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Bài tập thực hành, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên; điểm chuyên cần; điểm thực hành;...	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá chuyên cần: Phát vấn, tỷ lệ hiện diện trên lớp, làm bài tập.
- Kiểm tra giữa học phần: Thực hành (90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Thực hành (90 phút).

12. Phương pháp dạy và học

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm, trực quan, nêu vấn đề và đàm thoại.
- Thực hành: Hướng dẫn, làm mẫu.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc các tài liệu về Excel, Powerpoint.
- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập thực hành trong đề cương.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Ghi chép và tích cực làm bài tập lớn và các chủ đề tự học, tự nghiên cứu.
- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự tối thiểu 80% thời lượng của học phần.
- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo kế hoạch tiến độ, quy chế.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2018), *Giáo trình Tin học cơ bản 2*.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - *Giáo trình office 2013 cơ bản*, tài liệu ebook.

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Bài mở đầu 1. Giới thiệu về học phần 2. Giới thiệu về phần mềm ứng dụng văn phòng Chương I. Microsoft Excel Mục tiêu chương: - Trình bày được các thao tác với bảng tính bằng Microsoft Excel: Thao tác với file, ô và vùng bảng tính; cú pháp, ý nghĩa và cách vận dụng các hàm kiểu số, chuỗi, ngày tháng, cơ sở dữ liệu trong Excel, thao tác sắp xếp, tìm kiếm, trích lọc dữ liệu; thao tác chèn các đối tượng vào bảng tính, bố cục trang và in bảng tính. - Vận dụng đúng các hàm xây dựng công thức giải quyết các bài toán trong thực tế. Nội dung cụ thể: 1.1. Tổng quan về Excel 1.1.1. Khởi động và thoát Excel 1.1.2. Thao tác với Workbook 1.1.3. Thao tác với Worksheet 1.1.4. Thao tác với ô, cột, dòng và vùng bảng tính Bài thực hành 01	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.1 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 01

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
2	1.2. Nhập và định dạng dữ liệu 1.2.1. Nhập dữ liệu và hiệu chỉnh 1.2.2. Định dạng dữ liệu Bài thực hành 02	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.2 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 02
3	1.3. Công thức và hàm thông dụng 1.3.1. Các phép toán cơ bản trên các kiểu dữ liệu 1.3.2. Thiết lập công thức 1.3.3. Cấu trúc và cách sử dụng hàm 1.3.4. Các hàm thông dụng 1.3.4.1. Nhóm hàm thống kê Bài thực hành 03	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.3 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 03
4	1.3.4.2. Nhóm hàm xử lý toán học 1.3.4.3. Nhóm hàm logic Bài thực hành 04	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.3.4.2-1.3.4.3 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 04
5	1.3.4.4. Nhóm hàm xử lý chuỗi 1.3.4.5. Nhóm hàm xử lý ngày, giờ Bài thực hành 05	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.3.4.4-1.3.4.5 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 05
6	1.4. Sắp xếp, thống kê theo nhóm và tìm kiếm dữ liệu 1.4.1. Sắp xếp dữ liệu 1.4.2. Tổng hợp theo nhóm	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.4

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài thực hành 06				- Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 06
7	1.4.3. Tìm kiếm dữ liệu 1.4.4. PivotTable và PivotChart Bài thực hành 07	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.4.3-1.4.4 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 07
8	1.5. Các hàm xử lý trên cơ sở dữ liệu 1.5.1. Tổng quan về cơ sở dữ liệu và vùng điều kiện 1.5.2. Các hàm xử lý trên cơ sở dữ liệu Kiểm tra giữa học phần	01	02K T	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.5 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần
9	1.5.3. Đặt lọc dữ liệu 1.6. Thao tác với đồ thị 1.6.1. Thao tác với đồ thị Bài thực hành 08	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.5.3, 1.6 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 08
10	1.7. Một số kỹ thuật thông dụng khác 1.7.1. Đặt tên cho vùng dữ liệu 1.7.2. Tạo liên kết giữa các sheet trong Excel 1.7.3. Tạo liên kết ngoài trong Excel 1.7.4. Một số kỹ thuật nâng cao Bài thực hành 09	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.7 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 09

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
11	1.8. Trình bày trang và in bảng tính 1.8.1. Các chế độ hiển thị trang 1.8.2. Thiết lập trang in 1.8.3. Tiêu đề đầu, cuối trang 1.8.4. Bảo vệ cấu trúc bảng tính 1.8.5. Bảo vệ nội dung trong Excel 1.8.6. Xem trước bảng tính, in bảng tính Bài thực hành 10	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương I mục 1.8 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 5 - Nghiên cứu bài thực hành 10
12	Chương 2 . Microsoft Powerpoint Mục tiêu chương: Trình bày được các thao tác tạo, xây dựng nội dung, tùy biến và hiệu chỉnh bài thuyết trình; thiết lập các hiệu ứng và hoạt cảnh cho bài thuyết trình; các bước chuẩn bị và trình chiếu một bài thuyết trình hiệu quả. - Xây dựng các bài thuyết trình có thẩm mỹ và sáng tạo. Nội dung cụ thể: 2.1. Giới thiệu về Powerpoint 2.2. Thao tác cơ bản với bài thuyết trình 2.2.1. Tạo bài thuyết trình 2.2.2. Lưu bài thuyết trình 2.2.3. Các thao tác với Slide 2.2.4. Tạo và hiệu chỉnh trên Slide Master 2.3. Xây dựng nội dung bài thuyết trình 2.3.1. Kế hoạch phát triển bài thuyết trình 2.3.2. Tạo nội dung Bài thực hành 11	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương II - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 6 - Nghiên cứu bài thực hành 11
13	2.3.3. Chèn các đối tượng vào Slide 2.3.4. Tổ chức các Slide trong bài	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	thuyết trình 2.4. Tạo hiệu ứng cho văn bản Bài thực hành 12				- Đọc tài liệu [1] Chương II mục 2.3-2.4 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 6 - Nghiên cứu bài thực hành 12
14	2.4.2. Hiệu ứng cho hình ảnh, hình vẽ 2.4.3. Hiệu ứng cho âm thanh 2.4.4. Xóa hiệu ứng 2.4.5. Trigger 2.4.6. Các hiệu ứng nâng cao Bài thực hành 13	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương II mục 2.4 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 6 - Nghiên cứu bài thực hành 13
15	2.5. Trình chiếu bài thuyết trình 2.5.1. Thiết lập các tùy chọn trong chế độ Slide Show 2.5.2. Trình chiếu bài thuyết trình với nhiều màn hình 2.6. In tài liệu power point Bài thực hành 14	01	02	[1] [2]	- Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép - Đọc tài liệu [1] Chương II mục 2.5-2.6 - Nghiên cứu tài liệu [2] chương 6 - Nghiên cứu bài thực hành 14

Hải Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2018

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

**KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

Trần Duy Khánh

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Văn Kiên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
XÁC SUẤT THỐNG KÊ

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật, Kinh tế

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật, Kinh tế

1. Tên học phần: Xác suất thống kê
2. Mã học phần: TOAN 241
3. Số tín chỉ: 3 (3,0)
4. Trình độ sinh viên: Năm thứ nhất, năm thứ hai.
5. Phân bố thời gian:
 - Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành.
 - Tự học: 90 giờ.
6. Điều kiện tiên quyết: Không
7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Kiều Hiền	0985 330 644	nguyenkieuhien@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hồng	0977 260 832	nguyenhong.sd@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Huệ	0977 944 536	minhhuesaodo@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	0988 101 489	diephuyendhsaodo@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Việt Tuấn	0978 235 234	nguyentuandhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Xác suất Thống kê đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Lý thuyết xác suất: Giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, công thức cộng nhân xác suất, công thức Becnulli, công thức xác suất đầy đủ Bayes, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều.
- Lý thuyết thống kê: Lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Lý thuyết xác suất: Giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, công thức cộng nhân xác suất, công thức Becnulli, công thức xác suất đầy đủ Bayes, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều. - Lý thuyết thống kê: Lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Khả năng tính toán, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về tính xác suất theo định nghĩa, tính xác suất theo các công thức xác suất, các bài thực tế yêu cầu tính xác suất, bài toán ước lượng một đại lượng cụ thể, bài toán kiểm định một giả thuyết đưa ra.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1] [1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Nêu được các khái niệm về giải tích tổ hợp: Quy tắc cộng, quy tắc nhân, tổ hợp, chỉnh hợp, hoán vị.	1	[2.1.3]
CDR1.2	Phát biểu được định nghĩa xác suất. Trình bày được các tính chất của xác suất.		
CDR1.3	Phát biểu được định nghĩa dãy phép thử Becnulli, hệ		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	biến cố đầy đủ. Trình bày được công thức tính xác suất theo công thức Becnulli và công thức đầy đủ Bayes.		
CĐR1.4	Nêu được các khái niệm cơ bản về biến ngẫu nhiên một chiều, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên rời rạc, biến ngẫu nhiên liên tục một chiều.		
CĐR1.5	Phát biểu được định nghĩa về các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên: Kỳ vọng, phương sai, trung vị ... và cách xác định các đặc trưng số tương ứng với biến ngẫu nhiên liên tục hoặc biến ngẫu nhiên rời rạc.		
CĐR1.6	Nêu được các khái niệm cơ bản về biến ngẫu nhiên hai chiều, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc.		
CĐR1.7	Trình bày khái niệm về mẫu ngẫu nhiên và cách xác định các đặc trưng mẫu.		
CĐR1.8	Trình bày được bài toán ước lượng tham số, các phương pháp ước lượng.		
CĐR1.9	Phát biểu được bài toán ước lượng khoảng và cách xác định khoảng ước lượng cho kỳ vọng.		
CĐR1.10	Phát biểu được bài toán kiểm định giả thuyết, khái niệm về miền bác bỏ, độ tin cậy, mức ý nghĩa, cặp giả thuyết.		
CĐR1.11	Nêu được thủ tục kiểm định cơ bản.		
CĐR1.12	Xác định được thủ tục kiểm định cụ thể cho bài toán kiểm định với tham số là kỳ vọng.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Thực hiện được các quy tắc đếm và công thức giải tích tổ hợp.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Sử dụng định nghĩa xác suất để tính xác suất.		
CĐR2.3	Áp dụng các định lý cộng nhân, công thức Becnulli, công thức xác suất đầy đủ Bayes để tính xác suất.		
CĐR2.4	Xây dựng được bảng phân phối, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên một chiều rời rạc.		
CĐR2.5	Tìm được hàm mật độ và các đặc trưng số của biến		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	ngẫu nhiên liên tục.		
CĐR2.6	Liên hệ thực tế một số biến ngẫu nhiên thường gặp.		
CĐR2.7	Xây dựng được bảng phân phối xác suất đồng thời, phân phối xác suất biên, phân phối xác suất có điều kiện, kỳ vọng trong biến ngẫu nhiên hai chiều.		
CĐR2.8	Xử lý được số liệu trong lý thuyết mẫu, tính được kỳ vọng mẫu, phương sai mẫu.		
CĐR2.9	Tính được các ước lượng điểm cho kỳ vọng mẫu, phương sai mẫu. Xác định được khoảng tin cậy cho kỳ vọng của biến ngẫu nhiên có phân phối chuẩn.		
CĐR2.10	Xác định các yếu tố: Giả thuyết, đối thuyết, độ tin cậy, mức ý nghĩa trong các bài toán thực tế.		
CĐR2.11	Kiểm định được giả thuyết đối với kỳ vọng của biến ngẫu nhiên có phân phối chuẩn.		
CĐR2.12	Tính toán chính xác trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra, làm bài thi.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]; [2.3.2]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung bài học	Chuẩn đầu ra của học phần																												
		CDR1												CDR2												CDR3				
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 1.9	CDR 1.10	CDR 1.11	CDR 1.12	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4	
	Chương 1. Sự kiện ngẫu nhiên và phép tính xác suất 1.1. Giải tích tổ hợp 1.2. Biến cố và quan hệ các biến cố 1.3. Xác suất của biến cố 1.4. Các công thức xác suất 1.4.1. Xác suất có điều kiện và công thức nhân xác suất 1.4.2. Công thức cộng xác suất 1.4.3. Công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes 1.5. Dãy phép thử Bernoulli	x	x	x									x	x	x										x	x	x	x	x	
	Chương 2. Biến ngẫu nhiên một chiều 2.1. Biến ngẫu nhiên 2.2. Biến ngẫu nhiên rời rạc 2.2.1. Bảng phân phối xác suất 2.2.2. Phân phối				x	x											x	x	x							x	x	x	x	x

Chương	Nội dung bài học	Chuẩn đầu ra của học phần																											
		CDR1												CDR2												CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 1.9	CDR 1.10	CDR 1.11	CDR 1.12	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	xác suất 2.2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc 2.2.4. Một số phân phối rời rạc thường gặp 2.3. Biến ngẫu nhiên liên tục																												
	Chương 3. Biến ngẫu nhiên hai chiều 3.1. Khái niệm về biến ngẫu nhiên hai chiều 3.2. Quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên hai chiều 3.3. Các đặc trưng của hệ hai biến ngẫu nhiên						X												X						X	X	X	X	X
4	Chương 4. Cơ sở Lý thuyết mẫu 4.1. Khái niệm cơ bản 4.2. Trình bày mẫu số liệu 4.3. Các đặc trưng mẫu 4.4. Bài toán ước							X	X	X										X	X			X	X	X	X	X	

Chương	Nội dung bài học	Chuẩn đầu ra của học phần																											
		CDR1												CDR2												CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 1.9	CDR 1.10	CDR 1.11	CDR 1.12	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	lượng tham số																												
	Chương 5. Kiểm định giả thuyết thống kê 5.1. Các khái niệm cơ bản 5.2. Kiểm định về giá trị trung bình 5.2.1. X có phân phối chuẩn và σ^2 đã biết 5.2.2. X có phân phối chuẩn và σ^2 chưa biết, mẫu nhỏ 5.2.3. X có phân phối chuẩn và σ^2 chưa biết, mẫu lớn 5.3. Kiểm định về tỷ lệ										x	x	x										x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, làm bài tập ở nhà, chuyên cần của sinh viên	- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận. - Chuẩn bị bài tập về nhà.	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	Kiểm tra tự luận 01 bài (90 phút)	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Thi tự luận 01 bài (90 phút)	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận:
 - Tổ chức: Giảng viên lập danh sách sinh viên nhằm theo dõi và đánh giá ý thức, thái độ tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình học tập.
 - Nội dung: Đánh giá ý thức của sinh viên trong việc tham gia đầy đủ các buổi học có sự hướng dẫn của giảng viên, ý thức trong giờ học thông qua mức độ tham gia và sẵn sàng tham gia thảo luận của sinh viên.
 - Hướng dẫn đánh giá: Chấm điểm dựa trên số buổi đi học và số lần phát biểu xây dựng bài học. Thang điểm 10.
- Bài tập về nhà:
 - Tổ chức: Làm việc cá nhân và theo nhóm (mỗi nhóm 4 – 5 người).
 - Nội dung: Sinh viên được yêu cầu làm 5 – 20 bài tập mỗi chương.
 - Hướng dẫn đánh giá: Chấm điểm dựa trên lượng bài tập hoàn thành theo nhiệm vụ được giao. Thang điểm 10.
- Kiểm tra giữa học phần:
 - Hình thức: Làm bài kiểm tra cá nhân, hình thức tự luận, thời gian làm bài kiểm tra là 90 phút.

- Nội dung kiểm tra: Nội dung kiểm tra bao quát các vấn đề về lý thuyết xác suất như: Tính xác suất bằng định nghĩa, tính xác suất bằng các công thức xác suất, biến ngẫu nhiên một chiều.

- Tổ chức đánh giá: Giảng viên giảng dạy chịu trách nhiệm chấm bài kiểm tra. Bài kiểm tra được thực hiện vào tuần thứ 7 của học phần. Thang điểm 10.

• Thi kết thúc học phần:

- Hình thức: Đề thi được chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi Xác suất thống kê. Thời gian thi là 90 phút.

- Nội dung: Nội dung thi bao quát các chương của học phần.

- Tổ chức đánh giá: Bài thi được chấm 2 lượt độc lập bởi 2 giảng viên Bộ môn Toán. Thang điểm 10.

12. Phương pháp dạy và học

Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết: Giảng viên giải thích các khái niệm, định lý; lấy ví dụ và hướng dẫn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi.

- Đối với giờ bài tập: Giảng viên cho bài tập; khích lệ sinh viên lên bảng giải bài tập, yêu cầu cả lớp đưa ra nhận xét, sửa chữa để có lời giải hoàn chỉnh nhất.

- Đối với bài tập về nhà: Giảng viên tổ chức các nhóm; giao bài tập cho cá nhân, các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện.

13. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Đọc và nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần.

- Tham gia thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Máy tính, vở ghi, bút, thước kẻ, ...

14. Tài liệu phục vụ học tập

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] – *Giáo trình Xác suất thống kê*, Đại học Sao Đỏ (2018).

- **Tài liệu tham khảo:**

[2] - Nguyễn Cao Văn, Ngô Văn Thứ và Trần Thái Ninh (2018), *Lý thuyết xác suất và Thống kê toán*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

[3] - Đặng Hùng Thắng (2013), *Xác suất nâng cao*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1. Sự kiện ngẫu nhiên và phép tính xác suất Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được khái niệm về phép thử, biến cố, xác suất của biến cố. - Tính được xác suất theo định nghĩa và theo công thức cộng nhân xác suất, công thức Becnulli, công thức xác suất đầy đủ Bayes. - Áp dụng các công thức tính xác suất vào các bài toán thực tiễn. Nội dung cụ thể: 1.1. Giải tích tổ hợp 1.2. Biến cố và quan hệ các biến cố	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 1.1; 1.2. [2]: Phần I, chương 1 – Mục 1, 2, 3, 4. - Làm bài tập Chương 1 trong [1]: Bài 1.1÷1.7.
2	1.3. Xác suất của biến cố 1.4. Các công thức xác suất 1.4.1. Xác suất có điều kiện và công thức nhân xác suất	03		[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 1.3; 1.4. [2]: Phần I, chương 1 – Mục 4, 9. [3]: Mục 2.3.
3	1.4.2. Công thức cộng xác suất 1.4.3. Công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes 1.5. Dãy phép thử Bernoulli	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 1.4; 1.5. [2]: Phần I, chương 2 – Mục 8, 10. - Làm bài tập Chương 1 trong [1]: Bài 1.12÷1.18.
4	Chương 2. Biến ngẫu nhiên một chiều Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được khái niệm về	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 2.1; 2.2. [2]: Phần I, chương 2 – Mục 1, 2, 3. - Làm bài tập Chương 2

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	biến ngẫu nhiên, bảng phân phối của biến rời rạc, hàm mật độ của biến liên tục, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên. - Xác định được xác suất biến ngẫu nhiên nhận giá trị cụ thể, biến ngẫu nhiên nhận giá trị trong khoảng, đoạn. - Tính được kỳ vọng, phương sai của biến ngẫu nhiên. - Liên hệ được các bài toán thực tế. Nội dung cụ thể: 2.1. Biến ngẫu nhiên 2.2. Biến ngẫu nhiên rời rạc 2.2.1. Quy luật phân phối				trong [1]: Bài 2.1÷ 2.4.
5	2.2.2. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc 2.3. Biến ngẫu nhiên liên tục 2.3.1. Hàm mật độ và phân phối xác suất	03		[1] [2] [3]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 2.3. [2]: Phần I, chương 2 – Mục 3, 4. [3]: Mục 3.2. - Làm bài tập Chương 2 trong [1]: Bài 2.1÷2.4.
6	2.3.2. Các tham số đặc trưng	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 2.3. [2]: Phần I, chương 2 – Mục 4. - Làm bài tập Chương 2 trong [1]: Bài 2.5÷2.10.
7	Kiểm tra giữa học phần	03		[1] [2]	Tham gia kiểm tra giữa học phần
8	Chương 3. Biến ngẫu nhiên hai chiều Mục tiêu chương: Học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu khái niệm về biến ngẫu nhiên hai chiều, hàm	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 3.1; 3.2. [2]: Phần I, chương 4 – Mục 1, 2, 3, 4. - Làm bài tập Chương 3 trong [1]: Bài 3.1÷3.5

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	phân phối của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc. - Xác định được bảng phân phối xác suất đồng thời, phân phối xác suất biên, phân phối xác suất có điều kiện, kỳ vọng của biến ngẫu nhiên hai chiều. - Vận dụng biến ngẫu nhiên hai chiều giả quyết một số bài toán thực tế. Nội dung cụ thể: 3.1. Khái niệm về biến ngẫu nhiên hai chiều 3.2. Quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên hai chiều				
9	3.3. Các đặc trưng của hệ hai biến ngẫu nhiên	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 3.3. [2]: Phần I, chương 4 – Mục 7. - Làm bài tập Chương 3 trong [1]: Bài 3.1÷3.5.
10	Chương 4. Lý thuyết mẫu và bài toán ước lượng tham số Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu các khái niệm mẫu ngẫu nhiên, bài toán ước lượng điểm, bài toán ước lượng khoảng. - Sử lý được số liệu trong lý thuyết mẫu, tính được kỳ vọng mẫu, phương sai mẫu. - Xác định được khoảng tin cậy cho kỳ vọng của biến ngẫu nhiên có phân phối chuẩn. - Vận dụng ước lượng khoảng vào các bài toán	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4. [2]: Phần II, chương 6 – Mục 1, 2, 3, 4. - Làm bài tập Chương 4 trong [1]: Bài 4.1÷4.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	thực tế. Nội dung cụ thể: 4.1. Khái niệm cơ bản 4.2. Trình bày mẫu số liệu 4.3. Các đặc trưng mẫu				
11	4.4. Bài toán ước lượng tham số 4.4.1. Ước lượng điểm	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 4.4. [2]: Phần II, chương 7 – Mục 1, 2. - Làm bài tập Chương 4 trong [1]: Bài 4.3÷ 4.5.
12	4.4.2. Ước lượng khoảng	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 4.4. [2]: Phần II, chương 7 - Mục 3. - Làm bài tập Chương 4 trong [1]: Bài 4.6÷4.10.
13	Chương 5. Kiểm định giả thuyết thống kê Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu các khái niệm về cặp giả thuyết, độ tin cậy, mức ý nghĩa, miền bác bỏ. - Xác định được thủ tục kiểm định tham số. - Xác định được các yếu tố: Giả thuyết, đối thuyết, độ tin cậy, mức ý nghĩa trong các bài toán thực tế. - Kiểm định được giả thuyết đối với kỳ vọng của biến ngẫu nhiên có phân phối chuẩn. Nội dung cụ thể: 5.1. Các khái niệm cơ bản 5.2. Kiểm định về giá trị trung bình 5.2.1. X có phân phối	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 6.1; 6.2. [2]: Phần II, chương 8 – Mục 1, 2, 3. - Làm bài tập Chương 5 trong [1]: Bài 5.1÷5.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	chuẩn và σ^2 đã biết				
14	5.2.2. X có phân phối chuẩn và σ^2 chưa biết, mẫu nhỏ 5.2.3. X có phân phối chuẩn và σ^2 chưa biết, mẫu lớn	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 5.2.2; 5.2.3. [2]: Phần II, chương 8 - Mục 3. - Làm bài tập Chương 5 trong [1]: Bài 5.5÷5.6.
15	5.3. Kiểm định về tỷ lệ	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong [1]. [1]: Mục 5.3. [2]: Phần II, chương 8 – Mục 3. - Làm bài tập Chương 5 trong [1]: Bài 5.7÷ 5.8.
16	Ôn và thi kết thúc học phần			[1] [2]	- Ôn tập theo đề cương hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Tuyên

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Viết Tuấn

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP TÍNH

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật

1. Tên học phần: Phương pháp tính

2. Mã học phần: TOAN 151

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ sinh viên: Năm thứ nhất, năm thứ hai.

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành.

- Tự học: 90 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Toán ứng dụng A1, Toán ứng dụng A2 hoặc Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Kiều Hiền	0985 330 644	nguyenkieuhien@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hồng	0977 260 832	nguyenhong.sd@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Huệ	0977 944 536	minhhuesaodo@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	0988 101 489	diephuyendhsaodo@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Việt Tuấn	0978 235 234	nguyentuandhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Phương pháp tính đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Lý thuyết sai số; phương pháp tìm nghiệm gần đúng của phương trình một ẩn; phương pháp giải gần đúng nghiệm của hệ phương trình tuyến tính; phép nội suy hàm và ứng dụng nó trong việc tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định; phương pháp giải gần đúng phương trình vi phân thường; các ứng dụng của nó trong thực tế và trong tính toán kỹ thuật.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		

	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Khái niệm sai số; quy tắc tính sai số; phương pháp tìm gần đúng nghiệm thực của phương trình một ẩn; hai phương pháp nội suy Lagrange và Newton; ứng dụng các bài toán nội suy trong việc tính gần đúng đạo hàm; tính phân xác định; giải gần đúng phương trình vi phân thường.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng tính toán, đánh giá, sử dụng linh hoạt các phương pháp tính gần đúng nghiệm của phương trình, phương trình vi phân thường, nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, nội suy đa thức và ứng dụng tính gần đúng đạo hàm, tích phân xác định.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1] [1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Phát biểu khái niệm về sai số và các quy tắc tính sai số.	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Phát biểu khái niệm nghiệm và khoảng phân ly nghiệm của phương trình.		
CĐR1.3	Trình bày nội dung phương pháp chia đôi, lặp, tiếp tuyến, dây cung và đánh giá sai số.		
CĐR1.4	Trình bày nội dung phương pháp lặp đơn giải gần đúng hệ phương trình tuyến tính.		
CĐR1.5	Phát biểu khái niệm nội suy đa thức và bài toán sử dụng phương pháp bình phương bé nhất.		
CĐR1.6	Trình bày phương pháp đa thức nội suy Lagrange và Newton.		
CĐR1.7	Trình bày phương pháp bình phương bé nhất.		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1.8	Trình bày phương pháp tính gần đúng đạo hàm.		
CDR1.9	Trình bày phương pháp hình thang, simpson tính gần đúng tích phân xác định.		
CDR1.10	Trình bày phương pháp chuỗi Taylor, Euler, Runge- Kutta giải gần đúng phương trình vi phân thường.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Thực hiện tính toán các sai số theo quy tắc.	3	[2.2.6]
CDR2.2	Tìm khoảng phân ly nghiệm của phương trình một ẩn.		
CDR2.3	Áp dụng phương pháp chia đôi, phương pháp lặp, phương pháp tiếp tuyến, phương pháp dây cung giải gần đúng các phương trình một ẩn.		
CDR2.4	Đánh giá sai số nghiệm gần đúng đối với từng phương pháp giải gần đúng.		
CDR2.5	So sánh thời gian thực hiện và khảo sát sự ảnh hưởng của từng phương pháp vào giá trị khởi đầu.		
CDR2.6	Sử dụng phương pháp lặp đơn giải gần đúng nghiệm của hệ phương trình và đánh giá sai số.		
CDR2.7	Thực hiện nội suy đa thức bằng phương pháp Lagrange và Newton.		
CDR2.8	Áp dụng phương pháp bình phương bé nhất xác định các tham số đối với dữ liệu có phân bố theo đường thẳng và đường cong.		
CDR2.9	Tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định.		
CDR2.10	Khảo sát sai số đối với từng phương pháp tính gần đúng tích phân xác định.		
CDR2.11	Tìm nghiệm gần đúng của phương trình vi phân thường và đánh giá sai số qua phương pháp chuỗi Taylor, Euler, Runge- Kutta.		
CDR2.12	Tính toán chính xác trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra, làm bài		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	thi.		
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1] [2.3.2]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CDR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CDR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																									
		CDR1										CDR2												CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 1.9	CDR 1.10	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	Chương 1. Lý thuyết sai số 1.1. Khái niệm số xấp xỉ 1.2. Sai số tuyệt đối, sai số tương đối 1.3. Cách viết số xấp xỉ 1.4. Các quy tắc tính sai số	x										x											x	x	x	x	x
2	Chương 2. Tính gần đúng nghiệm thực của một phương trình 2.1. Nghiệm thực và sự tồn tại nghiệm của phương trình 2.2. Khoảng phân li nghiệm 2.3. Các phương pháp tính gần đúng nghiệm của phương trình		x	x									x	x	x	x							x	x	x	x	x
3	Chương 3. Tính gần đúng nghiệm của hệ				x												x						x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																									
		CDR1										CDR2												CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 1.9	CDR 1.10	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	phương trình đại số tuyến tính 3.1. Dạng tổng quát của hệ phương trình đại số tuyến tính 3.2. Sự tồn tại duy nhất nghiệm của hệ phương trình 3.3. Phương pháp Gauss 3.4. Phương pháp lặp đơn																										
4	Nội suy đa thức và phương pháp bình phương bé nhất 4.1. Đa thức nội suy 4.2. Đa thức nội suy Lagrange 4.3. Đa thức nội suy Newton 4.4. Phương pháp bình phương bé nhất					X	X	X									X	X			X	X	X	X	X	X	X
5	Chương 5. Tính gần								X	X									X	X	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																											
		CDR1										CDR2												CDR3					
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 1.9	CDR 1.10	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4		
	đúng đạo hàm và tích phân xác định 5.1. Tính gần đúng đạo hàm 5.2. Tính gần đúng tích phân xác định																												
6	Chương 6. Giải gần đúng phương trình vi phân thường 6.1. Đặt vấn đề 6.2. Phương pháp chuỗi Taylor 6.3. Phương pháp Euler 6.4. Phương pháp Runge – Kutta									X												X	X	X	X	X	X		

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, làm bài tập ở nhà, chuyên cần của sinh viên	- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận. - Chuẩn bị bài tập về nhà.	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	Kiểm tra tự luận 01 bài (90 phút)	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Thi tự luận 01 bài (90 phút)	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Mức độ tham dự lớp học, nhận thức, ý thức thảo luận:
 - Tổ chức: Giảng viên lập danh sách sinh viên nhằm theo dõi và đánh giá ý thức, thái độ tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình học tập.
 - Nội dung: đánh giá ý thức của sinh viên trong việc tham gia đầy đủ các buổi học có sự hướng dẫn của giảng viên, ý thức trong giờ học thông qua mức độ tham gia và sẵn sàng tham gia thảo luận của sinh viên.
 - Hướng dẫn đánh giá: chấm điểm dựa trên số buổi đi học và số lần phát biểu xây dựng bài học. Thang điểm 10.
- Bài tập về nhà:
 - Tổ chức: Làm việc cá nhân và theo nhóm (mỗi nhóm 4 – 5 người).
 - Nội dung: Sinh viên được yêu cầu làm 5 – 10 bài tập mỗi chương.
 - Hướng dẫn đánh giá: chấm điểm dựa trên lượng bài tập hoàn thành theo nhiệm vụ được giao. Thang điểm 10.
- Kiểm tra giữa học phần:
 - Hình thức: làm bài kiểm tra cá nhân, hình thức tự luận, thời gian làm bài kiểm tra là 90 phút.
 - Nội dung kiểm tra: Nội dung kiểm tra bao quát các vấn đề quy tắc tính sai số, giải gần đúng các phương trình, hệ phương trình tuyến tính.
 - Tổ chức đánh giá: Giảng viên giảng dạy chịu trách nhiệm chấm bài kiểm tra. Bài kiểm tra được thực hiện vào tuần thứ 8 của học phần. Thang điểm 10.

- Thi kết thúc học phần:
 - Hình thức: Đề thi được chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi Phương pháp tính. Thời gian thi là 90 phút.
 - Nội dung: Nội dung thi bao quát các chương của học phần.
 - Tổ chức đánh giá: Bài thi được chấm 2 lượt độc lập bởi 2 giảng viên Bộ môn Toán. Thang điểm 10.

12. Phương pháp dạy và học

Tích cực hóa hoạt động của người học, khơi dậy và phát triển khả năng tự học nhằm hình thành tư duy tích cực, độc lập sáng tạo.

- Tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Đối với giảng dạy lý thuyết: Giảng viên giải thích các khái niệm, định lý; lấy ví dụ và hướng dẫn; nêu vấn đề, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi.

- Đối với giờ bài tập: Giảng viên cho bài tập; khích lệ sinh viên lên bảng giải bài tập, yêu cầu cả lớp đưa ra nhận xét, sửa chữa để có lời giải hoàn chỉnh nhất.

- Đối với bài tập về nhà: Giảng viên tổ chức các nhóm; giao bài tập cho cá nhân, các nhóm và yêu cầu sinh viên thực hiện. Sinh viên xây dựng kế hoạch, sắp xếp và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm để thực hiện.

13. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần.
- Tham gia thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Máy tính, vở ghi, bút, thước kẻ, ...

14. Tài liệu phục vụ học tập

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] – Giáo trình *Phương pháp tính*, Đại học Sao Đỏ (2018).

- **Tài liệu tham khảo**

[2] - Tạ Văn Đĩnh (2011), *Phương pháp tính*, NXB Giáo Dục.

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1. Lý thuyết sai số	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Hiểu được khái niệm sai số. - Áp dụng quy tắc tính toán các sai số. Nội dung cụ thể: Chương 1. Lý thuyết sai số 1.1. Khái niệm số xấp xỉ 1.2. Sai số tuyệt đối, sai số tương đối 1.3. Cách viết số xấp xỉ				[1]: Mục 1.1, 1.2; 1.3. [2]: Mục 1.1, 1.2; 1.3. - Làm bài tập Chương 1 trong [1]: Bài 1.4-1.10.
2	1.4. Các quy tắc tính sai số			[1] [2]	[1]: Mục 1.4. [2]: Mục 1.4, 1.5. - Làm bài tập Chương 1 trong [1]: Bài 1.5-1.10.
3	Chương 2. Tính gần đúng nghiệm thực của một phương trình Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Trình bày được các phương pháp giải gần đúng nghiệm thực của phương trình. - Sử dụng các phương pháp vào giải các phương trình cụ thể. - Đánh giá được các sai số và so sánh sự tối ưu các phương pháp.	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.1, 2.2, 2.3.1; [2]: Mục 2.1, 2.2. - Làm bài tập Chương 2 trong [1]: Bài 2.1, 2.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Nội dung cụ thể: 2.1. Nghiệm thực và sự tồn tại nghiệm của phương trình 2.2. Khoảng phân li nghiệm 2.3. Các phương pháp tính gần đúng nghiệm của phương trình 2.3.1. Phương pháp chia đôi				
4	2.3.2. Phương pháp lặp	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.3.2; [2]: Mục 2.3. - Làm bài tập Chương 2 trong [1]: Bài 2.3, 2.4.
5	2.3.3. Phương pháp tiếp tuyến 2.3.4. Phương pháp dây cung	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 2.3.3, 2.3.4. [2]: Mục 2.4, 2.5. - Làm bài tập Chương 2 trong [1]: Bài 2.5, 2.6.
6	Chương 3. Tính gần đúng nghiệm của hệ phương trình đại số tuyến tính Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Mô tả phương pháp	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.1, 3.2, 3.3; [2]: Mục 3.1, 3.2. - Làm bài tập Chương 3 trong [1]: Bài 3.1, 3.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	tính gần đúng nghiệm của hệ phương trình đại số tuyến tính. - Áp dụng tính gần đúng nghiệm của hệ phương trình tuyến tính và đánh giá sai số. Nội dung cụ thể: 3.1. Dạng tổng quát của hệ phương trình đại số tuyến tính 3.2. Sự tồn tại duy nhất nghiệm của hệ phương trình 3.3. Phương pháp Gauss				
7	3.4. Phương pháp lặp đơn	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 3.4. [2]: Mục 3.3, 3.4. - Làm bài tập Chương 3 trong [1]: Bài 3.3.
8	Kiểm tra giữa học phần	03		[1] [2]	Tham gia kiểm tra giữa học phần.
9	Chương 4. Nội suy đa thức và phương pháp bình phương bé nhất Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Trình bày được phương pháp nội suy đa thức Lagrange và Newton. - Áp dụng tìm các hàm nội suy trên số liệu cụ	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 4.1, 4.2; [2]: Mục 4.1.3. - Làm bài tập Chương 4 trong [1]: Bài 4.1, 4.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	thể. - Áp dụng phương pháp bình phương bé nhất xác định các tham số đối với dữ liệu có phân bố theo đường thẳng và đường tròn. Nội dung cụ thể: 4.1. Đa thức nội suy 4.2. Đa thức nội suy Lagrange				
10	4.3. Đa thức nội suy Newton 4.3.1. Trường hợp các nút nội suy không cách đều 4.3.2. Trường hợp các nút nội suy cách đều	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 4.3; [2]: Mục 4.1.8. - Làm bài tập Chương 4 trong [1]: Bài 4.3, 4.4.
11	4.4. Phương pháp bình phương bé nhất	03			- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 4.4; [2]: Mục 4.2. - Làm bài tập Chương 4 trong [1]: Bài 4.6-4.9.
12	Chương 5. Tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Mô tả được phương pháp tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 5.1, 5.2.1. [2]: Mục 5.1.2. - Làm bài tập Chương 5 trong [1]: Bài 5.1, 5.2 5.4.a.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	định. - Áp dụng tính gần đúng diện tích các vật thể. Nội dung cụ thể: 5.1. Tính gần đúng đạo hàm 5.2. Tính gần đúng tích phân xác định 5.2.1. Công thức hình thang				
13	5.2.2. Công thức Simpson	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 5.2.2. [2]: Mục 5.2.6. - Làm bài tập Chương 5 trong [1]: Bài 5.1, 5.2 5.4.a.
14	Chương 6. Giải gần đúng phương trình vi phân thường Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Mô tả được phương pháp Taylor, Euler, Runge- Kutta giải gần đúng phương trình vi phân. - Áp dụng giải gần đúng các phương trình vi phân thường cụ thể. Nội dung cụ thể: 6.1. Đặt vấn đề 6.2. Phương pháp chuỗi Taylor	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 6.1, 6.2, 6.3; [2]: Mục 6.1, 6.2. - Làm bài tập Chương 6 trong [1]: Bài 5.3, 5.5, 5.4.b,c, 6.1, 6.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	6.3. Phương pháp Euler				
15	6.4. Phương Runge – Kutta	03		[1] [2]	- Chuẩn bị trước nội dung bài học trong: [1]: Mục 6.4; [3]: Mục 6.5. - Làm bài tập Chương 6 trong [1]: Bài 6.3, 6.2.
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2]	Ôn tập theo đề cương hướng dẫn ôn tập thi kết thúc học phần.

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Văn Tuyên



Nguyễn Viết Tuấn